

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Kế toán
Mã số: 52 34 03 01

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÀI GÒN

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC

Ngành: Kế toán
Mã số: 52 34 03 01

(Đính kèm Quyết định số /QĐ-ĐHSG-ĐT
ngày tháng năm 2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn)

THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2016

MỤC LỤC

PHẦN 1 MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA.....	3
1.1. Mục tiêu chung.....	3
1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra	3
1.2.1. Yêu cầu về kiến thức	3
1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng	3
1.2.3. Yêu cầu về thái độ	3
1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp.....	4
1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	4
1.5. Các chương trình đã tham khảo	4
1.5.1. Các chương trình trong nước	4
1.5.2. Các chương trình nước ngoài	4
PHẦN 2 NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO.....	5
2.1. Khái quát chương trình đào tạo.....	5
2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo.....	5
2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo	5
2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp	5
2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo	5
2.2. Khung chương trình đào tạo	6
2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có).....	8
2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ.....	8
2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (không có)	10
PHẦN 3 ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN	11
MARKETING CĂN BẢN.....	12
KINH TẾ LƯỢNG.....	16
QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN	20
KINH TẾ VI MÔ	24
KINH TẾ VĨ MÔ	28
LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ.....	34
THUẾ.....	38
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1	42
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2.....	48
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3.....	54
KẾ TOÁN CHI PHÍ.....	57
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ	61

KIỂM TOÁN CĂN BẢN	66
KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH	70
TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN	75
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1	80
PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	83
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 1	87
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 2	91
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 3	95
CHUẨN MỤC KẾ TOÁN.....	98
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN	101
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2	107
KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP	111
KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	117
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	122
TÀI CHÍNH CÔNG	126
TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG	130
HỆ THỐNG PHÁP LUẬT KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN	134
NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG TRONG KẾ TOÁN	137
THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH.....	141
THANH TOÁN QUỐC TẾ	145
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ	149
THỰC TẬP TỐT NGHIỆP	153
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP	156
KẾ TOÁN MỸ	159
KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG.....	163
THỰC HÀNH KHAI BÁO THUẾ.....	167
EXCEL TRONG PHÂN TÍCH KINH DOANH	169
EXCEL TRONG KIỂM TOÁN.....	173

PHẦN 1

MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo cử nhân ngành Kế toán có phẩm chất chính trị, đạo đức và sức khỏe tốt; nắm vững những kiến thức cơ bản về kinh tế – xã hội, quản trị kinh doanh, tài chính và kế toán; có năng lực nghiên cứu, tổ chức và giải quyết vấn đề chuyên môn trong lĩnh vực kế toán. Sinh viên sau khi tốt nghiệp có thể làm việc ở các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, đơn vị hành chính sự nghiệp, các công ty kiểm toán, ngân hàng hoặc các đơn vị khác thuộc mọi thành phần kinh tế.

1.2. Mục tiêu cụ thể và chuẩn đầu ra

1.2.1. Yêu cầu về kiến thức

- Kiến thức chuyên ngành

Sinh viên được trang bị các kiến thức về chuẩn mực kế toán, chế độ tài chính – kế toán do nhà nước ban hành, kiến thức về các nghiệp vụ chuyên môn như kế toán tài chính, kế toán quản trị, phân tích báo cáo tài chính, kiểm toán đảm bảo sinh viên có khả năng xử lý độc lập các nghiệp vụ chuyên môn sau khi tốt nghiệp ra trường.

- Kiến thức bổ trợ

Kiến thức cơ bản về quản trị doanh nghiệp và kiến thức về các nghiệp vụ bổ trợ thuộc lĩnh vực kế toán như: tài chính doanh nghiệp, thị trường tài chính, nghiệp vụ ngân hàng thương mại, thuế; giúp cho người học có khả năng chuyển đổi linh hoạt ngành nghề khi cần thiết.

1.2.2. Yêu cầu về kỹ năng

- Có khả năng thực hiện tất cả các phần hành kế toán tài chính: kế toán vật tư, kế toán công nợ, kế toán ngân hàng, kế toán tiền lương, kế toán tài sản cố định, kế toán giá thành, kế toán tổng hợp.

- Có khả năng sử dụng các phần mềm kế toán để xử lý các công việc kế toán.

- Có khả năng thực hiện các công việc kiểm toán ở các công ty kiểm toán độc lập hoặc kiểm toán nội bộ, kiểm toán nhà nước.

- Có khả năng phân tích tình hình tài chính phục vụ cho các quyết định tài chính.

- Có khả năng dự toán, phân tích, đánh giá và ra các quyết định kinh doanh.

1.2.3. Yêu cầu về thái độ

- Có ý thức chấp hành pháp luật của Nhà nước

- Có ý thức tổ chức kỷ luật lao động cao

- Có đạo đức nghề nghiệp

- Yêu ngành, yêu nghề

- Có ý thức làm việc nhóm

- Có ý thức phục vụ xã hội, phục vụ cộng đồng.

1.3. Vị trí làm việc của người học sau khi tốt nghiệp

- Nhân viên kế toán ở tất cả các khâu trong phòng kế toán ở các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác.

- Kế toán tổng hợp ở các doanh nghiệp, các đơn vị hành chính sự nghiệp và các tổ chức khác.

- Có khả năng đảm nhận kế toán trưởng hoặc chuyển đổi làm các công việc khác trong doanh nghiệp và các tổ chức khác.

- Nhân viên kiểm toán trong các công ty kiểm toán độc lập, kiểm toán nhà nước hoặc kiểm toán nội bộ.

- Nhân viên tài chính trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác.

- Nhân viên kế toán quản trị trong các doanh nghiệp và các tổ chức khác.

1.4. Khả năng học tập và nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp

Mục tiêu của CTĐT không chỉ cung cấp kiến thức và kỹ năng làm việc cho sinh viên sau khi tốt nghiệp mà còn cung cấp nền tảng kiến thức để sinh viên có thể học tập lên các bậc học cao hơn hoặc tự học suốt đời để cập nhật kiến thức và nâng cao trình độ. Sau khi hoàn tất chương trình này, sinh viên có thể tiếp tục học lên cao học và tiến sĩ ở các trường đại học trong và ngoài nước thuộc ngành đào tạo, hoặc các ngành khác có liên quan đến kinh tế tài chính.

1.5. Các chương trình đã tham khảo

1.5.1. Các chương trình trong nước

- Chương trình trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Chương trình trường Đại học Kinh tế TP HCM.
- Chương trình trường Đại học Kinh tế - Luật.
- Chương trình trường Đại học Ngân hàng.
- Chương trình trường Đại học Mở.

1.5.2. Các chương trình nước ngoài

- Chương trình trường Northwood University.
- Chương trình trường Texas A&M University.
- Chương trình trường Michigan Tech.
- Chương trình trường California State University, Long Beach.
- Chương trình trường California State University, Fullerton.
- Chương trình trường Texas Tech University.

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Trần Đình Phụng

PHẦN 2

NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Khái quát chương trình đào tạo

2.1.1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo

- Đối tượng tuyển sinh: tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương
- Thời gian đào tạo: 04 năm

2.1.2. Cấu trúc chung của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ trong chương trình: **157** tín chỉ. Sinh viên phải tích lũy tối thiểu **132** tín chỉ (không kể 03 tín chỉ của môn học Giáo dục thể chất và 08 tín chỉ của môn học Giáo dục quốc phòng - An ninh), trong đó:

- Khối kiến thức chung: **19** tín chỉ (bắt buộc: 19 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức cơ sở: **40** tín chỉ (bắt buộc: 40 tín chỉ; tự chọn: 00 tín chỉ);
- Khối kiến thức ngành: **60** tín chỉ (bắt buộc: 49 tín chỉ; tự chọn: 11 tín chỉ);
- Thực tập nghề nghiệp: **5** tín chỉ.
- Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: **8** tín chỉ

2.1.3. Điều kiện tốt nghiệp

- Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
- Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo theo quy định;
- Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
- Đạt chuẩn đầu ra về ngoại ngữ, tin học do Hiệu trưởng quy định;
- Thỏa mãn một số yêu cầu về kết quả học tập đối với nhóm học phần thuộc ngành đào tạo chính và các điều kiện khác do Hiệu trưởng quy định;
- Có chứng chỉ Giáo dục quốc phòng - An ninh và chứng chỉ Giáo dục thể chất đối với các ngành đào tạo không chuyên về quân sự và thể dục - thể thao;
- Có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khoá học.

2.1.4. Các điều kiện thực hiện chương trình đào tạo

- Các học phần Hệ thống thông tin kế toán 1, Hệ thống thông tin kế toán 3, Excel trong phân tích kinh doanh, Excel trong kiểm toán xếp học tại phòng máy tính với sĩ số tối đa là 50 SV/nhóm.
- Học phần Tiếng Anh chuyên ngành Kế toán sĩ số tối đa 60 SV/ nhóm.

2.2. Khung chương trình đào tạo

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
I Khối kiến thức chung: 19/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 19/19 tín chỉ										
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	75				75	1	
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2	30				30	1	861001
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3	45				45	1	861002
4	Giáo dục thể chất (I)	862101	1				30	30	0.5	
5	Giáo dục thể chất (II)	862102	1				30	30	0.5	862101
6	Giáo dục thể chất (III)	862103	1				30	30	0.5	862101
7	GD quốc phòng – An ninh (I)	862106	3	45				45	1	861003
8	GD quốc phòng – An ninh (II)	862107	2	30				30	1	
9	GD quốc phòng – An ninh (III)	862108	3				45	45	1	
10	Tiếng Anh (I)	866101	2	30				30	1	Điểm KS ≥ 50
11	Tiếng Anh (II)	866102	2	30				30	1	866101
12	Tiếng Anh (III)	866103	3	45				45	1	866102
13	Pháp luật đại cương	865006	2	30				30	1	
Tự chọn: 00/19 tín chỉ										
II Khối kiến thức cơ sở khối ngành: 40/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 40/40 tín chỉ										
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2	30				30	1	
15	Xác suất thống kê A	864001	3	45				45	1	
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	867001	3	45				45	1	864001
17	Nguyên lý kế toán	867002	3	45				45	1	
18	Luật kinh tế	867003	3	45				45	1	865006
19	Quy hoạch tuyến tính	867006	2	30				30	1	
20	Toán cao cấp C1	867007	3	45				45	1	
21	Toán cao cấp C2	867008	2	30				30	1	
22	Marketing căn bản	832301	2	30				30	1	832105
23	Kinh tế lượng	832006	3	45				45	1	864001
24	Quản trị học căn bản	832024	2	30				30	1	
25	Kinh tế vi mô	832105	3	45				45	1	
26	Kinh tế vĩ mô	832106	3	45				45	1	832105
27	Lý thuyết tài chính tiền tệ	832107	3	45				45	1	832105
28	Thuế	832026	3	45				45	1	
Tự chọn: 00/40 tín chỉ										
III Khối kiến thức ngành: 60/132 tín chỉ										
Bắt buộc: 49/60 tín chỉ										

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
29	Kế toán tài chính 1	832050	4	60				60	1	867002
30	Kế toán tài chính 2	832051	4	60				60	1	832050
31	Kế toán tài chính 3	832302	3	45				45	1	832051
32	Kế toán chi phí	832108	4	60				60	1	832050
33	Kế toán quản trị	832054	4	60				60	1	832108
34	Kiểm toán căn bản	832055	3	45				45	1	832051
35	Kiểm toán báo cáo tài chính	832056	3	45				45	1	832055
36	Tổ chức công tác kế toán	832062	3	45				45	1	832051
37	Tài chính doanh nghiệp 1	832058	3	45				45	1	832107
38	Phân tích báo cáo tài chính DN	832060	3	45				45	1	832051
39	Hệ thống thông tin kế toán 1	832303	3	45				45	1	832050
40	Hệ thống thông tin kế toán 2	832008	3	45				45	1	832051
41	Hệ thống thông tin kế toán 3	832009	3	45				45	1	832062
42	Chuẩn mực kế toán	832110	3	45				45	1	832051
43	Tiếng Anh chuyên ngành kế toán	832025	3	45				45	1	866102
	Tự chọn: 11/60 tín chỉ									
	Nhóm 1		3/9							
44	Tài chính doanh nghiệp 2	832059	3	45				45	1	832058
45	Kế toán hành chính sự nghiệp	832111	3	45				45	1	867002+ 832113
46	Kế toán ngân hàng thương mại	832112	3	45				45	1	867002+ 832061
	Nhóm 2		3/9							
47	Nghiệp vụ ngân hàng thương mại	832061	3	45				45	1	832107
48	Tài chính công	832113	3	45				45	1	832107
49	Tiền lương, tiền công	832114	3	45				45	1	
	Nhóm 3		2/4							
50	Hệ thống pháp luật về kế toán kiểm toán	832304	2	30				30	1	867002
51	Nghiên cứu định lượng trong kế toán	832305	2	30				30	1	
	Nhóm 4		3/9							
52	Thị trường tài chính	832033	3	45				45	1	832107
53	Thanh toán quốc tế	832065	3	45				45	1	832061
54	Hệ thống kiểm soát nội bộ	832306	3	45				45	1	
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 00/132 tín chỉ									
V	Thực tập: 5/132 tín chỉ									
55	Thực tập tốt nghiệp	832098	5							832054 832056

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Số tiết					Hệ số học phần	Mã số học phần học trước
				Lên lớp			Thực hành, thí nghiệm, thực địa	Cộng		
				Lí thuyết	Bài tập	Thảo luận				
									832009	
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8/132 tín chỉ									
56	Khóa luận tốt nghiệp	832399	8							
	Các học phần thay thế KLTN		8							
57	Kế toán Mỹ	832057	3	45				45	1	832051
58	Kiểm toán hoạt động	832117	3	45				45	1	832055
59	Thực hành khai báo thuế	832307	3	45				45	1	832026
60	Excel trong phân tích KD	832308	2	30				30	1	
61	Excel trong kiểm toán	832310	2	30				30	1	
	Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy		132 tín chỉ/ 157 tín chỉ							

2.3. Cơ cấu các học phần của khối kiến thức chuyên ngành (không có)

2.4. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì								
				1	2	3	4	5	6	7	8	9
I	Khối kiến thức chung: 19 /132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 19/19 tín chỉ											
1	Những nguyên lí cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin	861001	5	x								
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	861002	2		x							
3	Đường lối cách mạng ĐCSVN	861003	3			x						
4	Giáo dục thể chất (I)	862101	1	x								
5	Giáo dục thể chất (II)	862102	1		x							
6	Giáo dục thể chất (III)	862103	1			x						
7	GD quốc phòng – An ninh (I)	862106	3				x					
8	GD quốc phòng – An ninh (II)	862107	2		x							
9	GD quốc phòng – An ninh (III)	862108	3			x						
10	Tiếng Anh (I)	866101	2		x							
11	Tiếng Anh (II)	866102	2			x						
12	Tiếng Anh (III)	866103	3				x					
13	Pháp luật đại cương	865006	2	x								
	<i>Tự chọn: 00/19 tín chỉ</i>											
II	Khối kiến thức cơ sở: 40/132 tín chỉ											
	Bắt buộc: 40/40 tín chỉ											
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	868001	2			x						
15	Xác suất thống kê A	864001	3		x							
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	867001	3			x						
17	Nguyên lý kế toán	867002	3			x						
18	Luật kinh tế	867003	3		x							
19	Quy hoạch tuyến tính	867006	2		x							

TT	Tên học phần/môn học	Mã số	Số tín chỉ	Học kì									
				1	2	3	4	5	6	7	8	9	
52	Thị trường tài chính	832033	3								X		
53	Thanh toán quốc tế	832065	3								X		
54	Hệ thống kiểm soát nội bộ	832306	3								X		
IV	Khối kiến thức chuyên ngành: 00/132 tín chỉ												
V	Thực tập: 5/132 tín chỉ												
55	Thực tập tốt nghiệp	832098	5									X	
VI	Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế: 8/132 tín chỉ												
56	Khóa luận tốt nghiệp	832399	8									X	
	Các học phần thay thế khóa luận		8										
57	Kế toán Mỹ	832057	3									X	
58	Kiểm toán hoạt động	832117	3									X	
59	Thực hành khai báo thuế	832307	3									X	
60	Excel trong phân tích KD	832308	2									X	
61	Excel trong kiểm toán	832310	2									X	
Tổng cộng số tín chỉ tối thiểu phải tích lũy				132 tín chỉ/ 157 tín chỉ									

2.5. Kế hoạch đào tạo theo tiến độ của khối kiến thức chuyên ngành (không có)

**DUYỆT
HIỆU TRƯỞNG**

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA/NGÀNH

PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

TS. My Giang Sơn

TS. Trần Đình Phụng

PHẦN 3

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN

HỌC PHẦN
MARKETING CĂN BẢN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Marketing căn bản
- Mã học phần: 832301
- Số tín chỉ: 02
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kinh tế vi mô (832105)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy:Bộ môn Marketing – Khoa QTKD

3. Mô tả học phần

Học phần này giúp sinh viên hiểu được khái niệm marketing, nắm bắt quy trình nghiên cứu thị trường và cách thức tìm hiểu nhu cầu của thị trường. Từ đó đề ra chiến lược 4P (sản phẩm, giá, phân phối và xúc tiến) phù hợp giúp doanh nghiệp tiếp cận thị trường mục tiêu thành công.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Nêu khái niệm marketing, và các thuật ngữ liên quan
- Giải thích quy trình marketing
- Trình bày và giải thích môi trường marketing
- Mô tả quy trình nghiên cứu và thu thập dữ liệu từ thị trường
- Mô tả và giải thích mô hình hành vi khách hàng
- Trình bày các quyết định về sản phẩm và vòng đời sản phẩm
- Trình bày các quyết định về giá và chiến lược định giá
- Trình bày các quyết định trong kênh phân phối và cách thức tổ chức và quản trị kênh phân phối
- Trình bày các quyết định về chiêu thị và truyền thông tích hợp

4.2. Về kỹ năng

Học phần này giúp học viên nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng phản biện, kỹ năng viết báo cáo

4.3. Về thái độ

- Nhận thức và hiểu được tầm quan trọng của marketing đối doanh nghiệp và các tổ chức
- Nhận thức được vai trò của marketing là việc kết hợp của toàn bộ tổ chức để đạt được các mục tiêu.
- Nhận thức được vai trò và tầm quan trọng của khách hàng
- Quan tâm đến đạo đức trong kinh doanh và lợi ích xã hội

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan về marketing	3	Thuyết giảng và thảo luận
1.1 . Marketing là gì?		
1.1.1. Marketing theo nghĩa rộng		
1.1.2. Marketing theo nghĩa hẹp		
1.1.3. Marketing làm gì?		
1.2. Lịch sử phát triển và các triết lý marketing		
1.2.1. Triết lý sản xuất		
1.2.2. Triết lý sản phẩm		
1.2.3. Triết lý bán hàng		
1.2.4. Triết lý marketing		
1.2.5. Triết lý marketing đạo đức xã hội		
1.3. Các khái niệm cốt lõi của marketing		
1.4. Quy trình marketing		
1.4.1. Thấu hiểu thị trường và nhu cầu khách hàng		
1.4.2. Thiết kế chiến lược hướng đến khách hàng		
1.4.3. Chuẩn bị chương trình và kế hoạch marketing		
1.4.4. Xây dựng mối quan hệ dài hạn với khách hàng		
1.4.5. Giành lấy giá trị từ khách hàng		
Chương 2: Thị trường và nghiên cứu thị trường	6	Thuyết giảng và thảo luận
2.1. Thị trường		
2.1.1. Môi trường vĩ mô		
2.1.2. Môi trường vi mô		
2.2. Nghiên cứu thị trường		
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Quy trình nghiên cứu		
2.3. Hành vi người tiêu dùng & tổ chức		
2.3.1. Mô hình hành vi của người tiêu dùng		
2.3.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi người tiêu dùng		
2.3.3. Quy trình ra quyết định mua của người tiêu dùng		
2.3.4. Hành vi mua của khách hàng tổ chức		
Chương 4: Phân khúc, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị	3	Thuyết giảng và thảo luận

4.1. Phân khúc		
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Các tiêu thức		
4.1.3. Yêu cầu của việc phân khúc		
4.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu		
4.2.1. Khái niệm		
4.2.2. Đánh giá các khúc thị trường		
4.2.3. Chiến lược chọn thị trường mục tiêu		
4.3. Định vị		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Quá trình định vị		
Chương 5: Các quyết định về sản phẩm	6	
5.1. Phân loại sản phẩm/dịch vụ		
5.2. Các quyết định về sản phẩm và dịch vụ		
5.2.1. Sản phẩm đơn lẻ		
5.2.2. Dòng sản phẩm		
5.2.3. Tổ hợp sản phẩm		
5.3. Vòng đời sản phẩm		
5.4. Phát triển sản phẩm mới		
Chương 6: Các quyết định về giá	6	
6.1. Khái niệm về giá		
6.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định về giá		
6.2.1. Các yếu tố bên trong công ty		
6.2.2. Các yếu tố bên ngoài công ty		
6.3. Các phương pháp định giá		
6.3.1. Định giá dựa vào chi phí		
6.3.2. Định giá dựa vào giá trị khách hàng		
6.3.3. Định giá theo đối thủ cạnh tranh		
6.4. Các chiến lược định giá điển hình		
6.4.1. Định giá cho sản phẩm mới		
6.4.2. Định giá cho tổ hợp sản phẩm		
6.4.3. Điều chỉnh giá		
6.4.4. Thay đổi giá		
6.4.5. Định giá cho sản phẩm mới		
Chương 7: Quyết định về kênh phân phối	3	
7.1. Kênh phân phối và vai trò của kênh phân phối		
7.2. Các kiểu kênh phân phối		
7.3. Lựa chọn kênh phân phối		
7.3.1. Các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn kênh phân phối		
7.3.2. Các phương thức phân phối		
7.4. Tổ chức kênh phân phối		
7.4.1. Hệ thống kênh phân phối truyền thống		
7.4.2. Hệ thống kênh phân phối dọc		
7.4.3. Hệ thống kênh phân phối ngang		
7.4.4. Hệ thống kênh phân phối đa kênh		

7.5. Quản trị kênh phân phối		
Chương 8: Các quyết định về xúc tiến	3	Thuyết giảng và thảo luận
8.1. Khái niệm xúc tiến		
8.2. Tổ hợp xúc tiến và các công cụ xúc tiến		
8.2.1. Quảng cáo		
8.2.2. Khuyến mãi		
8.2.3. Bán hàng cá nhân		
8.2.4. Tuyên truyền và quan hệ công chúng		
8.2.5. Marketing trực tiếp		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1) Lưu Đan Thọ (2015), *Marketing Hiện Đại*, NXB Tài Chính, Tp.HCM

6.2. Tài liệu khác

- 2) Nguyễn Thị Mai Trang & Nguyễn Đình Thọ (2009), *Nguyên Lý Marketing*, NXB Lao động.
- 3) Philip Kotler & Gary Armstrong (2012), *Nguyên Lý Tiếp Thị*, NXB Lao động-Xã hội.
- 4) Lê Thế Giới & các tác giả (2014), *Quản trị Marketing định hướng giá trị*, NXB Lao động - Xã hội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài kiểm tra giữa kỳ

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

HỌC PHẦN
KINH TẾ LƯỢNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kinh tế lượng
- Mã học phần: 832006
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm): 45 (30; 10; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Xác suất thống kê A (864001)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành:
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Toán ứng dụng – Khoa Toán - Ứng dụng

3. Mô tả học phần

Học phần cung cấp các nội dung cơ bản về ứng dụng phân tích hồi quy trong kinh tế. Các kiến thức thu được từ học phần giúp người học bước đầu biết vận dụng phương pháp kinh tế lượng để phân tích, dự báo kinh tế. Học phần được cấu trúc thành 5 chương. Chương 1 trình bày tổng quan về kinh tế lượng. Hai chương 2 và 3 trình bày hồi quy hai biến và hồi quy nhiều biến. Chương 4 được dành để trình bày bài toán phân tích hồi quy có sử dụng biến giả. Chương 5 đề cập về hiện tượng đa cộng tuyến.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sinh viên hiểu được các vấn đề:

- Vai trò của phân tích hồi quy;
- Các dạng bài toán ước lượng, kiểm định giả thiết, dự báo đối với hồi quy hai biến và hồi quy nhiều biến;
- Hồi quy với biến giả, kỹ thuật sử dụng biến giả;
- Đa cộng tuyến: Khái niệm, nguyên nhân, ảnh hưởng, cách phát hiện, biện pháp khắc phục và các ước lượng liên quan;
- Các chức năng quan trọng của phần mềm Eviews (phiên bản cập nhật).

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên đạt được các kỹ năng:

- Nhận dạng được các mô hình hồi quy, các dạng bài toán và thực hiện được các tính toán liên quan;
- Sử dụng được phần mềm Eviews ở mức độ cơ bản.

4.3. Về thái độ: Tham gia học tập đầy đủ, có ý thức tự học, chuẩn bị bài theo yêu cầu của giáo viên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. GIỚI THIỆU VỀ KINH TẾ LƯỢNG	3	
1.1. Giới thiệu về kinh tế lượng		
1.1.1. Kinh tế học và kinh tế lượng		
1.1.2. Vai trò của kinh tế lượng		
1.2. Phương pháp kinh tế lượng		
1.2.1. Lược đồ về phương pháp kinh tế lượng		
1.2.2. Ví dụ		
1.3. Số liệu trong kinh tế lượng		
1.3.1. Số liệu theo cấu trúc		
1.3.2. Số liệu theo nguồn gốc		
1.3.3. Các chú ý khi lấy số liệu		
Chương 2. HỒI QUY HAI BIẾN	18	
2.1. Phân tích hồi quy		
2.1.1. Phân tích hồi quy		
2.1.2. Các ví dụ		
2.1.3. Vai trò của phân tích hồi quy		
2.2. Hồi quy hai biến		
2.2.1. Hàm hồi quy và mô hình hồi quy tổng thể		
2.2.2. Hàm hồi quy và mô hình hồi quy mẫu		
2.2.3. Mối liên hệ		
2.3. Các bài toán ước lượng		
2.3.1. Lý thuyết mẫu và thực hành tính toán		
2.3.2. Ước lượng điểm cho các hệ số hồi quy		
2.3.3. Ước lượng khoảng cho các hệ số hồi quy		
2.3.4. Ước lượng cho phương sai của nhiễu		
2.4. Các bài toán kiểm định		
2.4.1. Bài toán kiểm định giải thiết		
2.4.2. Kiểm định về các hệ số hồi quy		
2.4.3. Kiểm định tính ảnh hưởng		
2.4.4. Kiểm định cho phương sai của nhiễu		
2.5. Ứng dụng dự báo của phân tích hồi quy		
2.5.1. Dự báo giá trị trung bình		
2.5.2. Dự báo giá trị riêng biệt		
2.6. Mở rộng của hồi quy hai biến		
2.6.1. Biên tế và hệ số co giãn		
2.6.2. Mô hình hồi quy qua góc tọa độ		
2.6.3. Mô hình hồi quy Logarit		
2.6.4. Mô hình hồi quy bán Logarit		

Diễn giảng, thảo luận và làm bài tập

2.6.5. Mô hình hồi quy nghịch đảo		
2.6.6. So sánh hệ số xác định giữa các mô hình		
Chương 3. HỒI QUY NHIỀU BIẾN	12	
3.1. Hồi quy nhiều biến		
3.1.1. Phân tích hồi quy nhiều biến		
3.1.2. Vai trò và số liệu của hồi quy nhiều biến		
3.1.3. Mô hình hồi quy nhiều biến		
3.1.4. Dạng ma trận của hồi quy nhiều biến		
3.2. Các bài toán ước lượng		
3.2.1. Ước lượng điểm cho các hệ số hồi quy		
3.2.2. Ước lượng khoảng cho các hệ số hồi quy		
3.3. Các bài toán kiểm định		
3.3.1. Kiểm định về các hệ số hồi quy		
3.3.2. Kiểm định tính ảnh hưởng		
3.3.3. Kiểm định tính phù hợp		
3.4. Một số dạng hàm		
3.4.1. Hàm sản xuất Cobb-Douglas		
3.4.2. Hàm đa thức		
Chương 4. HỒI QUY VỚI BIẾN GIẢ	6	
4.1. Hồi quy với biến giả		
4.1.1. Khái niệm về biến giả		
4.1.2. Mô hình hồi quy với biến giả		
4.2. Kỹ thuật sử dụng biến giả		
4.2.1. Mô hình với biến định tính		
4.2.2. So sánh cấu trúc của mô hình hồi quy		
4.2.3. Hồi quy tuyến tính từng khúc		
4.2.4. Phân tích mùa		
Chương 5. ĐA CỘNG TUYẾN	6	
5.1. Đa cộng tuyến		
5.1.1. Khái niệm về đa cộng tuyến		
5.1.2. Nguyên nhân của đa cộng tuyến		
5.1.3. Hậu quả của đa cộng tuyến		
5.2. Ước lượng khi có đa cộng tuyến		
5.2.1. Trường hợp đa cộng tuyến hoàn hảo		
5.2.2. Trường hợp đa cộng tuyến không hoàn hảo		
5.3. Các cách phát hiện đa cộng tuyến		
5.3.1. Dựa vào hệ số xác định R^2 và tỉ số t		
5.3.2. Dựa vào hệ số tương quan		
5.3.3. Sử dụng hồi quy phụ		
5.3.4. Nhân tử phóng đại phương sai VIF		
5.4. Các cách khắc phục đa cộng tuyến		
5.4.1. Sử dụng thông tin tiên nghiệm		
5.4.2. Thay đổi cách lấy mẫu		
5.4.3. Giảm số biến độc lập		
5.4.4. Một số cách khắc phục khác		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Ngọc Thanh (chủ biên) (2011), *Bài tập Kinh tế lượng*, Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh.
2. Bùi Phúc Trung (2001), *Giáo trình Kinh tế lượng*, Trường Đại học Kinh Tế TP. Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Cao Văn, Bùi Dương Hải (2011), *Kinh tế lượng: Hướng dẫn trả lời lý thuyết và giải bài tập*, NXB Tài chính.

6.2. Tài liệu khác

4. Phạm Trí Cao, Vũ Minh Châu (2009), *Kinh tế lượng và ứng dụng*, NXB Thống kê.
5. Nguyễn Quang Đông, Nguyễn Thị Minh (2012), *Giáo trình Kinh tế lượng*, NXB Kinh tế quốc dân.
6. Huỳnh Đạt Hùng, Nguyễn Khánh Bình, Phạm Xuân Giang (2011), *Kinh tế lượng*, NXB Phương Đông.
7. Nguyễn Thống (2000), *Kinh tế lượng ứng dụng*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.2;
- Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

ThS. Trương Phúc Tuấn Anh

TS. Nguyễn Văn Huân

**HỌC PHẦN
QUẢN TRỊ HỌC CĂN BẢN****1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Quản trị học căn bản
- Mã học phần: 832024
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30, 0, 0, 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần: Không có
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ Môn Quản trị & Kinh doanh Quốc tế**3. Mô tả học phần**

Học phần Quản trị học căn bản giúp cho người học có các kiến thức cơ bản về quản trị để nghiên cứu các môn học quản trị khác như: Quản trị nguồn nhân lực, Quản trị sản xuất, Quản trị marketing, Quản trị chiến lược v.v.... Ngoài ra môn Quản trị học còn giúp cho người học có cái nhìn tổng quát về các khía cạnh quản trị để có thể đưa ra được những quyết định hiệu quả, phân biệt sự khác nhau giữa nhà quản trị và người thừa hành, phân tích được môi trường của quản trị, biết và hiểu được các chức năng của quản trị.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

- Phân biệt nhà quản trị và nhà doanh nghiệp, các cấp quản trị với những kỹ năng, vai trò cần thiết của một nhà quản trị.
- Giải thích ý nghĩa của môi trường quản trị đối với hoạt động sản xuất kinh doanh
- Giải thích về các chức năng của nhà quản trị: Hoạch định,

4.2. Về kỹ năng

Vận dụng kiến thức quản trị đã học để có thể trao đổi, thảo luận và đánh giá khả năng quản trị của các doanh nghiệp trong hoạt động.

4.3. Về thái độ

Có kiến thức quản trị học hiện đại, góp phần làm nhận thức của người học tốt hơn trong tiếp cận vào hệ thống quản trị của một tổ chức.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan về quản trị học	6	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
1.1. Khái niệm và chức năng quản trị		
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Chức năng quản trị		
1.2. Hiệu quả quản trị		
1.3. Nhà quản trị, vai trò của nhà quản trị		
1.3.1. Nhà quản trị		
1.3.2. Vai trò của nhà quản trị		
1.4. Các kỹ năng cần thiết của nhà quản trị		
1.4.1. Kỹ năng tư duy		
1.4.2. Kỹ năng nhân sự		
1.4.3. Kỹ năng chuyên môn/kỹ thuật		
1.5. Quản trị vừa là khoa học vừa là nghệ thuật		
Chương 2: Môi trường quản trị	5	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
2.1. Khái niệm về môi trường		
2.2. Môi trường vĩ mô		
2.2.1. Môi trường kinh tế vĩ mô		
2.2.2. Môi trường chính trị pháp luật		
2.2.3. Môi trường văn hóa xã hội		
2.2.4. Môi trường tự nhiên		
2.2.5. Môi trường công nghệ		
2.3. Môi trường vi mô		
2.3.1. Các đối thủ cạnh tranh		
2.3.2. Khách hàng		
2.3.3. Nhà cung cấp		
2.3.4. Đối thủ tiềm ẩn		
2.3.5. Sản phẩm thay thế		
2.4. Môi trường nội bộ		
2.4.1. Nguồn nhân lực		
2.4.2. Tài chính		
2.4.3. Marketing		
2.4.4. Sản xuất – tác nghiệp		
2.4.5. Nghiên cứu phát triển		
2.4.6. Văn hóa doanh nghiệp		
Chương 3: Chức năng hoạch định	5	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
3.1. Khái niệm, tác dụng và phân loại hoạch định		
3.1.1. Khái niệm		
3.1.2. Tác dụng của hoạch định		
3.1.3. Các loại hoạch định		
3.2. Mục tiêu nền tảng của hoạch định		
3.2.1. Khái niệm		
3.2.2. Vai trò		

3.2.3. Các yêu cầu		
3.2.4. Quản trị bằng mục tiêu		
3.3. Quá trình hoạch định chiến lược		
3.3.1. Tiến trình hoạch định chiến lược		
3.3.2. Những công cụ để hoạch định chiến lược		
3.4. Hoạch định tác nghiệp		
3.4.1. Khái niệm		
3.4.2. Tiến trình		
Chương 4: Chức năng Tổ chức	5	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
4.1. Khái niệm và nguyên tắc tổ chức của DN		
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Các nguyên tắc tổ chức quản trị		
4.1.3. Cơ sở để thiết kế bộ máy tổ chức		
4.2. Một số vấn đề khoa học trong công tác tổ chức		
4.2.1. Tầm hạn quản trị		
4.2.2. Quyền hành trong quản trị		
4.2.3. Phân cấp quản trị		
4.3. Xây dựng cơ cấu tổ chức		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Các tiêu chuẩn để thành lập các bộ phận trong tổ chức		
4.3.3. Các kiểu cơ cấu tổ chức		
4.4. Sự phân quyền		
4.4.1. Khái niệm		
4.4.2. Ủy quyền		
Chương 5: Chức năng Điều khiển	5	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
5.1. Khái niệm và các yêu cầu		
5.1.1. Khái niệm		
5.1.2. Yêu cầu đối với chức năng điều khiển		
5.2. Tuyển dụng và đào tạo nhân viên		
5.2.1. Tuyển dụng		
5.2.2. Thủ tục chọn lựa		
5.2.3. Đào tạo nhân viên		
5.2.4. Phát triển nghề nghiệp		
5.3. Động viên tinh thần làm việc của nhân viên		
5.4. Lãnh đạo và phong cách lãnh đạo		
5.4.1. Người lãnh đạo		
5.4.2. Phong cách lãnh đạo		
Chương 6: Chức năng Kiểm tra	4	Thuyết giảng, tình huống và thảo luận
6.1. Khái niệm, mục đích và tác dụng của kiểm tra		
6.1.1. Khái niệm		
6.1.2. Mục đích của kiểm tra quản trị		
6.1.3. Tác dụng của công tác kiểm tra		
6.2. Các nguyên tắc để xây dựng cơ chế kiểm tra		
6.3. Quy trình kiểm tra		
6.3.1. Thiết lập các tiêu chuẩn		

6.3.2. Đo lường thành quả		
6.3.3. Điều chỉnh các sai lệch		
6.4. Các hình thức kiểm tra		
6.4.1. Kiểm tra lường trước		
6.4.2. Kiểm tra đồng thời		
6.4.3. Kiểm tra phản hồi		
6.5. Các công cụ chủ yếu để kiểm tra		
6.5.1. Kiểm tra tài chính		
6.5.2. Kiểm tra nguồn nhân lực		
6.5.3. Kiểm tra hành vi		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Liên Diệp (2014), *Quản Trị Học*, NXB Lao động - Xã hội, Tp.HCM

6.2. Tài liệu khác

1. Lưu Đan Thọ (2014), *Quản Trị Học Trong Xu Thế Hội Nhập*, NXB Tài Chính

2. Phạm Thị Minh Châu (2006), *Quản Trị Học*, NXB Phương Đông, Thành phố Hồ Chí Minh

3. Nguyễn Thành Hội & Phan Thăng (2010), *Quản trị học*, NXB Thống kê, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Nguyễn Hải Sản (2003), *Quản Trị Học*, NXB Thống Kê, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01 lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

ThS. Lê Mai Hải

ThS. Từ Minh Khai

HỌC PHẦN
KINH TẾ VI MÔ**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kinh tế vi mô
- Mã học phần: 832105
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 10; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần: Học phần sẽ được học trong vòng 45 tiết, vừa học lý thuyết, làm bài tập, thảo luận trên lớp, sử dụng ngân hàng đề thi.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Đây là môn học căn bản của sinh viên học chuyên ngành về kinh tế. Môn học này giúp cho bắt đầu tiếp cận với kiến thức về kinh tế, hiểu về thị trường, cung cầu, các nhân tố ảnh hưởng đến cung cầu, các nhân tố này ảnh hưởng đến hệ số co giãn cung cầu. Ngoài ra, khi học môn này sinh viên sẽ hiểu được quyết định mua hàng hóa hay sản xuất trong kinh doanh. Từ đó, giúp cho người học áp dụng kiến thức kinh tế trong các loại thị trường hiện nay trong thời gian ngắn hay thời gian dài.

4.2. Về kỹ năng:

Khi học môn học Kinh tế vi mô này giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng kiến thức vào trong sự lựa chọn trong cuộc sống chính bản thân và áp dụng trong hoạt động kinh doanh bản thân.

4.3. Về thái độ:

Trong môn này sinh viên cần có thái độ học tập nghiêm túc vì đây là môn học giúp cho sinh viên hiểu và vận dụng rất nhiều kiến thức trong nền kinh tế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ KINH TẾ HỌC	5	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên thảo luận các tình huống thực tế. Hướng dẫn giải bài tập.
1.1. Khái niệm về kinh tế học		
1.2. Ba vấn đề cơ bản của tổ chức kinh tế		
1.3. Các hình thái kinh tế cơ bản		
1.4. Quy luật đường giới hạn khả năng sản xuất		
CHƯƠNG 2: CUNG - CẦU VÀ GIÁ THỊ TRƯỜNG	20	
2.1. Thị trường		
2.2.1. Khái niệm về thị trường		
2.1.2. Các loại thị trường		
2.2. Cầu thị trường		
2.2.1. Khái niệm về Cầu		
2.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng cầu		
2.2.3. Hệ số co giãn của Cầu		
2.3. Cung thị trường		
2.3.1. Khái niệm về Cung		
2.3.2. Các nhân tố ảnh hưởng tới lượng cung		
2.3.3. Hệ số co giãn của Cung		
2.4. Thị trường cân bằng		
2.5. Sự can thiệp của chính phủ vào thị trường		
2.5.1. Sự can thiệp về giá trên thị trường		
2.5.2. Sự can thiệp bằng chính sách thuế		
2.5.3. Sự can thiệp bằng hạn ngạch		
CHƯƠNG 3: LÝ THUYẾT LỰA CHỌN CỦA NGƯỜI TIÊU DÙNG	5	
3.1. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng thuyết hữu dụng		
3.1.1. Một số vấn đề cơ bản		
3.1.2. Nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng		
3.1.3. Sự hình thành đường cầu		
3.2. Phân tích cân bằng tiêu dùng bằng hình học		
3.2.1. Một số vấn đề cơ bản		

3.2.2. Một số nguyên tắc tối đa hóa hữu dụng		
3.2.3. Sự hình thành đường cầu		
3.2.4. Các vấn đề khác		
CHƯƠNG 4: LÝ THUYẾT VỀ SẢN XUẤT VÀ CHI PHÍ		
4.1. Lý thuyết về sản xuất		
4.1.1. Một số khái niệm		
4.1.2. Nguyên tắc sản xuất		
4.2. Lý thuyết về chi phí sản xuất	10	
4.2.1. Một số khái niệm		
4.2.2. Phân tích chi phí sản xuất trong ngắn hạn		
4.3. Lý thuyết về Doanh thu, lợi nhuận		
4.3.1. Một số khái niệm về doanh thu và lợi nhuận		
4.3.2. Điểm hòa vốn trong doanh nghiệp		
CHƯƠNG 5: THỊ TRƯỜNG CẠNH TRANH HOÀN TOÀN		
5.1. Một số vấn đề cơ bản		
5.2. Phân tích trong nhất thời		
5.3. Phân tích trong ngắn hạn	5	
5.4. Phân tích trong dài hạn		
5.5. Tổ chức sản xuất		
5.6. Hiệu quả của thị trường cạnh tranh hoàn toàn và sự can thiệp của chính phủ vào thị trường		
CHƯƠNG 6: CÁC LOẠI THỊ TRƯỜNG CHÍNH		
6.1. Thị trường độc quyền hoàn toàn	5	
6.2. Thị trường độc quyền nhóm		
6.3. Thị trường cạnh tranh độc quyền		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Hoàng Bảo (chủ biên), Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2011), *Kinh Tế Vi Mô*, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Như Ý, Nguyễn Hoàng Bảo (chủ biên), Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ (2011), *Bài Tập Kinh Tế Vi Mô*, NXB Thống kê.

6.1. Tài liệu khác

3. Đinh Phi Hồ, *Kinh tế Vi mô - Căn bản và nâng cao*, NXB Tài chính.
4. Đinh Phi Hồ, *Bài Tập Kinh tế Vi mô - Căn bản và nâng cao*, NXB Tài chính.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (Làm bài tập và một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Hà Lê Bích Thủy

HỌC PHẦN
KINH TẾ VĨ MÔ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kinh tế vĩ mô
- Mã học phần: 832106
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kinh tế vi mô (832105)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần:

- Trang bị cho sinh viên những kiến thức tổng quát về kinh tế vĩ mô; bao gồm: các khái niệm căn bản về kinh tế vĩ mô, các chính sách kinh tế và những công cụ chủ yếu của từng chính sách được chính phủ vận dụng trong việc điều hành nền kinh tế.
- Trang bị cho sinh viên các nguyên lý vận hành của nền kinh tế ở mức độ vĩ mô.
- Trang bị cho sinh viên những công cụ căn bản về phân tích chính sách kinh tế vĩ mô.
- Biết cách phân tích và giải thích các vấn đề thời sự kinh tế thường xuyên được đề cập trên các phương tiện truyền thông đại chúng.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sau khi kết thúc học phần sinh viên sẽ nắm vững kiến thức và có khả năng ứng dụng để phân tích các vấn đề thực tiễn liên quan đến: Lý thuyết về tổng sản phẩm quốc dân và thu nhập quốc dân; lý thuyết về tổng cầu và chính sách tài khóa; lý thuyết về tiền tệ và chính sách tiền tệ; tổng cung và chu kỳ kinh doanh; lạm phát và thất nghiệp; kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở.

4.2. Về kĩ năng: Có khả năng vận dụng và nghiên cứu, phân tích bản chất của hiện tượng kinh tế, tính quy luật và xu hướng vận động của quy luật trong nền kinh tế thị trường; Có khả năng vận dụng những kiến thức đã học vào nghiên cứu môn học khác như: thị trường tài chính, phân tích đầu tư chứng khoán, quản trị ngân hàng thương mại, quản trị danh mục đầu tư, lý thuyết tài chính tiền tệ, tài chính quốc tế..... Hình thành và phát triển năng lực thu thập thông tin, tổng hợp, hệ thống hóa các vấn đề kinh tế cũng như các kỹ

năng khác như: so sánh, phân tích, bình luận, đánh giá các vấn đề kinh tế vĩ mô. Sau cùng, thông qua thuyết trình và thảo luận tại lớp, sinh viên có thể phát triển kỹ năng lập luận, thuyết trình trước công chúng.

4.3. Về thái độ: chuyên cần, kỷ luật đi học đúng giờ, tích cực tham gia thảo luận tại lớp, thảo luận và hoàn thành bài tập nhóm. Ngoài ra sinh viên được yêu cầu luôn tăng cường việc tự học thông qua đọc tài liệu tham khảo và trả lời các câu hỏi và bài tập về nhà của giảng viên.

Ngoài ra, sinh viên còn phát triển tư duy, ý thức hợp lý cũng như có thể có các ý kiến riêng, chủ động trong việc nhìn nhận, đánh giá đường lối, chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam trong việc phát triển kinh tế thị trường có sự điều tiết của nhà nước.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá		
Chương 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ KINH TẾ HỌC	2	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích.		
1.1 Khái niệm, đặc trưng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học				
1.1.1. Khái niệm kinh tế học.				
1.1.2. Những đặc trưng của kinh tế học.				
1.1.3. Phương pháp luận nghiên cứu kinh tế học				
1.2. Tổ chức kinh tế của một nền kinh tế hỗn hợp				
1.2.1. Ba chức năng cơ bản của một nền kinh tế				
1.2.2. Tổ chức nền kinh tế hỗn hợp				
1.3. Một số khái niệm cơ bản				
1.3.1. Giới hạn khả năng sản xuất và chi phí cơ hội				
1.3.2. Quy luật thu nhập giảm dần và chi phí cơ hội ngày càng tăng.				
Chương 2: KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ			2	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên thảo luận các tình huống thực tế.
2.1. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu kinh tế học vĩ mô				
2.2. Hệ thống kinh tế vĩ mô				
2.2.1. Tổng cung và tổng cầu				
2.2.2. Biểu diễn tổng cung và tổng cầu trên đồ thị				
2.2.3. Sự dịch chuyển đường tổng cung và tổng cầu				
2.3 Mục tiêu và công cụ trong kinh tế vĩ mô				
2.3.1. Mục tiêu kinh tế vĩ mô				
2.3.2 Các chính sách kinh tế vĩ mô				
2.4. Môi quan hệ giữa các biến số kinh tế vĩ mô cơ bản				

2.4.1. Tổng sản phẩm quốc dân và sự tăng trưởng kinh tế		
2.4.2. Chu kỳ kinh doanh		
2.4.3. Tăng trưởng và thất nghiệp		
2.4.4. Tăng trưởng và lạm phát		
2.4.5. Lạm phát và thất nghiệp		
Chương 3: ĐO LƯỜNG SẢN LƯỢNG QUỐC GIA	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích; sinh viên thảo luận các tình huống thực tế. Hướng dẫn giải bài tập.
3.1. Tổng quan về các chỉ tiêu trong hệ thống tài khoản quốc gia		
3.1.1. Tổng quan về các chỉ tiêu (SNA)		
3.1.2. Khái niệm tổng sản phẩm quốc nội (GDP)		
3.1.3. Khái niệm tổng sản phẩm quốc dân (GNP)		
3.1.4. Ý nghĩa của các chỉ tiêu trong phân tích kinh tế vĩ mô		
3.2. Phương pháp xác định GDP		
3.2.1. Sơ đồ chu chuyển kinh tế		
3.2.2. Phương pháp luồng sản phẩm		
3.2.3. Phương pháp luồng tiền tệ		
3.2.3.1. Phương pháp chi tiêu		
3.2.3.2. Phương pháp thu nhập		
3.2.3.1. Phương pháp giá trị gia tăng		
3.3. Mối quan hệ giữa các chỉ tiêu tổng sản phẩm, thu nhập quốc dân và thu nhập có thể sử dụng được		
3.2.1. GDP và GNP		
3.2.2. Tổng sản phẩm quốc dân và sản phẩm quốc dân ròng (NNP)		
3.2.3 Thu nhập quốc dân (Y) và thu nhập có thể sử dụng (Y_d)		
3.4. Các phương trình kinh tế vĩ mô cơ bản		
3.4.1. Phương trình tiết kiệm và đầu tư		
3.4.2. Phương trình mô tả mối quan hệ giữa các khu vực trong nền kinh tế		
Chương 4: TỔNG CẦU VÀ CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
4.1. Tổng cầu và các yếu tố của tổng cầu		
<i>4.1.1 Các yếu tố của tổng cầu</i>		
4.1.1.1 Tiêu dùng và tiết kiệm của hộ gia đình		
4.1.1.2 Đầu tư trong khu vực tư nhân		
4.1.1.3 Ngân sách chính phủ		
4.1.1.4 Xuất nhập khẩu và cán cân thương mại		
<i>4.1.2 Tổng cầu</i>		
4.1.2.1. Tổng cầu trong mô hình đơn giản		
4.1.2.2. Tổng cầu trong nền kinh tế đóng có sự tham gia của Chính phủ		

4.1.2.3. Tổng cầu trong nền kinh tế mở		
4.2 Sản lượng cân bằng		
4.2.1 Phương pháp xác định sản lượng cân bằng		
4.2.2 Những dao động của tổng chi tiêu		
4.2. Chính sách tài khóa		
4.2.1. Chính sách tài khóa trong lý thuyết		
4.2.2. Chính sách tài khóa trong thực tế.		
4.2.3. Chính sách tài khóa		
4.2.4. Thâm hụt ngân sách		
4.2.5. Tài trợ thâm hụt ngân sách		
4.3 Chính sách ngoại thương		
Chương 5: TIỀN TỆ VÀ CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
5.1. Chức năng của tiền tệ		
5.1.1. Chức năng cơ bản của tiền tệ		
5.1.2. Các loại tiền		
5.2. Mức cung tiền và vai trò kiểm soát tiền tệ của ngân hàng trung ương (NHTU)		
5.2.1. Tiền cơ sở		
5.2.2. Hoạt động của ngân hàng thương mại (NHTM)		
5.2.3. Xác định cung tiền (M^S)		
5.2.4. Ngân hàng Trung ương và vai trò kiểm soát tiền tệ		
5.3. Mức cầu tiền tệ		
5.3.1. Các loại tài sản tài chính		
5.3.2. Mức cầu tiền		
5.3.3. Mức cầu tài sản		
5.4. Tiền tệ, lãi suất và tổng cầu		
5.4.1. Cân bằng thị trường tiền tệ		
5.4.2. Lãi suất với tiêu dùng, đầu tư, xuất khẩu		
5.4.3. Lãi suất với tổng cầu		
5.5. Chính sách tiền tệ		
5.5.1. Khái niệm		
5.5.2. Các loại chính sách tiền tệ		
5.5.3. Phối hợp chính sách tài khóa và tiền tệ		
Ôn tập, hướng dẫn giải bài tập giải đáp thắc mắc, giải đáp thắc mắc giữa kỳ		
Kiểm tra giữa kỳ	2	
5.6 Chính sách thu nhập		
Chương 6: SỰ PHỐI HỢP CHÍNH SÁCH TÀI KHÓA VÀ TIỀN TỆ (IS – LM)	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ
6.1 Mô hình IS – LM		
6.1.1. Đường IS		
6.1.2. Đường LM		
6.2. Chính sách tài khóa-chính sách tiền tệ trong mô hình IS-LM		

		mô mô phỏng.
Chương 7: LẠM PHÁT VÀ THẤT NGHIỆP	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
7.1. Thất nghiệp		
7.1.1. Thế nào là thất nghiệp		
7.1.2. Các loại thất nghiệp		
7.1.3. Thất nghiệp tự nhiên và các nhân tố ảnh hưởng		
7.1.4. Ảnh hưởng của thất nghiệp		
7.1.5. Các biện pháp giảm tỷ lệ thất nghiệp		
7.2. Lạm phát		
7.2.1. Khái niệm lạm phát		
7.2.2. Quy mô lạm phát		
7.2.3. Ảnh hưởng của lạm phát		
7.2.4. Các lý thuyết về lạm phát		
7.3. Mối quan hệ giữa lạm phát và thất nghiệp		
7.3.1. Đường cong Phillips		
7.3.2. Khắc phục lạm phát		
Chương 8: KINH TẾ VĨ MÔ TRONG NỀN KINH TẾ MỞ	6	Thuyết giảng, sinh viên đặt ra các vấn đề thắc mắc và giảng viên sẽ hướng dẫn giải thích, Hướng dẫn giải bài tập; Thuyết trình nhóm, thực hiện tiểu luận về những chủ đề thuộc về môn học. Sinh viên thảo luận các tình huống kinh tế vĩ mô mô phỏng.
8.1. Nguyên tắc lợi thế so sánh trong thương mại quốc tế		
8.2. Cán cân thanh toán		
8.3. Tỷ giá hối đoái và hệ thống tài chính quốc tế		
8.3.1. Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối		
8.3.2. Mối quan hệ giữa tỷ giá hối đoái và cán cân thanh toán		
8.3.3. Các hệ thống tiền tệ quốc tế		
8.4. Chính sách tỷ giá hối đoái của Việt Nam		
8.5. Tác động của chính sách vĩ mô chủ yếu trong điều kiện nền kinh tế mở		
8.5.1. Tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ trong một nền kinh tế mở với hệ thống tỷ giá cố định.		
8.5.2. Tác động của chính sách tài khóa và tiền tệ trong một nền kinh tế mở với hệ thống tỷ giá linh hoạt		
Ôn tập, hướng dẫn giải bài tập, giải đáp thắc mắc và tổng kết môn học	3	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Lê Bảo Lâm, Nguyễn Như Ý (2009), *Kinh tế vĩ mô*, Đại học Kinh tế TP.HCM, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Như Ý, Trần Thị Bích Dung, Trần Bá Thọ, Lâm Mạnh Hà (2011), *Tóm tắt lý thuyết - Bài tập - Trắc nghiệm Kinh tế vĩ mô*, NXB Thống kê.

3. N.Gregory Mankiw, *Kinh tế học vĩ mô, 6th ed*, Cengage Learning Asia Pte LTD, Singapore.

6.2. Tài liệu khác:

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Giáo dục, Hà Nội 2006.
2. Dương Tấn Diệp (2007), *Kinh tế học vĩ mô (phần nhập môn)*, NXB Thống kê
3. Nguyễn Văn Ngọc (2009), *Kinh tế vĩ mô*, Trường ĐH Kinh tế quốc dân, NXB Trẻ.
4. David Begg, Stanley Fischer và Rudiger Dornbusch (2007), *Kinh tế học vĩ mô*, NXB Thống kê, Hà Nội
5. Paul Samuelson & William Norhaus (2002), *Kinh tế học (tập 2)*, NXB Khoa học & kỹ thuật và Đại học kinh tế quốc dân, Hà Nội

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 1 bài

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình, thảo luận: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Trịnh Thị Huyền Thương

HỌC PHẦN
LÝ THUYẾT TÀI CHÍNH TIỀN TỆ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Lý thuyết tài chính tiền tệ
- Mã học phần: 832107
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (35; 10; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kinh tế vi mô (832105)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng nhằm hỗ trợ cho việc nghiên cứu chuyên sâu các môn chuyên ngành cũng như các lĩnh vực kinh tế tài chính nói chung.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Cung cấp các kiến thức cơ bản về phạm trù tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng trong điều kiện kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế..

4.2. Về kỹ năng: Trang bị kỹ năng nhận biết, đọc hiểu các khái niệm, định nghĩa và giải thích được các thuật ngữ, phạm trù kinh tế về tài chính, tiền tệ, tín dụng, ngân hàng.

4.3. Về thái độ: Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, tích cực trong thảo luận nhóm.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1: ĐẠI CƯƠNG VỀ TIỀN TỆ	3	
1.1. Lịch sử ra đời và phát triển của tiền tệ		
1.2. Bản chất và chức năng của tiền tệ		
1.2.1. Chức năng thước đo giá trị		
1.2.2. Chức năng phương tiện lưu thông		
1.2.3. Chức năng phương tiện cất trữ		
1.2.4. Chức năng phương tiện thanh toán		
1.3. Các chế độ tiền tệ		
CHƯƠNG 2: ĐẠI CƯƠNG VỀ TÀI CHÍNH	3	
2.1. Khái quát sự ra đời và phát triển của tài chính		
2.2. Bản chất của tài chính		

2.3. Chức năng của tài chính		
2.3.1. Huy động nguồn lực tài chính		
2.3.2. Phân bổ nguồn lực tài chính		
2.3.3. Kiểm tra tài chính		
2.4. Hệ thống tài chính		
2.4.1. Thị trường tài chính		
2.4.2. Các chủ thể tài chính		
2.4.3. Cơ sở hạ tầng tài chính của hệ thống tài chính		
Chương 3: Tín dụng và lãi suất	6	
3.1 Khái niệm tín dụng		
3.2 Chức năng và vai trò của tín dụng		
3.3 Phân loại tín dụng và các hình thức tín dụng		
3.4 Khái niệm và các loại lãi suất		
3.5 Các nhân tố quyết định lãi suất thị trường		
CHƯƠNG 4: TÀI CHÍNH CÔNG	3	
4.1. Những vấn đề cơ bản về tài chính công		
4.1.1. Sự phát triển tài chính công		
4.1.2. Khái niệm và đặc điểm tài chính công		
4.1.3. Vai trò của tài chính công		
4.2. Ngân sách nhà nước		
4.2.1. Khái niệm		
4.2.2. Tổ chức hệ thống ngân sách nhà nước		
4.3. Chính sách tài khóa		
4.3.1 Khái niệm		
4.3.2 Chính sách tài khóa - công cụ kinh tế vĩ mô		
CHƯƠNG 5: TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	6	
5.1. Bản chất, chức năng tài chính doanh nghiệp		
5.2. Vai trò của tài chính doanh nghiệp		
5.3. Cấu trúc tài chính trong doanh nghiệp		
5.3.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính doanh nghiệp		
5.3.2. Lựa chọn cấu trúc tài chính doanh nghiệp		
5.4. Tổ chức tài chính doanh nghiệp		
5.4.1. Nguyên tắc tổ chức tài chính doanh nghiệp		
5.4.2. Tổ chức bộ máy tài chính doanh nghiệp		
CHƯƠNG 6: HỆ THỐNG ĐỊNH CHẾ TRUNG GIAN TÀI CHÍNH	3	
6.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại các định chế trung gian tài chính		
6.2 Vai trò của các định chế trung gian tài chính trong nền kinh tế thị trường		
6.3 Đặc điểm cơ bản của một số định chế trung gian tài chính		
6.3.1 Ngân hàng trung gian		
6.3.2 Quỹ tín dụng		
6.3.3 Quỹ đầu tư		
6.3.4 Công ty tài chính		

- Hình thức tổ chức dạy học trên lớp, giảng viên đặt câu hỏi theo nhóm và cá nhân.
- Phương pháp thuyết trình, phân tích các tình huống kinh tế cụ thể.
- Phương pháp kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ bằng hình thức trắc nghiệm, không sử dụng tài liệu.

CHƯƠNG 7: NGÂN HÀNG TRUNG ƯƠNG	3	
7.1 Quá trình ra đời và bản chất của ngân hàng trung ương		
7.2 Mô hình tổ chức ngân hàng trung ương		
7.3 Chức năng của ngân hàng trung ương		
7.3.1 Độc quyền phát hành giấy bạc và điều tiết khối lượng tiền cung ứng		
7.3.2 Là ngân hàng của các ngân hàng		
7.3.3 Là ngân hàng của nhà nước		
7.4 Chính sách tiền tệ và công cụ thực hiện chính sách tiền tệ		
7.4.1 Khái niệm và mục tiêu của chính sách tiền tệ		
7.4.2 Các công cụ thực thi chính sách tiền tệ		
CHƯƠNG 8: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	6	
8.1 Khái niệm và chức năng của ngân hàng thương mại		
8.2 Phân loại ngân hàng thương mại		
8.2.1 Căn cứ vào phạm vi hoạt động và tính chất kinh tế		
8.2.2 Căn cứ vào tính chất sở hữu		
8.3 Các nghiệp vụ cơ bản của ngân hàng thương mại		
8.3.1 Nghiệp vụ tạo lập nguồn vốn và quản lý nguồn vốn kinh doanh		
8.3.2 Nghiệp vụ sử dụng vốn và quản lý tài sản có		
8.4 Thu nhập, chi phí và lợi nhuận ngân hàng		
CHƯƠNG 9: TÀI CHÍNH QUỐC TẾ	6	
9.1 KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM, VAI TRÒ CỦA TÀI CHÍNH QUỐC TẾ		
9.2 CÁN CÂN THANH TOÁN		
9.2.1 Khái niệm, các nguyên tắc xây dựng cán cân thanh toán quốc tế		
9.2.2 Nội dung cán cân thanh toán quốc tế		
9.2.3 Các biện pháp điều chỉnh cán cân thanh toán quốc tế		
9.3 Thị trường ngoại hối và tỷ giá hối đoái		
CHƯƠNG 10: THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	6	
10.1 Cơ sở hình thành thị trường tài chính		
10.2 Khái niệm và phân loại thị trường tài chính		
10.3 Chức năng và vai trò của thị trường tài chính		
10.4 Thị trường tiền tệ		
10.4.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường tiền tệ		
10.4.2 Các chủ thể tham gia trên thị trường tiền tệ		
10.4.3 Các công cụ trên thị trường tiền tệ		
10.5 Thị trường vốn		
10.5.1 Khái niệm, đặc điểm và phân loại thị trường vốn		

10.5.2 Các chủ thể tham gia trên thị trường vốn		
10.5.3 Các công cụ trên thị trường vốn		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Sử Đình Thành, Vũ Thị Minh Hằng (2008), *Nhập môn tài chính - tiền tệ*, NXB Đại học quốc gia TP.HCM.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Minh Kiều (2008), *Giáo trình lý thuyết tiền tệ*, NXB Thống kê.

3. Lê Thị Tuyết Hoa, Nguyễn Thị Nhung (2009), *Tiền tệ ngân hàng*, NXB Thống kê.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Dương Thị Mai Phương

HỌC PHẦN
THUẾ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thuế
- Mã học phần: 832026
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: không
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần: Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về công cụ thuế để thu ngân sách nhà nước, hiểu được vai trò của thuế trong nền kinh tế quốc dân. Học phần cũng cung cấp cho sinh viên những nội dung nền tảng về các sắc thuế phổ biến tại các doanh nghiệp để sinh viên vận dụng vào việc quản lý thuế của các cơ quan thuế và việc chấp hành nghĩa vụ thuế từ các đối tượng nộp thuế.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách thuế, các phương pháp tính thuế cũng như cách thức thu nộp.

4.2. Về kĩ năng: Tính được số thuế phải nộp: Thuế TNCN, thuế GTGT, thuế XNK, thuế TNDN và các loại thuế khác.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tuân thủ pháp luật về thuế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan về thuế	4	Giảng viên trình bày, diễn giải và đặt câu hỏi cho sinh viên nghiên cứu trong lớp, trao đổi kiến thức với giảng viên và các bạn trong lớp học; Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu: Đọc trước tài liệu chỉ định
1.1. Khái niệm về thuế		
1.1.1. Khái niệm		
1.1.2. Đặc điểm của thuế		
1.2. Chức năng của thuế		
1.2.1. Chức năng huy động tập trung nguồn lực tài chính		
1.2.2. Chức năng điều tiết vĩ mô nền kinh tế của thuế		
1.3. Tính chất của thuế		

1.3.1 Công bằng	
1.3.2 Hiệu quả	
1.3.3 Chính xác	
1.3.4 Thuận tiện	
1.4 Phân loại thuế	
1.4.1 Dựa theo phương thức thu	
1.4.2 Dựa vào cơ sở tính thuế	
1.4.3 Dựa vào phạm vi điều chỉnh của thuế	
1.4.5 Cách phân loại khác	
1.5.Các yếu tố cấu thành một hệ thống sắc thuế	
1.5.1 Đối tượng nộp thuế	
1.5.2 Đối tượng chịu thuế	
1.5.3 Thuế suất	
1.5.4 Miễn, giảm thuế	
1.6 Vai trò của thuế trong nền kinh tế thị trường	
1.6.1 Công cụ chủ yếu tập trung nguồn thu cho NSNN	
1.6.2 Công cụ điều tiết vĩ mô nền kinh tế của Nhà nước	
1.6.3 Công cụ điều hoà thu nhập, thực hiện công bằng xã hội trong phân phối	
1.6.4 Công cụ để thực hiện kiểm tra, kiểm soát các hoạt động SXKD	
1.7 Hệ thống thuế hiện nay ở Việt Nam	
Chương 2: Thuế xuất nhập khẩu	7
2.1 Khái niệm	
2.2 Đối tượng nộp thuế	
2.3 Đối tượng chịu thuế	
2.3 Đối tượng không chịu thuế	
2.5 Phương pháp tính thuế	
2.6 Hoàn thuế	
2.7 Kê khai và nộp thuế.	
Chương 3: Thuế tiêu thụ đặc biệt	7
3.1 Khái niệm	
3.2 Đối tượng nộp thuế	
3.3 Đối tượng chịu thuế	
3.3.1 Hàng hoá	
3.3.2 Dịch vụ	
3.4 Đối tượng không chịu thuế	
3.5 Phương pháp tính thuế	
3.5.1 Đối với hàng hoá sản xuất trong nước	
3.5.2 Đối với dịch vụ	
3.5.3 Đối với hàng hoá nhập khẩu	
3.6 Thuế suất	
3.7 Khấu trừ thuế	
3.8 Hoàn thuế.	
Chương 4: Thuế giá trị gia tăng.	8
4.1 Khái niệm	

4.2 Đối tượng nộp thuế	
4.3 Đối tượng chịu thuế	
4.4 Đối tượng không chịu thuế	
4.5 Căn cứ tính thuế	
4.6 Thuế suất	
4.7 Phương pháp tính thuế GTGT	
4.7.1 Phương pháp khấu trừ	
4.7.2 Phương pháp trực tiếp	
4.7.2.1 Phương pháp trực tiếp trên GTGT	
4.7.2.2 Phương pháp trực tiếp trên doanh thu	
4.8 Phương pháp tính thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu	
4.9 Hoàn thuế GTGT	
Chương 5: Thuế thu nhập doanh nghiệp.	8
5.1 Khái niệm	
5.2 Đối tượng nộp thuế	
5.3 Đối tượng được miễn nộp thuế	
5.4 Phương pháp tính thuế	
5.5 Thời điểm xác định doanh thu tính thuế	
5.5.1 Doanh thu để tính thu nhập chịu thuế	
5.5.2 Thời điểm xác định	
5.5.3 Kỳ tính thuế TNDN	
5.6 Các khoản chi phí được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	
5.6.1 Nguyên tắc xác định các khoản chi được trừ	
5.6.2 Các khoản chi không được trừ khi tính thu nhập chịu thuế	
5.7 Thu nhập khác phải chịu thuế	
5.8 Thu nhập được miễn thuế	
5.9 Lỗ được kết chuyển	
5.10 Quỹ phát triển khoa học	
5.11 Thuế suất	
5.12 Ưu đãi thuế	
Chương 6: Thuế thu nhập cá nhân.	7
6.1 Khái niệm	
6.2 Đối tượng nộp thuế	
6.2.1 Người Việt Nam	
6.2.2 Người Nước ngoài	
6.3 Các khoản thu nhập chịu thuế TNCN đối với cá nhân cư trú	
6.3.1 Thu nhập từ hoạt động sản xuất kinh doanh	
6.3.2 Thu nhập từ tiền lương tiền công	
6.3.3 Thu nhập từ đầu tư vốn	
6.3.4 Thu nhập chuyển nhượng vốn	
6.3.5 Thu nhập chuyển nhượng bất động sản	
6.3.6 Thu nhập từ trúng thưởng xổ số, khuyến mại,...	

6.3.7 Thu nhập từ bản quyền	
6.3.8 Thu nhập từ nhượng quyền	
6.3.9 Thu nhập từ thừa kế	
6.3.10 Thu nhập từ quà tặng	
6.4 Các khoản thu nhập được miễn thuế	
6.5 Thuế TNCN đối với cá nhân không cư trú	
6.6 Giảm thuế	
6.7 Hoàn thuế	
Chương 7: Các loại thuế khác.	4
7.1 Khái niệm	
7.2 Đối tượng nộp thuế	
7.3 Căn cứ tính thuế	
7.3.1 Đối với tổ chức kinh doanh	
7.3.2 Đối với hộ kinh doanh cá thể	
7.4 Thời hạn nộp thuế	
7.5 Các loại thuế khác	

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu chính:

1. Đỗ Đức Minh (2015), *Giáo trình Lý thuyết thuế*, NXB Tài chính.

6.2. Tài liệu khác:

2. Nguyễn Thanh Sơn, TS. Nguyễn Văn Nông (2010), *Giáo trình thuế*, NXB Lao động Xã hội.
3. Bài giảng của giảng viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

**HỌC PHẦN
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 1****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kế toán tài chính 1
- Mã học phần: 832050
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (45; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học.
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nguyên lý kế toán (867002)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán**3. Mô tả học phần**

Học phần trang bị cho người học hiểu các nguyên tắc, phương pháp kế toán để từ đó người học thực hiện các kỹ thuật xử lý nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở những phần hành kế toán cơ bản của một đơn vị kế toán. Thông qua đó từng bước hình thành đạo đức nghề nghiệp cho người học. Sau khi học xong, người học có thể tự thực hiện được một số công việc của kế toán.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

Người học hiểu, biết các nguyên tắc hạch toán, phương pháp kế toán áp dụng trong việc tính giá, ghi nhận... của các đối tượng kế toán (vốn bằng tiền, phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu); của việc tổng hợp chi phí sản xuất, tính giá thành và việc tiêu thụ sản phẩm trong đơn vị kế toán. Biết các chứng từ, sổ sách kế toán áp dụng cho từng đối tượng kế toán cụ thể.

4.2. Về kỹ năng

Người học đạt được các kỹ năng sau:

- Tính giá các đối tượng kế toán.
- Định khoản các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh ở các phần hành cơ bản của một đơn vị kế toán
- Tính toán, tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ.

- Xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của đơn vị kế toán.

4.3. Về thái độ

- Người học rèn được tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin.

- Có ý thức chấp hành đúng các qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Kế toán tiền và các khoản phải thu	5	Phương pháp dạy – học: đàm thoại và diễn giảng
1.1. Kế toán tiền		
1.1.1. Những vấn đề chung		
1.1.2. Kế toán tiền mặt là đồng Việt Nam, vàng tiền tệ		
1.1.3. Kế toán tiền gửi ngân hàng là đồng Việt Nam, vàng tiền tệ		
1.1.4. Kế toán tiền đang chuyển là đồng Việt Nam		
1.2. Kế toán các khoản phải thu		
1.2.1. Nguyên tắc hạch toán các khoản phải thu		
1.2.2. Kế toán phải thu khách hàng		
1.2.3. Kế toán thuế GTGT được khấu trừ		
1.2.4. Kế toán phải thu khác		
1.2.5. Kế toán dự phòng phải thu khó đòi		
Chương 2. Kế toán nguyên vật liệu và công cụ dụng cụ		
2.1. Kế toán nguyên vật liệu		
2.1.1. Khái niệm, đặc điểm, phân loại		
2.1.2. Tính giá nguyên vật liệu		
2.1.3. Nguyên tắc kế toán nguyên vật liệu		
2.1.4. Chứng từ, tài khoản sử dụng		
2.1.5. Kế toán chi tiết nguyên vật liệu		
2.1.6. Phương pháp kế toán		
2.2. Kế toán công cụ dụng cụ		
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Tính giá công cụ dụng cụ		
2.2.3. Nguyên tắc kế toán công cụ dụng cụ		
2.2.4. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
2.2.5. Phương pháp kế toán		
2.3. Kế toán dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
2.3.1. Khái niệm		
2.3.2. Nguyên tắc dự phòng giảm giá hàng tồn kho		
2.3.3. Tài khoản sử dụng		
2.3.4. Phương pháp kế toán		
Chương 3: Kế toán tài sản cố định và bất động sản đầu tư	10	Phương pháp dạy – học: diễn giảng và đàm thoại.

3.1. Tổng quan về tài sản cố định		
3.1.1. Khái niệm, phân loại, tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
3.1.2. Xác định giá trị TSCĐ		
3.2. Kế toán tăng tài sản cố định		
3.2.1. Các nguyên nhân tăng TSCĐ		
3.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
3.2.3. Phương pháp kế toán		
3.3. Kế toán giảm tài sản cố định		
3.3.1. Các nguyên nhân giảm TSCĐ		
3.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
3.3.3. Phương pháp kế toán		
3.4. Kế toán khấu hao TSCĐ		
3.4.1. Nguyên tắc, phương pháp tính khấu hao		
3.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
3.4.3. Phương pháp kế toán		
3.5. Kế toán sửa chữa TSCĐ		
3.5.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên TSCĐ		
3.5.2. Kế toán sửa chữa lớn TSCĐ		
3.6. Kế toán đánh giá lại TSCĐ		
3.6.1. Nguyên tắc đánh giá lại TSCĐ		
3.6.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
3.6.3. Phương pháp kế toán		
3.7. Kế toán bất động sản đầu tư		
3.7.1. Vấn đề chung		
3.7.2. Xác định giá trị của bất động sản đầu tư		
3.7.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
3.7.4. Phương pháp kế toán		
Chương 4: Kế toán nợ phải trả	5	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại.
4.1. Những vấn đề chung		
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Phân loại		
4.2. Kế toán phải trả cho người bán		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
4.2.1. Khái niệm		
4.2.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng		
4.2.3. Phương pháp kế toán		
4.3. Kế toán thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
4.3.3. Phương pháp kế toán		
4.4. Kế toán phải trả người lao động và các khoản trích theo lương		
4.4.1. Khái niệm		
4.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		

4.4.3. Phương pháp kế toán		
4.5. Kế toán chi phí phải trả		
4.5.1. Khái niệm		
4.5.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
4.5.3. Phương pháp kế toán		
4.6. Kế toán các khoản phải trả khác		
4.6.1. Nội dung		
4.6.2. Kế toán tài sản thừa chờ xử lý		
4.6.3. Kế toán nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn, dài hạn		
4.6.4. Kế toán các khoản phải trả khác		
Chương 5: Kế toán vốn chủ sở hữu	5	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại.
5.1. Kế toán nguồn vốn kinh doanh		
5.1.1. Nội dung		
5.1.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
5.1.3. Phương pháp kế toán		
5.2. Kế toán chênh lệch đánh giá lại tài sản		
5.2.1. Nội dung		
5.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
5.2.3. Phương pháp kế toán		
5.3. Kế toán lợi nhuận chưa phân phối		
5.3.1. Nội dung		
5.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
5.3.3. Phương pháp kế toán		
5.4. Kế toán các loại quỹ trong DN		
5.4.1. Kế toán quỹ đầu tư phát triển		
5.4.2. Kế toán quỹ dự phòng tài chính		
5.4.3. Kế toán quỹ khác thuộc vốn CSH		
5.4.4. Kế toán quỹ khen thưởng, phúc lợi		
5.4.5. Kế toán quỹ phát triển khoa học công nghệ		
Chương 6: Kế toán hoạt động sản xuất	10	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại.
6.1. Vấn đề chung		
6.2. Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		
6.2.1. Nội dung		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
6.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
6.2.3. Phương pháp kế toán		
6.3. Kế toán chi phí nhân công trực tiếp		
6.3.1. Nội dung		
6.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
6.3.3. Phương pháp kế toán		
6.4. Kế toán chi phí sản xuất chung		
6.4.1. Nội dung		
6.4.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
6.4.3. Phương pháp kế toán		

6.5. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành		
6.5.1. Kế toán tổng hợp CPSX		
6.5.2. Kế toán tính giá thành		
Chương 7: Kế toán tiêu thụ thành phẩm và xác định kết quả kinh doanh	10	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại.
7.1. Kế toán thành phẩm		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
7.1.1. Khái niệm		
7.1.2. Nguyên tắc hạch toán		
7.1.3. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
7.1.4. Phương pháp kế toán		
7.2. Kế toán tiêu thụ thành phẩm		
7.2.1. Nội dung		
7.2.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
7.2.3. Phương pháp kế toán		
7.3. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu		
7.3.1. Nội dung		
7.3.2. Chứng từ và tài khoản sử dụng		
7.3.3. Phương pháp kế toán		
7.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh		
7.4.1. Nội dung		
7.4.2. Tài khoản sử dụng		
Chương 8: Đặc điểm kế toán trong các doanh nghiệp dịch vụ	5	Phương pháp dạy – học: diễn giải và đàm thoại.
8.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và tự luận
8.2. Đặc điểm kế toán chi phí cung cấp dịch vụ		
8.2.1. Kế toán tập hợp chi phí cung cấp dịch vụ		
8.2.2. Đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành dịch vụ		
8.3. Đặc điểm kế toán doanh thu hoạt động dịch vụ		
8.3.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ		
8.3.2. Kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Xuân Hưng và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 1*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.
2. Nguyễn Thị Kim Cúc và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 2*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.
3. Đặng Ngọc Vàng và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 3*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.

6.2. Tài liệu khác:

4. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1*, NXB Tài chính, Hà Nội.
5. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2*, NXB Tài chính, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm và tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Huỳnh Vũ Bảo Trâm

HỌC PHẦN
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 2

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kế toán tài chính 2
- Mã học phần: 832051
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (45; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học.
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 1 (832050)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản của các phần hành kế toán. Sau khi học xong học phần sinh viên có thể làm được những công việc của các phần hành kế toán: kế toán mua bán hàng hóa; kế toán các giao dịch ngoại tệ và xuất - nhập khẩu; kế toán các khoản đầu tư tài chính; kế toán thuê tài sản; lập được báo cáo tài chính của doanh nghiệp theo qui định hiện hành.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Nêu được các hình thức mua hàng, bán hàng;
- Liệt kê được các chứng từ kế toán, tài khoản sử dụng và các nguyên tắc kế toán của các phần hành kế toán: mua - bán hàng hóa, xuất - nhập khẩu, kế toán đầu tư tài chính, kế toán thuê tài sản;
- Trình bày được mục đích của Báo cáo tài chính doanh nghiệp;
- Trình bày được các nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng

- Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động mua - bán hàng hóa, các giao dịch ngoại tệ, xuất - nhập khẩu, đầu tư tài chính, thuê tài sản;
- Đánh giá được số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, xử lý được chênh lệch tỷ giá theo qui định của thông tư 200/2014/TT-BTC;
- Lập được báo cáo tài chính doanh nghiệp;

- Giải thích được các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

4.3. Về thái độ

Có ý thức chấp hành đúng các qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG THƯƠNG MẠI	14	Phương pháp dạy-học: Đàm thoại và diễn giảng
1.1. Kế toán mua hàng		
1.1.1. Phân biệt giá mua hàng hóa và chi phí thu mua hàng hóa		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm +
1.1.2. Chứng từ sử dụng		Tự luận
1.1.3. Tài khoản sử dụng		
1.1.4. Phương pháp kế toán		
1.2. Kế toán bán hàng		
1.2.1. Điều kiện ghi nhận doanh thu		
1.2.2. Chứng từ sử dụng		
1.2.3. Tài khoản sử dụng		
1.2.4. Phương pháp kế toán		
1.2.5. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu		
1.3. Kế toán chi phí hoạt động		
1.3.1. Các khái niệm		
1.3.2. Kế toán chi phí bán hàng		
1.3.3. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp		
1.4. Kế toán xác định kết quả kinh doanh		
1.4.1. Khái niệm		
1.4.2. Tài khoản sử dụng		
1.4.3. Phương pháp kế toán		
Chương 2: KẾ TOÁN CÁC GIAO DỊCH NGOẠI TỆ VÀ HOẠT ĐỘNG XUẤT-NHẬP KHẨU	16	Phương pháp dạy-học: Diễn giảng và đàm thoại
2.1. Kế toán các giao dịch ngoại tệ		Phương pháp kiểm tra,
2.1.1. Qui định chung		đánh giá: Trắc nghiệm +
2.1.2. Nguyên tắc ghi nhận các giao dịch bằng ngoại		Tự luận

tệ phát sinh trong kỳ và đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính		
2.1.3. Nguyên tắc kế toán chênh lệch tỷ giá		
2.1.4. Tài khoản sử dụng		
2.1.5. Phương pháp kế toán		
2.2. Kế toán nhập khẩu		
2.2.1. Kế toán nhập khẩu trực tiếp		
2.2.2. Kế toán nhập khẩu ủy thác		
2.3. Kế toán xuất khẩu		
2.3.1. Kế toán xuất khẩu trực tiếp		
2.3.2. Kế toán xuất khẩu ủy thác		
Chương 3: KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH	8	Phương pháp dạy-học: Diễn giảng và đàm thoại
3.1. Các nguyên tắc chung		
3.1.1. Nguyên tắc ghi nhận giá trị khoản đầu tư		Phương pháp kiểm tra,
3.1.2. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính		đánh giá: Trắc nghiệm và
3.1.3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản cổ tức, lợi nhuận được chia từ hoạt động đầu tư tài chính		tự luận
3.1.4. Nguyên tắc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư		
3.2. Kế toán chứng khoán kinh doanh		
3.2.1. Khái niệm		
3.2.2. Chứng từ sử dụng		
3.2.3. Tài khoản sử dụng		
3.2.4. Phương pháp kế toán		
3.2.5. Kế toán dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		
3.3. Kế toán đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		
3.3.1. Khái niệm		
3.3.2. Chứng từ sử dụng		
3.3.3. Tài khoản sử dụng		
3.3.4. Phương pháp kế toán		
3.4. Kế toán các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác		
3.4.1. Kế toán đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết		
3.4.2. Kế toán đầu tư khác		

3.4.3. Kế toán dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác		
Chương 4: KẾ TOÁN THUÊ TÀI SẢN	8	Phương pháp dạy-học: Diễn giảng
4.1. Kế toán thuê và cho thuê hoạt động		Diễn giảng
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Kế toán thuê hoạt động		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
4.1.3. Kế toán cho thuê hoạt động		
4.2. Kế toán thuê tài chính		
4.2.1. Những vấn đề chung		
4.2.2. Chứng từ sử dụng		
4.2.3. Tài khoản sử dụng		
4.2.4. Phương pháp kế toán		
4.3. Kế toán bán TSCĐ và thuê lại		
4.3.1. Kế toán bán TSCĐ và thuê lại là thuê hoạt động		
4.3.2. Kế toán bán TSCĐ và thuê lại là thuê tài chính		
Chương 5: HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	14	Phương pháp dạy-học: Diễn giảng và đàm thoại
5.1. Tổng quan về báo cáo tài chính doanh nghiệp		
5.1.1. Mục đích của báo cáo tài chính		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm và Tự luận
5.1.2. Kỳ lập báo cáo tài chính		
5.1.3. Đối tượng áp dụng, trách nhiệm lập và chữ ký trên Báo cáo tài chính		
5.1.4. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp		
5.1.5. Yêu cầu đối với thông tin trình bày trong Báo cáo tài chính		
5.1.6. Nguyên tắc lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp đáp ứng giả định hoạt động liên tục		
5.1.7. Đồng tiền sử dụng để lập Báo cáo tài chính khi công bố ra công chúng và nộp các cơ quan chức năng quản lý Nhà nước tại Việt Nam		
5.1.8. Thời hạn nộp báo cáo tài chính		
5.1.9. Nơi nhận báo cáo tài chính		
5.2. Bảng cân đối kế toán		
5.2.1. Khái niệm		
5.2.2. Mục đích của Bảng cân đối kế toán		
5.2.3. Nguyên tắc lập và trình bày Bảng cân đối kế toán		

5.2.4. Cơ sở và phương pháp lập Bảng cân đối kế toán		
5.2.5. Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán năm		
5.3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
5.3.1. Khái niệm		
5.3.2. Cơ sở lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
5.3.3. Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
5.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
5.4.1. Khái niệm		
5.4.2. Một số nguyên tắc đặc biệt trong việc lập và trình bày BCLCTT		
5.4.3. Cơ sở lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
5.4.4. Yêu cầu về mở và ghi sổ kế toán phục vụ lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
5.4.5. Phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm		
5.5. Thuyết minh báo cáo tài chính		
5.5.1. Khái niệm		
5.5.2. Nguyên tắc lập và trình bày Thuyết minh báo cáo tài chính		
5.5.3. Cơ sở lập Thuyết minh báo cáo tài chính		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- 1) Nguyễn Xuân Hưng và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 1*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.
- 2) Nguyễn Thị Kim Cúc và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 2*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.
- 3) Đặng Ngọc Vàng và các cộng sự (2015), *Giáo trình Kế toán tài chính – Quyển 3*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.

6.2. Tài liệu khác:

- 1) Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1*, NXB Tài chính, Hà Nội.
- 2) Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2*, NXB Tài chính, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm và tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Hà Hoàng Như

**HỌC PHẦN
KẾ TOÁN TÀI CHÍNH 3**

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kế toán tài chính 3
- Mã học phần: 832302
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 2 (832051)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần Kế toán tài chính 3 cung cấp những kiến thức về đặc điểm kế toán ở doanh nghiệp hoạt động trong một số lĩnh vực đặc thù như xây lắp, công ty cổ phần và các vấn đề kế toán có liên quan đến báo cáo tài chính trong doanh nghiệp như điều chỉnh sai sót trên báo cáo tài chính, các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Người học nắm được những nội dung kế toán ở các lĩnh vực đặc thù như xây lắp, dịch vụ, công ty cổ phần, doanh nghiệp nhỏ và vừa...

4.2. Về kỹ năng: Người học có thể vận dụng kiến thức đã học để giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến hoạt động kế toán của doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ: Sinh viên cần tìm hiểu đặc điểm hoạt động trong một số loại hình hoạt động đặc thù.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Đặc điểm kế toán trong doanh nghiệp xây lắp	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
1.1. Những vấn đề chung		
1.1.1. Đặc điểm sản xuất xây lắp		
1.1.2. Các khoản mục chi phí cấu thành sản phẩm xây lắp		

1.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm xây lắp		
1.2.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất		
1.2.2. Tính và hạch toán giá thành sản phẩm xây lắp		
1.3. Kế toán bản giao công trình hoàn thành		
1.3.1. Trường hợp hợp đồng qui định thanh toán theo khối lượng thực hiện		
1.3.2. Trường hợp hợp đồng qui định thanh toán theo tiến độ kế hoạch		
Chương 2: Kế toán nợ vay và dự phòng phải trả	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
2.1. Kế toán các khoản vay		
2.1.1. Nguyên tắc kế toán		
2.1.2. Tài khoản sử dụng		
2.1.3. Phương pháp phản ánh		
2.2. Kế toán chi phí đi vay		
2.3. Kế toán chi phí đi vay bằng phát hành trái phiếu		
2.3.1. Kế toán phát hành trái phiếu thường		
2.3.2. Kế toán phát hành trái phiếu chuyển đổi		
2.4. Kế toán dự phòng phải trả		
2.4.1. Tài khoản sử dụng		
2.4.2. Phương pháp phản ánh		
Chương 3: Kế toán trong công ty cổ phần	6	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
3.1. Đặc điểm công ty cổ phần		
3.1.1. Khái niệm		
3.1.2. Cơ cấu tổ chức		
3.1.3. Đặc điểm		
3.2. Kế toán phát hành cổ phiếu		
3.2.1. Tài khoản sử dụng		
3.2.2. Phương pháp phản ánh		
3.3. Kế toán cổ phiếu quỹ		
3.3.1. Tài khoản sử dụng		
3.3.2. Phương pháp phản ánh		
3.4. Xác định lãi cơ bản trên cổ phiếu		
3.5. Xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Chương 4: Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
4.1. Một số thuật ngữ		
4.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
4.3. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
4.3.1. Kế toán tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
4.3.2. Kế toán thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả		
Chương 5: Kế toán điều chỉnh sai sót trên báo cáo tài chính và các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
5.1. Kế toán điều chỉnh sai sót trên BCTC		
5.1.1. Các nguyên nhân dẫn đến sai sót		
5.1.2. Nguyên tắc điều chỉnh		
5.2. Kế toán các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		

5.2.1. Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm		
5.2.2. Nguyên tắc kế toán		
Chương 6: Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán	3	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
6.1. Khái niệm		
6.1.1. Thay đổi chính sách kế toán		
6.1.2. Thay đổi ước tính kế toán		
6.2. Nguyên tắc kế toán		
6.2.1. Kế toán thay đổi chính sách kế toán		
6.2.2. Kế toán thay đổi ước tính kế toán		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] Tập thể giảng viên bộ môn Kế toán tài chính khoa kế toán kiểm toán đại học Kinh tế TP HCM (2013), *Kế toán tài chính*, NXB Lao động

[2] Bộ Tài chính (2010), *Chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính

[3] Bộ Tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính

6.2. Tài liệu khác:

[4] Tập thể giảng viên bộ môn Kế toán tài chính khoa kế toán kiểm toán đại học Kinh tế TP HCM (2012), *Bài tập và bài giải kế toán tài chính*, NXB Phương Đông.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: 70% tự luận, 30% trắc nghiệm; đề đóng; thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Nguyễn Anh Hiền

**HỌC PHẦN
KẾ TOÁN CHI PHÍ**

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kế toán chi phí
- Mã học phần: 832108
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (45; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học.
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 1 (832050)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần trang bị cho người học hiểu vai trò quan trọng của chỉ tiêu chi phí và giá thành, mối quan hệ giữa hai chỉ tiêu này. Học phần trình bày tất cả các phương pháp xác định chi phí trong các đơn vị sản xuất kinh doanh. Sau khi học xong, người học có thể tự thực hiện được việc tập hợp chi phí và tính giá thành ở các doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp sản xuất.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Người học hiểu, biết về chi phí, giá thành, mối quan hệ giữa chi phí và giá thành, các phương pháp và trình tự kế toán tổng hợp chi phí và tính giá thành.

4.2. Về kỹ năng

Người học đạt được các kỹ năng sau:

- So sánh sự giống nhau và khác nhau giữa chi phí và giá thành.
- Phân loại chi phí và ước lượng được chi phí.
- Tính toán, tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cho doanh nghiệp (sản xuất, xây lắp, dịch vụ) theo các phương pháp khác nhau.

4.3. Về thái độ

Người học rèn được tính cẩn thận, tính chính trực, khách quan, bảo mật thông tin, có ý thức chấp hành các quy định của Nhà nước về công tác kế toán.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Những vấn đề chung về kế toán chi phí	5	Phương pháp dạy – học: đàm thoại và diễn giảng
1.1. Kế toán chi phí và kế toán tài chính		
1.2. Môi trường tổ chức của kế toán		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận, trắc nghiệm
1.3. Nghề nghiệp kế toán quản trị		
1.4. Mục tiêu của kế toán chi phí		
Chương 2: Chi phí và ước lượng chi phí	5	Phương pháp dạy – học: đàm thoại và diễn giảng
2.1. Chi phí và phân loại chi phí		
2.1.1. Khái niệm chi phí		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận, trắc nghiệm
2.1.2. Phân loại chi phí		
2.1.3. Dòng chi phí sản xuất		
2.2. Giá thành và phân loại giá thành		
2.2.1. Khái niệm		
2.2.2. Phân loại		
2.2.3. Mối quan hệ giữa chi phí và giá thành		
2.3. Các phương pháp ước lượng chi phí		
Chương 3: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế	15	Phương pháp dạy – học: đàm thoại và diễn giảng
3.1. Những vấn đề chung		
3.2. Kế toán CPSX và tính giá thành sản phẩm công nghiệp		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận, trắc nghiệm
3.2.1. Khái quát về sản xuất công nghiệp		
3.2.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất		
3.2.3. Kế toán tổng hợp CPSX và tính giá thành sản phẩm		
3.2.3.1. Tổng hợp chi phí sản xuất thực tế		
3.2.3.2. Đánh giá và điều chỉnh các khoản giảm giá thành		
3.2.3.3. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ		
3.2.3.4. Phương pháp tính giá thành sản phẩm		
Chương 4: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí thực tế kết hợp chi phí ước tính	15	Phương pháp dạy – học: đàm thoại và diễn giảng
4.1. Vấn đề chung		
4.2. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo đơn đặt hàng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận, trắc nghiệm
4.3. Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo quy trình sản xuất		
4.3.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất		
4.3.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính giá thành SP		
4.3.3. Xác định sản lượng hoàn thành tương đương		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
4.3.4. Xác định giá thành đơn vị sản phẩm, tổng giá thành sản phẩm và chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ		
4.3.5. Báo cáo sản xuất		
Chương 5: Kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo chi phí định mức	10	Phương pháp dạy – học: đàm thoại và diễn giảng
5.1. Vấn đề chung		
5.2. Kế toán các chênh lệch thực tế so với định mức		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận, trắc nghiệm
5.3. Kế toán xử lý các chênh lệch thực tế so với định mức		
Chương 6: Đặc điểm kế toán chi phí ở hoạt động xây lắp và kinh doanh dịch vụ	10	Phương pháp dạy – học: đàm thoại và diễn giảng
6.1. Kế toán chi phí ở hoạt động xây lắp		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận, trắc nghiệm
6.1.1. Đặc điểm của tổ chức kế toán trong hoạt động xây lắp		
6.1.2. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất		
6.1.3. Kế toán tổng hợp chi phí sản xuất		
6.1.4. Xác định doanh thu, chi phí của hợp đồng xây dựng		
6.1.5. Kế toán nghiệp vụ công trình hoàn thành và bàn giao		
6.2. Kế toán chi phí ở hoạt động kinh doanh dịch vụ		
6.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ		
6.2.2. Kế toán chi phí sản xuất sản phẩm dịch vụ		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Nguyễn Khắc Hùng (2011), *Kế toán chi phí*, NXB Lao động.
2. Trường Đại học Kinh tế TP.HCM (2015), *Kế toán chi phí*, NXB Kinh tế TP.HCM
3. Phạm Văn Dược (2011), *Bài tập kế toán chi phí*, NXB Lao động.

6.2. Tài liệu khác:

1. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 1*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Bộ Tài chính (2015), *Chế độ kế toán doanh nghiệp – Quyển 2*, NXB Tài chính, Hà Nội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm và tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng:

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;
- Điểm bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,4;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Huỳnh Vũ Bảo Trâm

**HỌC PHẦN
KẾ TOÁN QUẢN TRỊ****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kế toán quản trị
- Mã học phần: 832054
- Số tín chỉ: 4
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 60 (60; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán chi phí (832108)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán**3. Mô tả học phần**

Cung cấp cho người học những kiến thức nghiệp vụ cần thiết để thu thập, xử lý, phân tích và cung cấp thông tin kinh tế, tài chính cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

- Trình bày được những vấn đề chung của Kế toán quản trị; phân loại chi phí; phương pháp phân tích mối quan hệ Chi phí-Sản lượng-Lợi nhuận; phương pháp phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh và biến động biến phí sản xuất.

- Trình bày các loại dự toán, phương pháp và qui trình lập dự toán trong doanh nghiệp sản xuất và thương mại.

- Mô tả hệ thống kế toán trách nhiệm và chỉ tiêu, phương pháp đánh giá trách nhiệm quản lý.

- Trình bày được các phương pháp định giá bán sản phẩm thông thường.

- Trình bày được phương pháp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn.

- Trình bày phương pháp thu thập, xử lý và cung cấp thông tin cho các quyết định dài hạn.

4.2. Về kỹ năng

- Xác định và vẽ đồ thị hòa vốn; xác định được qui mô để đạt lợi nhuận mục tiêu; tính số dư an toàn; đánh giá mức độ ảnh hưởng của các nhân tố trong mô hình phân tích (phân tích độ nhạy); tính được đòn cân định phí;...

- Lập được các dự toán ngắn hạn: Dự toán doanh thu, các dự toán hoạt động, các dự toán tài chính.

- Lập bảng phân tích và xác định mức độ ảnh hưởng của Sản lượng tiêu thụ, Giá bán sản phẩm và Chi phí đến kết quả kinh doanh trong kỳ; Phân tích, xác định nhân tố lượng và nhân tố giá đến biến động biến phí sản xuất.

- Tính toán các chỉ tiêu đánh giá trách nhiệm quản lý ở các trung tâm: Doanh thu, Chi phí, Lợi nhuận và Đầu tư; Lập các báo cáo của các trung tâm trách nhiệm.

- Định giá bán sản phẩm thông thường theo các phương pháp: Thặng số chi phí; định giá theo thời gian sản xuất và chi phí nguyên vật liệu,...

- Thu thập và xử lý thông tin cho các loại quyết định: chấp nhận hay không một đơn đặt hàng với giá giảm; Ngừng hay không việc sản xuất kinh doanh một ngành hàng; Xác định cơ cấu sản xuất để tối đa hóa lợi nhuận; Mua hay thuê; Bán hay tiếp tục gia công.

- Xác định được giá trị tương lai, giá trị hiện tại của một số tiền; giá trị tương lai, giá trị hiện tại của một chuỗi tiền tệ; Sử dụng các phương pháp NPV, IRR, ARR, PP,... để thẩm định tài chính một dự án đầu tư dài hạn.

4.3. Về thái độ

Trung thực, khách quan và bảo mật thông tin.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Giới thiệu chung về Kế toán quản trị	4t	Diễn giảng Thảo luận
1.1. Bản chất của kế toán quản trị		
1.1.1. Sự ra đời và phát triển của kế toán quản trị		
1.1.2. Định nghĩa kế toán quản trị		
1.1.3. Mối quan hệ giữa kế toán quản trị và kế toán tài chính		
1.1.4. Các nhân tố thúc đẩy sự phát triển kế toán quản trị đương đại		
1.2. Vai trò của kế toán quản trị trong quá trình ra quyết định		
1.2.1. Vị trí của kế toán quản trị trong tổ chức		
1.2.2. Vai trò của kế toán quản trị		
1.2.3. Nhiệm vụ của kế toán quản trị		
Chương 2: Phân tích mối quan hệ C-V-P	8t	Diễn giảng Bài tập Thảo luận Bài tập tình huống Kiểm tra: tự luận
2.1. Một số khái niệm		
2.1.1. Số dư đảm phí		
2.1.2. Báo cáo kết quả kinh doanh theo mẫu số dư đảm phí		
2.1.3. Hòa vốn		
2.2. Phân tích mối quan hệ C-V-P trong doanh nghiệp đơn sản phẩm		
2.2.1. Theo phương pháp đại số		

2.2.2. Theo phương pháp đồ thị		
2.2.3. Ứng dụng phân tích mối quan hệ C-V-P để ra quyết định		
2.2.4. Ảnh hưởng của thuế thu nhập doanh nghiệp		
2.3. Phân tích mối quan hệ C-V-P trong doanh nghiệp đa sản phẩm		
2.3.1. Xác định cơ cấu sản xuất và tiêu thụ		
2.3.2. Tính số trung bình trọng của đảm phí đơn vị		
2.3.3. Xác định sản lượng và doanh thu		
2.3.4. Phân bổ sản lượng và doanh thu		
2.4. Phân tích độ nhạy		
2.5. Hạn chế trong việc phân tích mối q. hệ C-V-P		
2.6. Cấu trúc chi phí và đòn cân định phí		
2.6.1. Cấu trúc chi phí		
2.6.2. Đòn cân định phí		
Chương 3: Dự toán ngân sách	12t	
3.1. Hoạch định chiến lược và dự toán ngân sách		
3.1.1. Hoạch định chiến lược		
3.1.2. Dự toán ngân sách		
3.1.3. Các loại dự toán		
3.2. Mục đích của dự toán ngân sách		
3.3. Định mức chi phí		
3.3.1. Khái niệm		Diễn giảng
3.3.2. Phương pháp định mức		Bài tập
3.3.3. Định mức chi phí sản xuất		Thảo luận
3.4. Lập dự toán hàng năm		Bài tập tình huống
3.4.1. Trách nhiệm và trình tự lập dự toán		Kiểm tra: tự luận
3.4.2. Quy trình lập dự toán		
3.4.3. Các trường hợp thường gặp khi lập dự toán		
Chương 4: Kiểm soát chi phí bằng dự toán linh hoạt và định mức chi phí	8t	
4.1. Dự toán linh hoạt		
4.1.1. Khái niệm		
4.1.2. Tác dụng của dự toán linh hoạt		
4.2. Phân tích tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận		Diễn giảng
4.3. Phân tích biến động chi phí sản xuất		Bài tập
4.3.1. Biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp		Bài tập tình huống
4.3.2. Biến động chi phí nhân công trực tiếp		Kiểm tra: tự luận
4.3.3. Biến động chi phí sản xuất chung		
Chương 5: Hệ thống kế toán trách nhiệm	7t	
5.1. Hệ thống kế toán trách nhiệm		
5.1.1. Phân cấp trong quản lý		Diễn giảng
5.1.2. Các trung tâm trách nhiệm		Bài tập
5.1.3. Kế toán trách nhiệm		Kiểm tra: tự luận
5.2. Đánh giá trách nhiệm		
5.2.1. Đánh giá trách nhiệm trung tâm chi phí		

5.2.2. Đánh giá trách nhiệm trung tâm doanh thu		
5.2.3. Đánh giá trách nhiệm trung tâm lợi nhuận		
5.2.4. Đánh giá trách nhiệm trung tâm đầu tư		
5.3. Định giá chuyển nhượng		
Chương 6: Định giá bán sản phẩm	6t	
6.1. Các nhân tố ảnh hưởng đến quyết định giá		
6.1.1. Nhu cầu của khách hàng		
6.1.2. Hoạt động của đối thủ cạnh tranh		
6.1.3. Chi phí sản xuất và tiêu thụ sản phẩm		
6.1.4. Các vấn đề chính trị và pháp lý		
6.2. Lý thuyết định giá		
6.2.1. Mục tiêu định giá theo mô hình lý thuyết		
6.2.2. Mô hình định giá		Diễn giảng
6.2.3. Tác dụng của mô hình lý thuyết		Bài tập
6.2.4. Hạn chế của mô hình lý thuyết		Kiểm tra: tự luận
6.3. Các phương pháp định giá dựa vào chi phí		
6.3.1. Phương pháp thặng số chi phí		
6.3.2. Định giá theo thời gian sản xuất và chi phí NVL		
6.3.3. Định giá cạnh tranh		
6.4. Định giá sản phẩm mới		
6.4.1. Chiến lược định giá xói		
6.4.2. Chiến lược định giá thâm nhập		
6.4.3. Chiến lược định giá theo chi phí mục tiêu		
Chương 7: Thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn	7t	
7.1. Đặc điểm của các quyết định ngắn hạn		
7.2. Thông tin thích hợp cho các quyết định ngắn hạn		
7.2.1. Quy trình ra quyết định		
7.2.2. Thông tin thích hợp		
7.2.3. Tầm quan trọng của thông tin thích hợp		Diễn giảng
7.2.4. Nhận diện các thông tin thích hợp		Bài tập
7.3. Phân tích một số quyết định ngắn hạn		Bài tập tình huống
7.3.1. Chấp thuận hay không một đơn đặt hàng đặc biệt		Kiểm tra: tự luận
7.3.2. Ngừng hay không một ngành hàng hay dây chuyền sản xuất		
7.3.3. Xác định cơ cấu sản xuất để tối đa hóa lợi nhuận		
7.3.4. Chế tạo hay mua nguyên vật liệu		
7.3.5. Bán hay tiếp tục gia công		
Chương 8: Thông tin thích hợp cho các quyết định dài hạn	8t	
8.1. Thời giá tiền tệ		
8.1.1. Các khái niệm		
8.1.2. Sử dụng các bảng tính sẵn		
8.1.3. Sử dụng Excel để xác định thời giá tiền tệ		Diễn giảng
8.2. Đặc điểm của các quyết định dài hạn		Bài tập
8.3. Thông tin thích hợp cho các quyết định dài hạn		Thảo luận

8.3.1. Thông tin thích hợp		Bài tập tình huống Kiểm tra: tự luận
8.3.2. Hậu kiểm dự toán vốn		
8.4. Những vấn đề cần quan tâm khi phân tích quyết định dài hạn		
8.4.1. Thuế thu nhập doanh nghiệp		
8.4.2. Khấu hao nhanh		
8.4.3. Ảnh hưởng của lạm phát		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

- [1] – Trần Đình Phụng (chủ biên), Nguyễn Khắc Hùng, Huỳnh Vũ Bảo Trâm, Giang Quốc Tuấn (2016), *Kế toán quản trị*, NXB Đại học Quốc gia TP.HCM.
- [2] – Nguyễn Minh Phương (chủ biên) (2009), *Kế toán quản trị*, NXB Lao động-Xã hội, Hà Nội.

6.2. Tài liệu khác

- [1] – Colin Drury (2000), *Management & Cost Accounting*, Business Press, Thomson Learning, Fifth Edition.
- [2] – Kim Langfield-Smith, Helen Thone, Ronald W. Hilton (2006), *Management Accounting 4e (Information for managing and creating value)*, McGraw Hill.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2 lần
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Trần Đình Phụng

HỌC PHẦN
KIỂM TOÁN CĂN BẢN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kiểm toán căn bản
- Mã học phần: 832055
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 2 (832051)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Cung cấp cho người học những kiến thức căn bản về kiểm toán, gồm: Khái niệm, phân loại, kiểm toán viên, tổ chức kiểm toán và hội nghề nghiệp,...; Hệ thống kiểm soát nội bộ; học các học phần: Kiểm toán báo cáo tài chính; Kiểm toán hoạt động; Kiểm toán Nhà nước; Kiểm toán nội bộ.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Trình bày được khái niệm kiểm toán, các loại kiểm toán, tổ chức kiểm toán và kiểm toán viên.

- Mô tả khái quát môi trường kiểm toán, chuẩn mực kiểm toán, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm pháp lý của kiểm toán viên.

- Mô tả khái quát hệ thống kiểm soát nội bộ trong một tổ chức nói chung và doanh nghiệp nói riêng. Liệt kê trình tự nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ.

- Mô tả các giai đoạn kiểm toán từ khi chuẩn bị kiểm toán cho đến khi báo cáo kiểm toán.

4.2. Về kỹ năng

- Mô tả chi tiết qui trình kiểm toán báo cáo tài chính.

- Sử dụng các kỹ thuật tìm hiểu khách hàng, như thủ tục phân tích, phỏng vấn, điều tra,...

- Lập được kế hoạch kiểm toán báo cáo tài chính thông thường.

- Lập được chương trình kiểm toán cho các khoản mục chủ yếu trên báo cáo tài chính.
- Biết thu thập các bằng chứng kiểm toán và lập hồ sơ kiểm toán.

4.3. Về thái độ

Độc lập – Khách quan – Chính trực – Tuân thủ đạo đức nghề nghiệp.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tổng quan về kiểm toán	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
1.1. Định nghĩa		
1.2. Phân loại kiểm toán		
1.2.1. Phân loại theo mục đích kiểm toán		
1.2.2. Phân loại theo chủ thể kiểm toán		
1.3. Lược sử hình thành và phát triển của kiểm toán		
1.4. Kiểm toán viên, tổ chức kiểm toán và tổ chức nghề nghiệp		
1.4.1. Kiểm toán viên		
1.4.2. Tổ chức kiểm toán		
1.4.3. Tổ chức nghề nghiệp		
1.5. Quy trình kiểm toán báo cáo tài chính		
Chương 2: Môi trường kiểm toán	6	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
2.1. Môi trường kiểm toán		
2.2. Chuẩn mực kiểm toán		
2.3. Đạo đức nghề nghiệp		
2.4. Trách nhiệm của kiểm toán viên độc lập		
2.5. Khả năng đáp ứng của nghề kiểm toán		
Chương 3: Hệ thống kiểm soát nội bộ	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
3.1. Khái quát về hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB)		
3.1.1. Định nghĩa		
3.1.2. Các bộ phận hợp thành hệ thống KSNB		
3.1.3. Các hạn chế tiềm tàng của hệ thống KSNB		
3.2. Trình tự nghiên cứu hệ thống KSNB		
3.2.1. Mục đích của nghiên cứu và đánh giá KSNB		
3.2.2. Trình tự nghiên cứu KSNB		
3.3. Các vấn đề khác		
3.3.1. KSNB tại các doanh nghiệp nhỏ		
3.3.2. Thông báo về những khiếm khuyết của KSNB (Thư quản lý)		
Chương 4: Chuẩn bị kiểm toán	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập

4.1. Tiền kế hoạch		
4.1.1. Tiếp nhận kế hoạch		
4.1.2. Phân công kiểm toán viên		
4.1.3. Thỏa thuận sơ bộ với khách hàng		
4.1.4. Hợp đồng kiểm toán		
4.2. Tìm hiểu khách hàng		
4.3. Xác lập mức trọng yếu và đánh giá rủi ro kiểm toán		
4.3.1. Xác lập mức trọng yếu		
4.3.2. Đánh giá rủi ro trong kiểm toán		
4.3.3. Quan hệ giữa trọng yếu và rủi ro kiểm toán		
4.4. xây dựng kế hoạch và chương trình kiểm toán		
4.4.1. Kế hoạch chiến lược		
4.4.2. Kế hoạch kiểm toán tổng thể		
4.4.3. Chương trình kiểm toán		
Chương 5: Bằng chứng kiểm toán	6	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
5.1. Bằng chứng kiểm toán		
5.1.1. Khái niệm		
5.1.2. Yêu cầu		
5.1.3. Các phương pháp thu thập bằng chứng kiểm toán		
5.1.4. Một số bằng chứng kiểm toán đặc biệt		
5.2. Hồ sơ kiểm toán		
Chương 6: Báo cáo kiểm toán	6	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
6.1. Chuẩn bị hoàn thành kiểm toán		
6.1.1. Xem xét các khoản công nợ ngoài dự kiến		
6.1.2. Xem xét sự kiện xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán		
6.1.3. Xem xét về giả định hoạt động liên tục		
6.1.4. Đánh giá kết quả		
6.2. Báo cáo kết quả kiểm toán về báo cáo tài chính		
6.2.1. Khái niệm và vai trò của báo cáo kiểm toán		
6.2.2. Các yếu tố cơ bản của báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính		
6.2.3. Các loại báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính		
6.2.4. Các sự kiện sau ngày ký báo cáo kiểm toán		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán Kiểm toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (2014), *Kiểm toán*, NXB Kinh tế TPHCM.

2. Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán Kiểm toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (2015), *Bài tập kiểm toán*, NXB Kinh tế TPHCM.

6.2. Tài liệu khác

1. Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội (2008), *Lý thuyết kiểm toán*, NXB Thống kê.
2. Luật kiểm toán độc lập, Luật kiểm toán Nhà nước.
3. Chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
 - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Nguyễn Trọng Nguyên

HỌC PHẦN
KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kiểm toán báo cáo tài chính
- Mã học phần: 832056
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 15; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kiểm toán căn bản (832055)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Sau khi hoàn tất học phần này, sinh viên có thể:

- Trình bày và giải thích được mục đích, các nguyên tắc của kiểm soát nội bộ và các thủ tục kiểm soát thường được áp dụng đối với các khoản mục cơ bản trên BCTC
- Trình bày được một số thủ tục kiểm toán thường được áp dụng trong kiểm toán các khoản mục cơ bản trên BCTC .
- Tóm tắt được trình tự tiến hành kiểm toán, nêu được quy trình tiến hành kiểm toán các phần hành.
- Hệ thống hóa và vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm toán vào thực tế .
- Vận dụng được các kiến thức về kiểm toán và hệ thống kiểm soát nội bộ để hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp và vận dụng các kiến thức kiểm toán để làm tốt công tác kế toán tại doanh nghiệp & phối hợp được với các kiểm toán viên khác khi cần thiết.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Trình bày và giải thích được mục đích, các nguyên tắc của kiểm soát nội bộ và các thủ tục kiểm soát thường được áp dụng đối với các khoản mục tiền, nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định & chi phí khấu hao, nợ phải trả & vốn chủ sở hữu, thu nhập & chi phí

- Trình bày được một số thủ tục kiểm toán thường được áp dụng trong kiểm toán các khoản mục tiền, nợ phải thu, hàng tồn kho, tài sản cố định & chi phí khấu hao, nợ phải trả & vốn chủ sở hữu, thu nhập & chi phí trên BCTC .

- Hệ thống hóa được trình tự tiến hành kiểm toán, nêu được quy trình tiến hành kiểm toán các phần hành.

- Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm toán các phần hành vào thực tế của công việc kiểm toán viên.

4.2. Về kỹ năng

Vận dụng kiến thức về kế toán, kiểm soát nội bộ và kiểm toán vào thực tế để làm tốt công tác kế toán tại doanh nghiệp và hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ tại các doanh nghiệp, phối hợp được với các kiểm toán viên khi cần thiết và thực hiện được công việc kiểm toán cho các doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ

Hiểu rõ quy trình kiểm toán các khoản mục của kiểm toán viên để có nhận thức đúng về trách nhiệm của kiểm toán viên đối với xã hội và đánh giá được ảnh hưởng của kiểm toán đối với việc cung cấp thông tin tài chính của doanh nghiệp.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Kiểm toán tiền	9	Trình bày lý thuyết, thảo luận
1. Nội dung và đặc điểm khoản mục tiền		
1.1 Nội dung		
1.2 Đặc điểm		
1.3 Rủi ro khoản mục tiền		
1.4 Mục tiêu kiểm toán khoản mục tiền		
2. Kiểm soát nội bộ đối với tiền		
2.1 Yêu cầu		
2.2 Nguyên tắc		
2.3 Kiểm soát nội bộ đối với thu tiền		
2.3 Kiểm soát nội bộ đối với chi tiền		
3. Kiểm toán khoản mục tiền		
3.1 Thử nghiệm kiểm soát		
3.2 Thử nghiệm cơ bản		
Chương 2: Kiểm toán Nợ phải thu khách hàng	9	Trình bày lý thuyết, thảo luận
1. Nội dung và đặc điểm khoản mục nợ phải thu khách hàng		
1.1 Nội dung của khoản mục nợ phải thu khách hàng		
1.2 Đặc điểm khoản mục nợ phải thu khách hàng		
1.3 Những rủi ro khoản mục nợ phải thu khách hàng		

1.4 Mục tiêu kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng		
2. Kiểm soát nội bộ đối với nợ phải thu khách hàng		
3. Kiểm toán khoản mục nợ phải thu khách hàng		
3.1. Thử nghiệm kiểm soát		
3.2. Thử nghiệm cơ bản		
Chương 3: Kiểm toán hàng tồn kho và giá vốn hàng bán	9	Trình bày lý thuyết, thảo luận
1. Nội dung & đặc điểm của khoản mục hàng tồn kho		
1.1 Nội dung của khoản mục hàng tồn kho		
1.2 Đặc điểm của khoản mục hàng tồn kho		
1.3 Những rủi ro về hàng tồn kho		
1.4 Mục tiêu kiểm toán hàng tồn kho		
2. Kiểm soát nội bộ đối với hàng tồn kho		
2.1 Kiểm soát nội bộ về vật chất		
2.2 Kiểm soát nội bộ về ghi chép		
3. Kiểm toán hàng tồn kho		
3.1. Nghiên cứu hệ thống kiểm soát nội bộ		
3.2. Thiết kế các thử nghiệm cơ bản		
Chương 4: Kiểm toán TSCĐ và CP khấu hao	6	Trình bày lý thuyết, thảo luận, bài tập
1. Nội dung và đặc điểm khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao		
1.1 Nội dung khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao TSCĐ		
1.2 Đặc điểm khoản mục tài sản cố định và chi phí khấu hao TSCĐ		
1.3 Những rủi ro về TSCĐ và CP khấu hao		
1.4 Mục tiêu kiểm toán tài sản cố định và chi phí khấu hao		
2. Kiểm soát nội bộ đối với tài sản cố định và chi phí khấu hao		
2.1 Mục đích		
2.2 Các nguyên tắc		
2.3 Rủi ro		
2.4 Các thủ tục kiểm soát		
3. Kiểm toán khoản mục tài sản cố định & chi phí khấu hao		
3.1. Thử nghiệm kiểm soát		
3.2. Thử nghiệm cơ bản		
Chương 5: Kiểm toán Nợ phải trả và Vốn chủ sở hữu	6	Trình bày lý thuyết, thảo luận
1. Kiểm toán nợ phải trả		
1.1. Nội dung và đặc điểm khoản mục nợ phải trả		
1.1.1 Nội dung khoản mục nợ phải trả		
1.1.2 Đặc điểm khoản mục nợ phải trả		

1.1.3 Yêu cầu về lập & trình bày khoản mục		
1.1.4 Mục tiêu kiểm toán khoản mục nợ phải trả		
1.2. Kiểm soát nội bộ đối với nợ phải trả		
1.3. Kiểm toán khoản mục nợ phải trả		
1.3.1. Thử nghiệm kiểm soát		
1.3.2. Thử nghiệm cơ bản		
2. Kiểm toán vốn chủ sở hữu		
2.1. Nội dung và đặc điểm khoản mục vốn chủ sở hữu		
2.1.1 Nội dung khoản mục vốn chủ sở hữu		
2.1.2 Đặc điểm khoản mục vốn chủ sở hữu		
2.1.3 Mục tiêu kiểm toán khoản mục vốn chủ sở hữu		
2.2. Kiểm soát nội bộ đối với vốn chủ sở hữu		
2.3. Kiểm toán khoản mục vốn chủ sở hữu		
2.3.1. Thử nghiệm kiểm soát		
2.3.2. Thử nghiệm cơ bản		
Chương 6: Kiểm toán thu nhập và chi phí		Trình bày lý thuyết, thảo luận
1. Nội dung và đặc điểm khoản mục thu nhập & chi phí		
1.1 Nội dung		
1.2 Đặc điểm		
1.3 Mục tiêu kiểm toán		
2. Kiểm toán thu nhập		
2.1 Kiểm toán doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ		
2.2 Kiểm toán doanh thu hoạt động tài chính		
2.3 Kiểm toán thu nhập khác		
3. Kiểm toán chi phí		
3.1 Kiểm toán chi phí bán hàng, chi phí QLDN		
3.2 Kiểm toán chi phí khác		
3.3 Kiểm toán chi phí tiền lương		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1] – Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán Kiểm toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (2014), *Kiểm toán*, NXB Kinh tế TPHCM.

[2] – Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán Kiểm toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (2015), *Bài tập kiểm toán*, NXB Kinh tế TPHCM.

6.2. Tài liệu khác

[1] – Chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01 lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Nguyễn Trọng Nguyên

HỌC PHẦN
TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tổ chức công tác kế toán
- Mã học phần: 832062
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 2 (832051)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần: Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản khi tổ chức công tác kế toán trong một đơn vị. Sau khi học xong học phần sinh viên có thể tổ chức được công tác kế toán phù hợp cho từng doanh nghiệp như doanh nghiệp sản xuất, thương mại, dịch vụ...

4. Mục tiêu học phần:

4.1. Về kiến thức:

- Trình bày được nội dung và nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp
- Phân biệt được các hình thức tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp
- Xác định được vai trò và trách nhiệm của Kế toán trưởng, kế toán viên
- Nêu được những quy định pháp luật về chứng từ kế toán, tài khoản kế toán, sổ kế toán và Báo cáo tài chính; bảo quản lưu trữ tài liệu; quyền và trách nhiệm của đoàn kiểm tra kế toán; quyền và trách nhiệm của đơn vị kế toán được kiểm tra kế toán

4.2. Về kỹ năng

- Lựa chọn được hình thức tổ chức công tác kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp
- Tổ chức bộ máy kế toán phù hợp với qui mô hoạt động của doanh nghiệp, vừa đảm bảo được yêu cầu của công việc kế toán vừa tiết kiệm chi phí
- Lập, thu nhận, xử lý và kiểm tra chứng từ kế toán
- Thiết lập được trình tự luân chuyển chứng từ kế toán phù hợp với từng doanh nghiệp
- Mở tài khoản chi tiết đáp ứng được yêu cầu quản lý của doanh nghiệp

- Lựa chọn được hình thức sổ kế toán phù hợp với qui mô hoạt động của từng doanh nghiệp

- Lập được Báo cáo tài chính.

4.3. Về thái độ

- Có ý thức chấp hành đúng các qui định của Nhà nước khi thực hiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tổng quan về tổ chức công tác kế toán	3	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
1.1. Khái niệm đơn vị kế toán và tổ chức công tác kế toán		Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm
1.3. Ý nghĩa của việc tổ chức công tác kế toán		
1.4. Nguyên tắc tổ chức công tác kế toán		
1.5. Các hình thức tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp		
Chương 2. Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp	9	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
2.1. Tổ chức bộ máy kế toán		Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
2.1.1. Tổ chức nhân sự và phân công công tác		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm
2.1.2. Người làm kế toán		
2.1.3. Vai trò và trách nhiệm của kế toán trưởng		
2.2. Tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán		
2.2.1. Khái niệm chứng từ kế toán		
2.2.2. Phân loại chứng từ		
2.2.3. Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về chứng từ kế toán		
2.2.4. Tổ chức lập chứng từ kế toán		
2.2.5. Tổ chức luân chuyển chứng từ kế toán		
2.2.6. Tổ chức kiểm tra chứng từ kế toán		
2.2.7. Tổ chức lưu trữ chứng từ kế toán		
2.3. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán		
2.3.1. Lựa chọn hệ thống tài khoản kế toán áp dụng		
2.3.2. Chi tiết hóa hệ thống tài khoản kế toán		
2.4. Tổ chức thực hiện chế độ sổ kế toán		
2.4.1. Khái niệm sổ kế toán		
2.4.2. Các nội dung chủ yếu của sổ kế toán		

2.4.3. Lựa chọn áp dụng hệ thống sổ kế toán		
2.4.4. Tổ chức thực hiện các quy định pháp luật về sổ kế toán		
2.5. Tổ chức thực hiện chế độ báo cáo tài chính		
2.5.1. Khái niệm báo cáo tài chính		
2.5.2. Yêu cầu lập và trình bày báo cáo tài chính		
2.5.3. Thời hạn nộp báo cáo tài chính		
2.5.4. Nội dung công khai báo cáo tài chính		
2.5.5. Hình thức và thời hạn công khai báo cáo tài chính		
2.5.6. Kiểm toán báo cáo tài chính		
2.6. Tổ chức thực hiện chế độ kiểm tra kế toán		
2.6.1. Khái niệm kiểm tra kế toán		
2.6.2. Nội dung kiểm tra kế toán		
2.6.3. Quyền và trách nhiệm của đoàn kiểm tra kế toán		
2.6.4. Trách nhiệm và quyền của đơn vị kế toán được kiểm tra kế toán		
2.7. Tổ chức thực hiện chế độ, chính sách kế toán		
2.7.1. Phương pháp kê khai hàng tồn kho		
2.7.2. Phương pháp tính giá hàng tồn kho		
2.7.3. Phương pháp tính giá tài sản cố định		
2.7.4. Phương pháp hạch toán ngoại tệ		
2.7.5. Các chính sách tín dụng		
2.8. Tổ chức thực hiện kiểm kê tài sản		
2.8.1. Khái niệm kiểm kê tài sản		
2.8.2. Các trường hợp kế toán phải kiểm kê tài sản		
Chương 3. Thực hành tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp sản xuất	8	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
3.1. Giới thiệu đơn vị kế toán		Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng và thực hành
3.2. Tổ chức bộ máy kế toán của đơn vị		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
3.3. Tổ chức thực hiện chế độ chứng từ kế toán		
3.3.1. Lập chứng từ kế toán phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong đơn vị		
3.3.2. Thiết lập trình tự luân chuyển của từng loại chứng từ		
3.3.3. Thu nhận, kiểm tra và xử lý chứng từ kế toán		
3.4. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán, sổ kế toán tại đơn vị		
3.4.1. Lựa chọn hình thức kế toán áp dụng tại đơn vị: Hình thức Nhật ký chung		
3.4.2. Mở sổ cái và ghi số dư đầu kỳ		
3.4.3. Mở sổ kế toán chi tiết và ghi số dư đầu kỳ		
Chương 4. Tổ chức ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung	20	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo

		nhóm
4.1. Ghi vào các sổ Nhật ký		Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
4.1.1. Nhật ký chung		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
4.1.2. Nhật ký thu tiền mặt		
4.1.3. Nhật ký chi tiền mặt		
4.1.4. Nhật ký thu TGNH		
4.1.5. Nhật ký chi TGNH		
4.1.6. Nhật ký mua hàng		
4.1.7. Nhật ký bán hàng		
4.2. Mở và ghi Sổ quỹ tiền mặt, Sổ TGNH		
4.3. Ghi vào các sổ kế toán chi tiết có liên quan		
4.3.1. Sổ chi tiết thanh toán tài khoản 131		
4.3.2. Sổ chi tiết thanh toán tài khoản 331		
4.3.3. Sổ chi tiết vật liệu và công cụ dụng cụ		
4.3.4. Sổ kế toán chi tiết của các TK 141, 138, 338,...		
4.4. Chuyển các nghiệp vụ kinh tế phát sinh từ các sổ nhật ký vào các sổ cái liên quan		
4.5. Lập phiếu tính giá thành		
Chương 5. Tổ chức các công việc kế toán vào cuối kỳ	5	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
5.1. Khóa sổ kế toán, kiểm tra số liệu kế toán tổng hợp và số liệu kế toán chi tiết		Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
5.1.1. Lập Bảng tổng hợp chi tiết của các tài khoản		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
5.1.2. Lập Bảng cân đối tài khoản		
5.2. Lập Bảng cân đối kế toán		
5.3. Lập Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
5.4. Lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (phương pháp trực tiếp, phương pháp gián tiếp)		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Bộ môn Hệ thống thông tin kế toán, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TpHCM (2012), *Tổ chức công tác kế toán doanh nghiệp*, NXB Phương Đông, TPHCM

2. Nguyễn Khắc Hùng (2007), *Thực hành sổ sách kế toán*, NXB Thống Kê, TPHCM

6.2. Tài liệu khác

1. Học viện Tài chính (2011), *Giáo trình Tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp*, NXB Tài chính, Hà Nội

2. Bộ Tài chính (Vụ chế độ Kế toán và Kiểm toán) (2006), *Chế độ kế toán doanh nghiệp, quyển 2: Báo cáo tài chính, Chứng từ và Sổ kế toán, Sơ đồ kế toán*, NXB Tài chính, Hà Nội

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Ng Chương Thanh Hương

HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 1**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp 1
- Mã học phần: 832058
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy : Bộ Môn Tài chính - Ngân hàng**3. Mô tả học phần**

Cung cấp cho sinh viên những nguyên lý về tài chính doanh nghiệp để đưa ra các quyết định hợp lý về đầu tư tài chính, đầu tư dự án nhằm làm gia tăng giá trị doanh nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sinh viên nắm vững và hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính trong doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng: Sinh viên vận dụng kiến thức đã được học vào việc giải bài tập và giải quyết các tình huống liên quan đến những vấn đề về tài chính doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tích cực và phù hợp đối với các vấn đề về tài chính doanh nghiệp

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan về TCDN	3	
1.1. Khái niệm doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp		
1.2. Mục tiêu của doanh nghiệp		
1.3. Các quyết định chủ yếu của tài chính doanh nghiệp		
1.4. Môi trường kinh doanh của doanh nghiệp		
Chương 2: Phân tích Báo cáo tài chính doanh nghiệp	9	

2.1. Khái niệm, vai trò và tác dụng của BCTC		
2.2. Đọc hiểu Báo cáo tài chính doanh nghiệp		
2.2.1. Bảng cân đối kế toán		
2.2.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh		
2.2.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
2.3. Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp		
2.3.1. Tài liệu phân tích		
2.3.2. Hướng dẫn phân tích báo cáo tài chính		
2.3.3. Phân tích khái quát: xu hướng và kết cấu		
2.3.4. Phân tích tỷ số		
Chương 3: Thời giá tiền tệ	6	
3.1. Khái niệm		
3.2. Thời giá tiền tệ của một số tiền		
3.2.1. Giá trị tương lai của một số tiền		
3.2.2. Giá trị hiện tại của một số tiền		
3.2.3. Xác định yếu tố lãi suất		
3.2.4. Xác định yếu tố kỳ hạn		
3.2.5. Thời giá tiền tệ khi ghép lãi nhiều lần trong kỳ		
3.3. Thời giá tiền tệ của một dòng tiền		
3.3.1. Khái niệm dòng tiền		
3.3.2. Thời giá tiền tệ dòng tiền đều		
3.3.3. Thời giá tiền tệ dòng tiền không đều		
3.5. Lãi suất danh nghĩa và lãi suất thực		
Chương 4: Lợi nhuận, rủi ro và mô hình định giá tài sản vốn	6	
4.1. Khái niệm lợi nhuận, rủi ro		
4.2. Đo lường rủi ro		
4.2.1. Độ lệch chuẩn		
4.2.2. Hệ số biến thiên		
4.3. Lợi nhuận và rủi ro của danh mục đầu tư		
4.4. Mô hình định giá tài sản vốn CAPM		
Chương 5: Định giá và quyết định đầu tư chứng khoán	9	
5.1. Định giá và quyết định đầu tư chứng khoán nợ		
5.1.1. Đầu tư chứng khoán nợ ngắn hạn		
5.1.2. Đầu tư chứng khoán nợ dài hạn		
5.2. Định giá và quyết định đầu tư chứng khoán vốn		
5.2.1. Giới thiệu chung về chứng khoán vốn		
5.2.2. Định giá cổ phiếu ưu đãi		
5.2.3. Định giá cổ phiếu thường		
5.2.4. Lợi suất đầu tư cổ phiếu		
5.2.5. Quyết định đầu tư cổ phiếu		
Chương 6: Phân tích và quyết định đầu tư dự án	12	
6.1. Các loại dự án trong đầu tư doanh nghiệp		
6.2. Quy trình phân tích và quyết định đầu tư		
6.3. Ước lượng dòng tiền của dự án		

6.3.1. Khái niệm dòng tiền		
6.3.2. Ước lượng dòng tiền		
6.4. Các chỉ tiêu quyết định đầu tư dự án		
6.4.1. Thời gian hoàn vốn		
6.4.2. Giá trị hiện tại ròng NPV		
6.4.3. Tỷ suất sinh lợi nội bộ		
6.4.4. Tỷ suất sinh lợi nội bộ có hiệu chỉnh		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Minh Kiều (2009), Tài chính doanh nghiệp căn bản, NXB Thống kê.
2. Nguyễn Đình Kiệm (2008), Giáo trình tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính, NXB tài chính.

6.2. Tài liệu khác

3. Luật Doanh nghiệp (2006)(có hiệu lực từ 01/07/2006), NXB tổng hợp Tp.HCM.
4. Luật chứng (2006), (có hiệu lực từ ngày 01/01/2007), NXB Lao động - Xã hội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01 bài
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng, thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0,1
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3
 - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Võ Thị Thùy Vân

HỌC PHẦN
PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp
- Mã học phần: 832060
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 1 (832051)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán**3. Mô tả học phần**

Môn học cung cấp những kiến thức và kỹ năng về đọc hiểu các báo cáo tài chính cũng như các kỹ thuật và phương pháp sử dụng trong phân tích báo cáo tài chính nhằm đánh giá một cách sâu, rộng tình hình tài chính của doanh nghiệp làm cơ sở cho việc ra các quyết định đối với các nhà quản lý, các nhà đầu tư, các chủ nợ, cơ quan quản lý nhà nước,...

4.1. Về kiến thức

- Biết được các kỹ thuật và phương pháp phân tích sử dụng trong phân tích báo cáo tài chính;
- Hiểu được các báo cáo tài chính được lập và trình bày như thế nào và cách thức vận dụng kỹ thuật và phương pháp phân tích trong việc phân tích khái quát tình hình tài chính, phân tích khả năng sinh lời, phân tích rủi ro,...;
- Hiểu được quá trình dự báo báo cáo tài chính và phương pháp định giá doanh nghiệp dựa trên dòng tiền, dựa trên thu nhập, dựa trên thị trường.

4.2. Về kỹ năng

- Đọc hiểu được các báo cáo tài chính;
- Vận dụng được các kỹ thuật và phương pháp phân tích báo cáo tài chính;
- Lập được các báo cáo tài chính dự báo;
- Định được giá trị của doanh nghiệp dựa trên các phương pháp đã học;

- Viết được một báo cáo phân tích để cung cấp cho những người sử dụng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ

- Tiếp nhận và quan tâm đến môn học;
- Đáp ứng các yêu cầu đề ra của giảng viên một cách tích cực;
- Tự tin và trung thực.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1 Tổng quan về phân tích báo cáo tài chính	3	Thảo luận nhóm Hỏi - đáp
1.1. Báo cáo tài chính và mục đích của phân tích báo cáo tài chính		
1.1.1. Báo cáo tài chính (BCTC)		
1.1.2. Mục đích phân tích BCTC		
1.2. Kỹ thuật và phương pháp phân tích BCTC		
1.2.1. Kỹ thuật phân tích BCTC		
1.2.2. Phương pháp phân tích BCTC		
1.3. Cơ sở dữ liệu và quy trình phân tích		
1.2.1. Cơ sở dữ liệu		
1.2.2. Quy trình phân tích BCTC		
Chương 2 Phân tích khái quát BCTC	9	Thảo luận nhóm Hỏi - đáp
2.1. Phân tích tình hình tài chính		
2.1.1. Phân tích tài sản		
2.1.2. Phân tích nguồn vốn		
2.1.3. Phân tích sự cân đối giữa tài sản và nguồn vốn		
2.2. Phân tích tình hình kinh doanh		
2.2.1. Phân tích doanh thu		
2.2.2. Phân tích chi phí		
2.2.3. Phân tích hiệu quả kinh doanh		
2.3. Phân tích dòng tiền		
2.3.1. Mối quan hệ của dòng tiền từ các hoạt động kinh doanh, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính		
2.3.2. Dòng tiền và chu kỳ sống của doanh nghiệp		
Chương 3 Phân tích khả năng sinh lời	9	Thảo luận nhóm Hỏi - đáp
3.1. Ý nghĩa của phân tích khả năng sinh lời		
3.2. Các chỉ số đánh giá khả năng sinh lời		
3.2.1. Tỷ suất sinh lời trên tài sản		
3.2.2. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu		
3.2.3. Thu nhập trên cổ phần		
Chương 4 Phân tích rủi ro	9	Thuyết trình Thảo luận nhóm

		Hỏi - đáp
4.1. Rủi ro và phân tích rủi ro trên BCTC		
4.1.1. Rủi ro		
4.1.2. Phân tích rủi ro trên BCTC		
4.2. Phân tích rủi ro thanh toán		
4.2.1. Phân tích rủi ro thanh toán ngắn hạn		
4.2.2. Phân tích rủi ro thanh toán dài hạn		
4.3. Phân tích rủi ro phá sản		
4.3.1. Rủi ro phá sản		
4.3.2. Mô hình phân tích rủi ro phá sản		
Chương 5 Phân tích tăng trưởng và dự báo báo cáo tài chính	9	Thuyết trình Thảo luận nhóm Hỏi - đáp
5.1. Phân tích tăng trưởng		
5.1.1. Tỷ lệ tăng trưởng dựa trên lịch sử		
5.1.2. Tỷ lệ tăng trưởng dựa trên các yếu tố cơ bản		
5.1.3. Tỷ lệ tăng trưởng dựa trên phân tích chuyên gia		
5.2. Dự báo báo cáo tài chính		
5.2.1. Các phương pháp dự báo		
5.2.2. Quy trình dự báo BCTC		
Chương 6 Định giá doanh nghiệp	6	Thuyết trình Thảo luận nhóm Hỏi - đáp
6.1. Ý nghĩa của định giá		
6.2. Phương pháp định giá		
6.2.1. Định giá dựa trên dòng tiền		
6.2.2. Định giá dựa trên thu nhập		
6.2.3. Định giá dựa trên thị trường		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

- [1] – Phạm Thị Thùy (chủ biên), Nguyễn Thị Lan Anh (2013), *Báo cáo tài chính – Phân tích, dự báo & định giá*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
- [2] – Stickney, C. P., Brown, P., Wahlen, J. M., Baginski, S. P., & Bradshaw, M. (2010). *Financial reporting, financial statement analysis and valuation*. (7 ed.). Independence, KY: Cengage.

6.2. Tài liệu khác

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): nhiều lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm thảo luận trên lớp: hệ số 0.2;
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Hồ Xuân Hữu

HỌC PHẦN
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 1

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hệ thống thông tin kế toán 1
- Mã học phần: 832303
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30;10;5; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần: phòng học trang bị máy tính có nối mạng LAN, được cài đặt Microsoft office (Excel) phiên bản 2010 trở về sau.
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 1 (832050)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng thực hiện các công tác lập sổ sách kế toán, báo cáo tài chính trong một đơn vị. Sau khi học xong học phần sinh viên có thể thực hiện được các loại sổ sách kế toán, báo cáo tài chính trên máy tính với phần mềm Microsoft Excel.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Trình bày được nội dung và hình thức các loại sổ sách kế toán
- Phân biệt được các hình thức, qui trình ghi sổ sách, lập báo cáo tài chính trên máy tính so với công tác ghi sổ sách bằng tay.

4.2. Về kỹ năng

- Sử dụng thành thạo bảng tính Excel để thực hiện qui trình ghi sổ sách, lập nhật ký chung
- Nhập liệu và định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên bảng tính
- Từ các dữ liệu trên bảng tính, sử dụng Microsoft Excel lập được các loại sổ sách kế toán, lập được Báo cáo tài chính một số báo cáo phục vụ nhu cầu quản trị.

4.3. Về thái độ

- Có ý thức chấp hành đúng các qui định của Nhà nước khi thực hiện tổ chức công tác kế toán trong doanh nghiệp.

- Hình thành thói quen, tính cẩn thận, chính xác và khoa học trong việc xử lý các số liệu, dữ liệu.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>Chương 1: Ôn tập kiến thức cơ bản Excel</p> <p>1.1. Các kiểu dữ kiện</p> <p>1.1.1. Kiểu dữ kiện hằng (constant value)</p> <p>1.1.2. Kiểu công thức (formula)</p> <p>1.2. Các toán tử – các loại địa chỉ – Công thức</p> <p>1.2.1. Các toán tử trong công thức</p> <p>1.2.2. Các loại địa chỉ ô, địa chỉ vùng trong công thức</p> <p>1.2.3. Sử dụng trong công thức các địa chỉ ô, địa chỉ vùng ở sheet khác hoặc workbook khác</p> <p>1.2.4. Một số hàm thông dụng trong Excel sử dụng trong kế toán</p> <p>1.2.5. Mảng và công thức mảng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng tên mảng - Cách đặt tên cho một ô hay một mảng - Công thức mảng 	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng và đàm thoại</p> <p>Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, Bài tập thực hành</p>
<p>Chương 2: Bảng số dư đầu kỳ, Nhật ký máy, Nhật ký chung, Bảng cân đối phát sinh</p> <p>2.1. Bảng số dư đầu kỳ</p> <p>2.2. Nhật ký máy</p> <p>2.3. Nhật ký chung</p> <p>2.4. Bảng cân đối phát sinh</p>	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, đàm thoại và thao tác mẫu.</p>
<p>Chương 3: Sổ cái tài khoản và sổ quỹ tiền mặt</p> <p>3.1. Sổ cái Tài khoản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng các thao tác thủ công - Sử dụng hàm Excel để tự động hoá. <p>3.2. Sổ Quỹ tiền mặt</p>	3	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, đàm thoại và thao tác mẫu.</p>
<p>Chương 4: Kế toán chi tiết công nợ phải thu khách hàng</p> <p>4.1 Sử dụng hàm lập sổ chi tiết công nợ phải thu</p> <p>4.2 Kỹ năng đặt tên vùng, Quản lý vùng (Name Manager)</p> <p>4.3 Lập danh mục Khách hàng bằng chức năng Data Validation</p> <p>4.4 Ứng dụng kỹ năng Name Manager và Data Validation vào sổ chi tiết công nợ phải thu.</p> <p>4.5. Bảng tổng hợp chi tiết công nợ phải thu khách hàng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng công thức mảng (Array) - Sử dụng Hàm Sumifs 	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, đàm thoại và thao tác mẫu.</p> <p>Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Bài tập thực hành</p>
<p>Chương 5: Kế toán chi tiết công nợ phải trả khách hàng</p> <p>5.1. Ứng dụng kỹ năng Name Manager và Data Validation vào sổ chi tiết công nợ phải trả</p> <p>5.2. Bảng tổng hợp chi tiết công nợ phải thu khách hàng</p>	3	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, đàm thoại và thao tác mẫu.</p>

- Sử dụng công thức mảng (Array) - Sử dụng Hàm Sumifs		
Chương 6: Lập sổ nhật ký thu tiền, sổ nhật ký chi tiền và sổ chi phí sản xuất kinh doanh 6.1. Sổ nhật ký thu tiền 6.2. Sổ nhật ký chi tiền 6.3. Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (TK 621, 622, 627, 641, 642)	3	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, đàm thoại và thao tác mẫu.
Chương 7: Kế toán chi tiết hàng hóa và sổ chi tiết bán hàng 7.1. Sổ chi tiết hàng hóa, 7.2. Bảng tổng hợp chi tiết hàng hóa 7.3. Sổ chi tiết bán hàng 7.4. Sổ doanh thu chi tiết	3	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, đàm thoại và thao tác mẫu.
Chương 8: Báo cáo tài chính 8.1. Bảng cân đối kế toán 8.2. Bảng báo cáo kết quả kinh doanh 8.3. Bảng báo cáo lưu chuyển tiền tệ	6	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, đàm thoại và thao tác mẫu.
Đồ án môn học Thực hiện hệ thống sổ sách và báo cáo tài chính trong 1 tháng hoặc 1 quý dựa trên số liệu thực tế phát sinh của một doanh nghiệp.	9	

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Khắc Hùng (2007), *Thực hành sổ sách kế toán*, NXB Thống kê, Tp. HCM.
2. Nguyễn Thế Hưng (2006), *Hệ thống thông tin kế toán*, NXB Thống kê, Tp.HCM.

6.2. Tài liệu khác

1. Bộ Tài chính (Vụ chế độ Kế toán và Kiểm toán) (2006), *Chế độ kế toán doanh nghiệp, quyển 2: Báo cáo tài chính, Chứng từ và Sổ kế toán, Sơ đồ kế toán*, NXB Tài chính, Hà Nội.
2. Microsoft office 2010 Training (2010), Microsoft.
3. Websites: www.webketoan.com, www.Giaiphapexcel.com, www.Excelforum.com

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01 lần
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Đồ án môn học
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.2
- Điểm kiểm tra giữa kỳ: hệ số 0.2
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Giang Quốc Tuấn

HỌC PHẦN
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 2**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hệ thống thông tin kế toán 2 (Chu trình)
- Mã học phần: 832008
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 2 (832051)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán**3. Mô tả học phần**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, vấn đề chung về hệ thống thông tin, đặc biệt là trong lĩnh vực kế toán, các công cụ mô tả hệ thống, kiểm soát hệ thống và các chu trình kế toán. Sau khi học xong học phần sinh viên có thể hiểu và vận dụng kiến thức đã học để thiết kế các chu trình kế toán phù hợp với yêu cầu và nhu cầu thực tiễn tại doanh nghiệp.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

- Hiểu và giải thích được hệ thống và phân loại các dạng hệ thống
- Hiểu về hệ thống thông tin kế toán và phân loại hệ thống thông tin kế toán
- Hiểu và vận dụng kiểm soát nội bộ và kiểm soát hệ thống thông tin kế toán
- Hiểu về chu trình kế toán và phân loại chu trình kế toán

4.2. Về kỹ năng

- Sử dụng được các công cụ trong phần mềm Microsoft Office hoặc Visio để thiết kế các dạng sơ đồ chức năng, sơ đồ dòng dữ liệu và các lưu đồ để mô tả các hệ thống ứng dụng trong kế toán.

- Thiết kế được các chu trình nghiệp vụ kế toán phù hợp với yêu cầu thực tế trong doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ

- Có ý thức tuân thủ đúng các qui định của Doanh nghiệp về các bước thực hiện công việc trong các chu trình của công tác kế toán.

- Hình thành thói quen, tính cẩn thận, chính xác và khoa học trong việc xử lý các số liệu, dữ liệu và các chứng từ kế toán.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>Chương 1: Tổng quan về hệ thống thông tin kế toán</p> <p>1.1. Hệ thống</p> <p>1.1.1. Khái niệm hệ thống</p> <p>1.1.2. Phân loại hệ thống</p> <p>1.1.3. Tiếp cận hệ thống</p> <p>1.2. Hệ thống thông tin</p> <p>1.2.1. Khái niệm hệ thống thông tin</p> <p>1.2.2. Phân loại hệ thống thông tin</p> <p>1.3. Hệ thống thông tin kế toán</p> <p>1.3.1. Khái niệm hệ thống thông tin kế toán</p> <p>1.3.2. Phân loại hệ thống thông tin kế toán</p> <p>1.3.3. Các mô hình hệ thống thông tin kế toán</p> <p>1.3.4. Vai trò Kiểm soát nội bộ và Kiểm toán độc lập</p>	6	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận
<p>Chương 2: Chu trình xử lý các nghiệp vụ kế toán – Các công cụ mô tả hệ thống</p> <p>2.1. Khái niệm giao dịch tài chính và phi tài chính</p> <p>2.2. Mối quan hệ giữa các chu trình nghiệp vụ trong doanh nghiệp</p> <p>2.3. Các hệ thống ghi chép nghiệp vụ phát sinh</p> <p>2.3.1. Hệ thống ghi chép bằng phương pháp thủ công</p> <p>2.3.2. Hệ thống ghi chép các nghiệp vụ kỹ thuật số</p> <p>2.3.3. Hệ thống ghi chép các nghiệp vụ trên nền tảng máy tính</p> <p>2.4. Khái niệm về Dấu vết kiểm toán</p> <p>2.5. Các mô hình xử lý dữ liệu kế toán</p> <p>2.6. Các công cụ mô tả hệ thống</p> <p>2.6.1 Sơ đồ chức năng</p> <p>2.6.2 Sơ đồ dòng dữ liệu</p> <p>2.6.3 Lưu đồ</p> <p>2.7 Mã hoá dữ liệu</p>	9	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận
<p>Chương 3: Kiểm soát trong hệ thống thông tin kế toán</p> <p>3.1. Vấn đề đạo đức nghề nghiệp trong kinh doanh</p> <p>3.2. Các hình thức gian lận trong môi trường kinh doanh</p> <p>3.3. Kiểm soát nội bộ</p> <p>3.3.1. Khái niệm kiểm soát nội bộ</p> <p>3.3.2. Các thành phần của hệ thống kiểm soát nội bộ</p> <p>3.4. Hoạt động kiểm soát trong môi trường máy tính</p>	3	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận

<p>3.4.1. Đặc điểm của môi trường máy tính</p> <p>3.4.2. Kiểm soát chung</p> <p>3.4.3. Kiểm soát ứng dụng</p>		
<p>Chương 4: Chu trình doanh thu</p> <p>4.1. Chu trình khái niệm</p> <p>4.1.1. Xử lý đơn đặt hàng</p> <p>4.1.2. Qui trình xử lý hàng bán trả lại</p> <p>4.1.3. Qui trình xử lý nhận thanh toán</p> <p>4.2. Chu trình vật lý</p> <p>4.3. Hoạt động kiểm soát trong chu trình doanh thu</p> <p>4.3.1. Kiểm soát nghiệp vụ</p> <p>4.3.4. Kiểm soát công nghệ IT</p> <p>4.4. Hệ thống bán hàng phương thức Point-of-Sale</p>	6	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận
<p>Chương 5: Chu trình chi phí – Chu trình mua hàng</p> <p>5.1. Chu trình khái niệm – Chu trình mua hàng</p> <p>5.1.1. Xử lý mua hàng</p> <p>5.1.2. Hệ thống mua hàng chịu</p> <p>5.1.3. Hệ thống thanh toán</p> <p>5.2. Chu trình vật lý – Chu trình mua hàng</p> <p>5.3. Hoạt động kiểm soát trong chu trình mua hàng</p> <p>5.3.1. Kiểm soát nghiệp vụ</p> <p>5.3.2. Kiểm soát công nghệ IT</p>	6	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận
<p>Chương 6: Chu trình chi phí – Chu trình trả lương và mua sắm tài sản</p> <p>6.1. Chu trình khái niệm – Chu trình trả lương</p> <p>6.2. Chu trình vật lý – Chu trình trả lương</p> <p>6.3. Hoạt động kiểm soát trong chu trình trả lương</p> <p>6.3.1. Kiểm soát nghiệp vụ</p> <p>6.3.2. Kiểm soát công nghệ IT</p> <p>6.4. Chu trình chi phí – Chu trình mua sắm tài sản</p> <p>6.4.1. Yêu cầu mua sắm tài sản</p> <p>6.4.2. Bảo dưỡng, bãi trì tài sản</p> <p>6.4.3. Thanh lý tài sản</p> <p>6.4.4. Hoạt động kiểm soát chu trình</p>	6	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận
<p>Chương 7: Chu trình sản xuất</p> <p>7.1. Các hoạt động vật lý – Hệ thống sản xuất</p> <p>7.2. Hoạt động thông tin – Hệ thống kế toán chi phí</p> <p>7.3. Hoạt động kiểm soát</p> <p>7.3.1. Kiểm soát nghiệp vụ</p> <p>7.3.2. Kiểm soát công nghệ IT</p>	6	Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận đánh giá: Bài tập thực hành

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1] – Thái Phúc Huy và các giảng viên trường Đại học Kinh tế TP.HCM (2012), *Hệ thống thông tin kế toán tập 2*, NXB Phương Đông.

[2] – Jame. A.Hall, *Accounting Information Systems*, 7th edition, South-Western

6.2. Tài liệu khác

[1] – Nguyễn Thế Hưng (2008), *Hệ thống thông tin kế toán*, NXB Thống kê.

[2] – Marshall B. Romney, Paul John Steinbart, *Accounting Information Systems*, eighth edition, Prentice Hall.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01 lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Giang Quốc Tuấn

HỌC PHẦN
HỆ THỐNG THÔNG TIN KẾ TOÁN 3**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Hệ thống thông tin kế toán 3 (phần mềm kế toán)
- Mã học phần: 832009
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 10; 5; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần: phòng học trang bị máy tính có nối mạng LAN, được cài đặt phần mềm kế toán Misa.
- + Đòi hỏi học phần học trước: Tổ chức công tác kế toán (832062)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán**3. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến việc tổ chức thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán dựa trên phần mềm kế toán.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

Hiểu được các tiêu chuẩn phần mềm kế toán, cấu trúc và quy trình sử dụng phần mềm kế toán.

Hiểu được cách thức tổ chức dữ liệu, quy trình xử lý nghiệp vụ, truy xuất hệ thống báo cáo kế toán trên một số phần mềm kế toán được sử dụng phổ biến trong doanh nghiệp.

4.2. Về kỹ năng

Có thể sử dụng được phần mềm kế toán để thực hiện công việc kế toán trong các doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ

- Tiếp nhận và quan tâm đến môn học;
- Đáp ứng các yêu cầu đề ra của giảng viên một cách tích cực;
- Tự tin và trung thực.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ PHẦN MỀM KẾ TOÁN		Thuyết trình, hỏi đáp
1.1. Khái niệm phần mềm kế toán		
1.2. Phân loại phần mềm kế toán		
1.3. Tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán		
1.4. Giới thiệu một số phần mềm kế toán		
Chương 2: TỔ CHỨC DỮ LIỆU BAN ĐẦU		Phương pháp từng bước, hỏi đáp, làm việc nhóm
2.1. Tạo cơ sở dữ liệu		
2.2. Thiết kế các danh mục		
2.3. Nhập số dư ban đầu		
Chương 3: TỔ CHỨC XỬ LÝ CÁC NGHIỆP VỤ		Phương pháp từng bước, hỏi đáp, làm việc nhóm
3.1. Nghiệp vụ mua hàng		
3.2. Nghiệp vụ bán hàng		
3.3. Nghiệp vụ sản xuất		
3.4. Nghiệp vụ kho		
3.5. Nghiệp vụ lương		
3.6. Nghiệp vụ tài sản cố định		
3.7. Các nghiệp vụ khác		
Chương 4: KHAI THÁC THÔNG TIN		Phương pháp từng bước, hỏi đáp, làm việc nhóm
4.1. Báo cáo tài chính		
4.2. Báo cáo quản trị		
4.3. Hệ thống sổ sách kế toán		
Chương 5: PHÂN QUYỀN VÀ BẢO MẬT TRÊN PHẦN MỀM		Phương pháp từng bước, hỏi đáp, làm việc nhóm
5.1. Phân quyền người dùng		
5.2. Bảo mật và an toàn dữ liệu		
5.3. Kết xuất và in ấn dữ liệu		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1] – Cty CP Mi Sa (2015), *Kế toán máy doanh nghiệp*, Lưu hành nội bộ.

[2] – Cty CP Mi Sa (2015), *Bài tập thực hành MISA SME.NET 2015*, Lưu hành nội bộ.

6.2. Tài liệu khác

[1] – ThS. Thái Phúc Huy (chủ biên) & ctg (2012), *Hệ thống thông tin kế toán tập 3*, NXB Phương Đông.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 02 lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,4;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,5

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Hồ Xuân Hữu

**HỌC PHẦN
 CHUẨN MỤC KẾ TOÁN**

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Chuẩn mục kế toán
- Mã học phần: 832110
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 2 (832051)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa: Không có

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn kế toán

3. Mô tả học phần

Môn học Chuẩn mục kế toán cung cấp những nội dung cơ bản của hệ thống chuẩn mục kế toán Việt Nam như các nội dung liên quan đến tài sản, nợ phải trả, doanh thu, chi phí và hệ thống BCTC.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Người học nắm được những nội dung cốt lõi của hệ thống chuẩn mục kế toán Việt Nam.

4.2. Về kĩ năng: Người học có thể vận dụng chuẩn mục kế toán để giải quyết các tình huống liên quan đến hoạt động kế toán của doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ: Tạo thói quen đọc và nghiên cứu chuẩn mục kế toán đối với sinh viên chuyên ngành kế toán.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tổng quan về Chuẩn mục kế toán	6	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
1.1 Khái niệm		
1.1.1 Chuẩn mục kế toán quốc tế		
1.1.2 Chuẩn mục kế toán quốc gia		
1.2 Hệ thống chuẩn mục kế toán Việt Nam		

1.2.1	Đặc điểm ra đời		
1.2.2	Quy trình xây dựng và ban hành		
1.2.3	Các tổ chức tham gia soạn thảo và ban hành		
1.3	Nội dung cơ bản của chuẩn mực chung		
1.3.1	Các nguyên tắc kế toán cơ bản		
1.3.2	Các yêu cầu cơ bản đối với kế toán		
1.3.3	Các yếu tố của báo cáo tài chính		
	Chương 2: Các chuẩn mực kế toán về tài sản	18	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
2.1.	Chuẩn mực hàng tồn kho		
2.1.1.	Phạm vi áp dụng		
2.1.2.	Nội dung chuẩn mực		
2.2.	Chuẩn mực Tài sản cố định hữu hình		
2.2.1.	Phạm vi áp dụng		
2.2.2.	Nội dung chuẩn mực		
2.3.	Chuẩn mực Tài sản cố định vô hình		
2.3.1.	Phạm vi áp dụng		
2.3.2.	Nội dung chuẩn mực		
2.4.	Chuẩn mực Bất động sản đầu tư		
2.4.1.	Phạm vi áp dụng		
2.4.2.	Nội dung chuẩn mực		
2.5.	Các chuẩn mực kế toán liên quan tài sản khác		
	Chương 3: Các chuẩn mực kế toán về doanh thu, thu nhập, chi phí và nợ phải trả	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
3.1.	Chuẩn mực doanh thu và thu nhập khác		
3.1.1.	Phạm vi áp dụng		
3.1.2.	Nội dung chuẩn mực		
3.2.	Chuẩn mực hợp đồng xây dựng		
3.2.1.	Phạm vi áp dụng		
3.2.2.	Nội dung chuẩn mực		
3.3.	Chuẩn mực Chi phí đi vay		
3.3.1.	Phạm vi áp dụng		
3.3.2.	Nội dung chuẩn mực		
3.4.	Chuẩn mực Các khoản dự phòng và nợ tiềm tàng		
3.4.1.	Phạm vi áp dụng		
3.4.2.	Nội dung chuẩn mực		
	Chương 4: Các chuẩn mực liên quan báo cáo tài chính	12	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
4.1.	Chuẩn mực Trình bày BCTC		
4.1.1.	Phạm vi áp dụng		
4.1.2.	Nội dung chuẩn mực		
4.2.	Chuẩn mực Báo cáo tài chính giữa niên độ		
4.2.1.	Phạm vi áp dụng		

4.2.2. Nội dung chuẩn mực		
4.3. Chuẩn mực Các sự kiện sau ngày kết thúc năm tài chính		
4.3.1. Phạm vi áp dụng		
4.3.2. Nội dung chuẩn mực		
4.4. Chuẩn mực Báo cáo lưu chuyển tiền tệ		
4.4.1. Phạm vi áp dụng		
4.4.2. Nội dung chuẩn mực		
4.5. Các chuẩn mực kế toán khác liên quan BCTC		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] Bộ Tài chính (2013), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính

[2] Bộ Tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính

[3] Vũ Hữu Đức, Trần Thị Giang Tân, Nguyễn Thế Lộc (2010), *Chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Lao động

6.2. Tài liệu khác:

[4] Ngô Thế Chi (2011), *Chuẩn mực kế toán quốc tế*, NXB Tài chính.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: 50% tự luận, 50% trắc nghiệm; đề đóng; thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Nguyễn Anh Hiền

HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CHUYÊN NGÀNH KẾ TOÁN**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiếng Anh chuyên ngành kế toán
- Mã học phần: 832025
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Tiếng Anh II (866102)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Tổ Tiếng Anh không chuyên – Khoa Ngoại ngữ

3. Mô tả học phần: Học phần trang bị cho sinh viên chuyên ngành Tài chính - Kế toán vốn từ vựng, thuật ngữ tiếng Anh cơ bản liên quan đến nghiệp vụ kế toán. Ngoài ra, sinh viên được rèn luyện kỹ năng nói, viết về các số liệu tài chính, đồng thời đọc hiểu, nghe hiểu các tài liệu kỹ thuật liên quan đến các nguyên lý kế toán (accounting concepts); các báo cáo tài chính (financial statements); khấu hao và phân bổ (depreciation and amortization); các tỷ suất tài chính (financial ratios); kiểm toán (auditing) và kế toán giá thành (cost accounting). Sinh viên được củng cố kiến thức ngữ pháp cần thiết phục vụ cho mục đích giao tiếp nhất định. Bên cạnh đó, giáo dục sinh viên hiểu và có thái độ, ý thức đạo đức liên quan đến ngành nghề.

4. Mục tiêu cụ thể của HP/MH (Chuẩn đầu ra của HP/MH)

4.1. Về kiến thức: Sau khi học xong học phần sinh viên được trang bị vốn từ vựng, kiến thức ngữ pháp cần thiết để có thể nghe hiểu, đọc hiểu, nói, viết về các công việc và thuật ngữ chuyên môn liên quan đến kế toán tài chính như nguyên lý kế toán, các báo cáo tài chính, các loại hoá đơn, chứng từ ghi sổ. Đồng thời sinh viên nắm bắt được khái niệm về kế toán quản trị (kế toán giá thành), các chỉ số tài chính và kiểm toán.

4.2. Về kỹ năng: Sau khi học xong học phần, sinh viên phát triển được kỹ năng nghe bài hội thoại, bài nói chuyện và có thể điền được thông tin thiếu, ghi chú được số liệu hay thông số kỹ thuật, nhận biết và phân loại được các thuật ngữ, sinh viên biết cách trả lời điện thoại, đọc số fax, đọc số liệu;

- Sinh viên đóng vai, thảo luận, trình bày mô tả được về các xu hướng tăng giảm trong kinh doanh, về vai trò của kế toán viên, kế toán chứng từ, kiểm toán và các loại hình công việc khác;

- Sinh viên học được phương pháp đọc tài liệu kỹ thuật và tích lũy được từ vựng chuyên ngành thông qua các bài đọc hiểu in sẵn trong giáo trình và một số tài liệu đọc khác khai thác từ các nguồn giáo trình tương tự, từ báo chí chuyên ngành. Sinh viên nắm và áp dụng được kỹ năng đọc nhanh tìm ý tổng quát, đọc nhanh để khai thác thông tin chi tiết trong giới hạn thời gian nhất định;

- Sinh viên viết được câu từ đơn giản đến nâng cao. Cụ thể, sinh viên viết được những câu mô tả các vai trò cơ bản của các tài khoản, cách ghi nợ, ghi có.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có ý thức cập nhật thông tin liên quan đến môn học thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng. Sinh viên hiểu và có ý thức, thái độ hành nghề sau này theo hướng tích cực, khoa học.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Bài 1. Fundamentals of accounting	9	Các yếu tố cơ bản của kế toán
1.1 Saying numbers <ul style="list-style-type: none"> - The number zero - Decimal point - Calculations - Square, cube, root - Fractions - Foreign currency 	4	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng máy chiếu + trình duyệt Power Point. Yêu cầu sinh viên lên bảng ghi ra và đọc từ 1-100, thực tập đọc nhanh các con số từ 1-1000 - Giảng viên giới thiệu 5 cách đọc chữ số 0, lưu ý sinh viên những trường hợp đặc biệt - Sinh viên làm bài tập 1, lên bảng viết và thực hành đọc tại chỗ - Giảng viên giới thiệu cách đọc số bằng tiếng Anh, lưu ý các trường hợp đặc biệt sinh viên thực hành đọc, viết số thành chữ và ngược lại - pair work, group work
Mini-test 1 1.2 Expressing change <ul style="list-style-type: none"> - Verbs - Prepositions 	10p	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giới thiệu từ vựng mới - Sinh viên nghe giảng viên giới thiệu và lặp lại các đề mục như mục 1
1.3 Accounting terms <ul style="list-style-type: none"> - Financial and Management Accounting - Bookkeeping - Internal and External Auditing - Creative accounting - Laws, rules & standards 	2	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giới thiệu cách sử dụng các động từ phổ biến dùng để mô tả sự thay đổi trong kinh doanh/ tình hình tài chính; sinh viên lên bảng sắp xếp lại các động từ vào 3 cột tương ứng. sau đó giảng viên lưu ý sinh viên những giới từ thường đi kèm với những động từ này (nhắc lại ngữ pháp bài 4

	3	<p>giáo trình International Express)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giới thiệu từ vựng, sinh viên giải thích và cho nghĩa tiếng Việt. - Sinh viên đọc bài khoá, tìm ra những điểm chủ chốt, những ý chính cần nhớ liên quan đến ngành nghề kế toán; thực hành làm bài tập, các bài tập có tính chất củng cố, nặng về từ vựng, đòi hỏi sinh viên phải có khả năng nhớ và phân biệt từ vựng, áp dụng kiến thức về nghiệp vụ trong tiếng Việt để liên hệ với các khái niệm về chuyên môn trong tiếng Anh - Yêu cầu sinh viên giải thích về kế toán sáng tạo, đưa ra ví dụ về kế toán sáng tạo, tại sao các cty vẫn sử dụng kế toán sáng tạo, điều này có hợp pháp không, tại sao?
Unit 2: Accounting concepts	5	Giả định và nguyên tắc kế toán
2.1. Accounting assumptions	2	<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên phân biệt giữa giả định kế toán và nguyên lý kế toán - đưa ra từ mới liên quan đến các nguyên lý kế toán - Sinh viên đọc các định nghĩa bằng tiếng Anh, đưa ra các nguyên lý phù hợp
2.2. Accounting principles	3	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên làm các bài tập thực hành: nối từ với định nghĩa, điền từ vào chỗ trống, các nguyên lý này giúp ngăn ngừa những hoạt động bất hợp pháp nào, tại sao. - Sinh viên áp dụng các kiến thức đã học về chuyên ngành để phân biệt, giải thích từ vựng bằng tiếng Anh.
Mini-test 2	10p	Kiểm tra nhanh 10' trên Power Point
Unit 3: Bookkeeping	5	Kế toán ghi sổ
3.1. Accounting cycle 3.2. Bookkeeping 3.2.1. Double-entry bookkeeping 3.2.2. Day books and ledgers 3.2.3. Balancing the books 3.3. Rules of debit and credit 3.3.1. T- account, keeping records in journal		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giới thiệu khái quát cho SV về quy trình kế toán - Giảng viên giới thiệu từ vựng mới. - Sinh viên đọc và giải thích bài đọc, thông qua đó ôn lại kiến thức đã học và các từ vựng chuyên ngành bằng tiếng Anh và tiếng Mỹ; ôn lại phương trình kế toán. - Giảng viên trình bày 1 số thuật ngữ cơ bản trong kế toán, quy tắc ghi nợ (debit) và ghi có (credit), nguyên tắc vô sổ kép, cách trình bày 1 giao dịch (transaction) trong sổ ghi chép hàng ngày, sau đó sinh viên làm bài tập áp dụng.
Unit 4: Financial statement – Balance sheet	4	Báo cáo tài chính – Bảng cân đối kế toán
4.1. Introduction to a set of Financial		Giảng viên giới thiệu về:

<p><i>statements</i></p> <p>4.2. Balance sheet</p> <p>4.2.1. <i>Assets: types of assets</i></p> <p>4.2.2. <i>Liabilities: types of liabilities</i></p> <p>4.2.3. <i>Capital, shareholders' equity</i></p> <p>4.2.4. <i>Accounting equation</i></p>		<ul style="list-style-type: none"> - các báo cáo tài chính, các tên gọi khác nhau bằng tiếng Anh và Mỹ; - mối liên hệ và sự cần thiết của các loại báo cáo. - cách đọc bảng cân đối kế toán, lưu ý sinh viên các yếu tố được liệt kê trong báo cáo tài chính (tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu) - tập trung kỹ vào bảng cân đối, phân biệt, ghi nhớ các cách gọi và cách phân loại khác nhau của tài sản và nợ phải trả; - phân biệt debt và liability: giảng viên làm rõ 2 khái niệm debt và liabilities. - Sinh viên thực hành làm bài tập 'matching, explaining', sử dụng kiến thức đã có để làm rõ hơn các khái niệm, ghi nhớ các kết hợp từ, phân loại được các dạng tài sản và tiêu sản.
<p>Unit 5: Financial statements – Profit and loss account</p>	2	<p>Báo cáo tài chính – Báo cáo lãi/lỗ</p>
<p>5.1. Definition</p> <p>5.2. Components</p> <ul style="list-style-type: none"> - Revenue - Expenses - Other income - Other expenses - Net profit 		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giới thiệu về báo cáo lãi / lỗ, các tên gọi khác nhau bằng tiếng Anh và Mỹ, cách hình thành báo cáo lãi/lỗ (các thành phần quan trọng trong báo cáo) - Sinh viên thực hành làm bài tập 'matching, explaining', sử dụng kiến thức đã có để làm rõ hơn các khái niệm, ghi nhớ các kết hợp từ, phân loại được các doanh thu và chi phí.
<p>Unit 6: Financial Statements - Cash flow statement</p>	4	<p>Báo cáo tài chính – Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p>
<p>6.1. Different names of cash flow statement</p> <p>6.2. Components:</p> <ul style="list-style-type: none"> - operating activities - financing activities - investing activities <p>6.3. Cash account</p>		<p>Giảng viên làm rõ 'statement of cash flow' là gì, bao gồm những yếu tố nào, cách đọc 'cash flow statement'; giới thiệu các tên gọi khác nhau của 'cash flow statement'.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giải thích rõ về 3 hoạt động cơ bản trong báo cáo ngân lưu. - Sinh viên lên bảng làm bài tập 3, giải thích và dẫn chứng lý do điền 1 trong 3 hoạt động cơ bản. - Sinh viên làm bài tập củng cố: sắp xếp các hoạt động vào đúng loại. - Sinh viên đọc bài khóa, đánh dấu True/False 10 câu ở phần bài tập, giải thích và dẫn chứng từ trong bài. - Sinh viên phải tra cứu từ trước và giải thích trên lớp những phát hiện của mình. Giảng viên bổ sung và điều chỉnh.

		- Sinh viên làm bài tập thực hành trên bảng trước, sau đó chứng minh cách làm của mình là đúng, thông qua đó ôn lại kiến thức đã học
Mini-test 3	10p	Kiểm tra nhanh 15' trên Power Point
Unit 7: Depreciation and amortization	3	Khấu hao và phân bổ
7.1. Depreciation - Fixed assets - Valuation of FA - Depreciation systems 7.2. Methods of depreciation - Straight line. - Declining balance, accelerate		- Giảng viên yêu cầu sinh viên ôn lại các loại tài sản, phân loại. - Giảng viên đặt ra các câu hỏi gợi ý dẫn đến việc khấu hao. - Giảng viên giới thiệu: phương pháp đánh giá tài sản các hệ thống khấu hao các phương pháp khấu hao - Sinh viên làm bài tập củng cố. - Giảng viên giới thiệu các phương pháp khấu hao trên bảng, yêu cầu sinh viên trình bày về các phương pháp khấu hao, cho ví dụ minh họa và điều chỉnh nếu cần. - Sinh viên làm bài tập, nối định nghĩa với các phương pháp khấu hao, dịch ra tiếng Việt. - Giảng viên yêu cầu sinh viên lên bảng làm bài tập, sau đó phải giải trình được lựa chọn của mình.
Unit 8: Financial ratios	5	Tỷ suất tài chính
8.1. Objectives 8.2. Types Financial ratios 8.2.1. Liquidity, solvency, efficiency 8.2.2. Earnings & dividend 8.2.3. Profitability 8.2.4. Leverage		- Giảng viên giới thiệu các tỷ suất tài chính, vai trò, mục tiêu của tỷ suất tài chính; các đối tượng sử dụng tỷ suất tài chính. - Sinh viên lên bảng, đọc bài, đọc tỷ suất dưới dạng phân số và giải thích. - Sinh viên lên bảng làm bài tập, sau đó phải giải trình được lựa chọn của mình.
Unit 9: Auditing	3	Kiểm toán
9.1. Types of Auditing 9.1.1. Internal auditing 9.1.2. External auditing 9.2. Auditing procedure		- Giảng viên yêu cầu sinh viên nhớ lại kiến thức cũ, trình bày về vai trò của kiểm toán và phân loại kiểm toán; chức năng của từng loại kiểm toán; quy trình kiểm toán. - Sinh viên lên bảng làm bài tập, sau đó phải giải trình được lựa chọn của mình.
Mini-test 4	20p	Kiểm tra dịch đoạn văn ngắn
Unit 10: Cost accounting	3	Kế toán chi phí
10.1. Direct and indirect costs 10.2. Fixed and variable costs		- Giảng viên yêu cầu sinh viên nhớ lại kiến thức cũ, trình bày về vai trò của kế toán và phân loại kế toán. Chức năng của từng loại kế toán, chú trọng vào kế toán giá thành

10.3. Breakeven analysis		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng viên giới thiệu, làm rõ thế nào là chi phí trực tiếp, chi phí gián tiếp; cách phân loại định phí, biến phí. - Sinh viên lên bảng làm bài tập, sau đó phải giải trình được lựa chọn của mình. - Giảng viên giải thích về phân tích điểm hoà, giới thiệu thêm về các chiến lược giá.
Review	2	<ul style="list-style-type: none"> - Sinh viên ôn lại các kiến thức chung, chuẩn bị cho kỳ thi hết học phần. - Giảng viên giải đáp thắc mắc (nếu có); công bố điểm quá trình & điểm chuyên cần

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] – Ian McKenzie (2009), *Financial English*, NXB Đồng Nai.

[2] – Ian McKenzie (2009), *Professional English in Use- Finance*, NXB Đồng Nai.

6.2. Tài liệu khác:

[1] – Alison Pohl (2009), *Test Your Professional English- Accounting*, NXB Đồng Nai.

[2] – Evan Frendo & Sean Mahoney (2011), *English for Accounting*, Oxford University Press.

[3] – Raymond Murphy, *English Grammar in Use- Third Edition*, Cambridge University Press.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 02 bài

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm bài kiểm tra giữa kỳ: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc HP/MH: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP 2**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tài chính doanh nghiệp 2
- Mã học phần: 832059
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Tài chính doanh nghiệp 1 (832058)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ Môn Tài chính - Ngân hàng**3. Mô tả học phần**

Cung cấp cho sinh viên những lý thuyết về tài chính doanh nghiệp để đưa ra các quyết định hợp lý về thuê tài sản, đầu tư tài sản lưu động, đòn bẩy hoạt động và đòn bẩy tài chính, nguồn vốn và chi phí sử dụng vốn, cơ cấu vốn, chính sách cổ tức; sáp nhập, hợp nhất, mua lại phá sản doanh nghiệp; quản lý rủi ro tài chính, lập kế hoạch tài chính nhằm làm gia tăng giá trị doanh nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sinh viên nắm vững và hiểu được những kiến thức cơ bản về tài chính trong doanh nghiệp.

4.2. Về kĩ năng: Sinh viên vận dụng kiến thức đã được học vào việc giải bài tập và giải quyết các tình huống liên quan đến những vấn đề về tài chính doanh nghiệp.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tích cực và phù hợp đối với các vấn đề về tài chính doanh nghiệp

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH THUÊ TÀI SẢN	5	
1.1. Khái niệm và phân loại thuê tài sản		
1.2. Lợi ích của việc thuê tài sản		

1.3. Thuế và vấn đề thuê tài sản		
1.4. Quyết định thuê hay mua tài sản		
1.4.1. Phân tích chi phí khi đi thuê tài sản		
1.4.2. Phân tích chi phí khi mua tài sản		
1.4.3. Quyết định thuê hay mua tài sản		
Chương 2: PHÂN TÍCH VÀ QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ TÀI SẢN LƯU ĐỘNG	9	
2.1. Khái niệm, đặc điểm và phân loại tài sản lưu động		
2.2. Phân tích và quyết định tồn quỹ tiền mặt		
2.2.1. Những lý do khiến doanh nghiệp giữ tiền mặt		
2.2.2. Quyết định tồn quỹ tiền mặt mục tiêu		
2.2.3. Quản trị thu chi tiền mặt		
2.3. Phân tích và quyết định khoản phải thu		
2.3.1. Phân tích và quyết định chính sách bán chịu		
2.3.2. Phân tích uy tín tài chính của khách hàng mua chịu		
2.4. Phân tích và quyết định hàng tồn kho		
2.4.1. Tác động và phân loại tồn kho		
2.4.2. Mô hình quyết định lượng đặt hàng hiệu quả (EOQ)		
2.4.3. Xác định điểm đặt hàng khi có chiết khấu		
Chương 3: PHÂN TÍCH ẢNH HƯỞNG CỦA CÁC LOẠI ĐÒN BẢY	6	
3.1. Điểm hòa vốn		
3.2. Đòn bẩy hoạt động		
3.2.1. Phân tích ảnh hưởng của đòn bẩy hoạt động đến EBIT		
3.2.2. Quan hệ giữa đòn bẩy hoạt động và rủi ro doanh nghiệp		
3.3. Đòn bẩy tài chính		
3.3.1. Phân tích quan hệ EBIT và EPS		
3.3.2. Đòn bẩy tài chính		
3.3.3. Đòn bẩy tài chính và rủi ro tài chính		
3.4. Đòn bẩy tổng hợp		
Chương 4: QUYẾT ĐỊNH NGUỒN VỐN VÀ CHI PHÍ SỬ DỤNG VỐN	6	
4.1. Quyết định nguồn vốn ngắn hạn		
4.1.1. Nhu cầu tài trợ ngắn hạn		
4.1.2. Nguồn vốn tài trợ ngắn hạn		
4.2. Quyết định nguồn vốn dài hạn		
4.2.1. Nhu cầu tài trợ dài hạn		
4.2.2. Các nguồn vốn tài trợ dài hạn		
4.2.3. Quyết định lựa chọn nguồn vốn dài hạn		
4.3. Xác định chi phí sử dụng vốn		
4.3.1. Chi phí sử dụng vốn cổ phần ưu đãi		
4.3.2. Chi phí sử dụng vốn cổ phần thường		

4.3.3. Chi phí sử dụng nợ		
Chương 5: QUYẾT ĐỊNH CƠ CẤU VỐN CỦA DOANH NGHIỆP	6	
5.1. Lý thuyết cơ cấu vốn tối ưu		
5.1.1. Cơ cấu vốn tối ưu		
5.1.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc lựa chọn cơ cấu vốn		
5.2. Lý thuyết lợi nhuận hoạt động ròng		
5.3. Lý thuyết M&M về cơ cấu vốn doanh nghiệp		
Chương 6: QUYẾT ĐỊNH CHÍNH SÁCH CỔ TỨC		
6.1. Khái niệm, các hình thức và cách thức chi trả cổ tức	4	
6.2. Chính sách cổ tức và giá trị doanh nghiệp		
6.3. Thiết lập chính sách cổ tức		
6.3.1. Chính sách trả cổ tức sau đầu tư		
6.3.2. Chính sách trả cổ tức ổn định		
6.3.3. Chính sách trả cổ tức thỏa hiệp		
6.4. Chi trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia tách cổ phiếu		
6.4.1. Phân biệt trả cổ tức bằng cổ phiếu và chia tách cổ phiếu		
6.4.2. Lý do vì sao công ty trả cổ tức bằng cổ phiếu hoặc chia tách cổ phiếu		
Chương 7: KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	3	
7.1. Những vấn đề cơ bản về lập kế hoạch tài chính		
7.2. Nội dung lập kế hoạch tài chính		
Chương 8: ĐO LƯỜNG VÀ QUẢN LÝ RỦI RO DOANH NGHIỆP	3	
8.1. Khái niệm và đo lường rủi ro tài chính		
8.1.1. Khái niệm rủi ro tài chính		
8.1.2. Đo lường rủi ro tài chính		
8.2. Quản lý rủi ro tài chính		
8.2.1. Quản lý rủi ro tín dụng		
8.2.2. Quản lý rủi ro lãi suất		
8.2.3. Quản lý rủi ro tỷ giá		
Chương 9: VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH TRONG VIỆC SÁP NHẬP, HỢP NHẤT, MUA LẠI VÀ PHÁ SẢN DOANH NGHIỆP	3	
9.1. Sáp nhập, hợp nhất, mua lại		
9.2. Vấn đề tài chính trong việc phá sản doanh nghiệp		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Minh Kiều (2009), Tài chính doanh nghiệp căn bản, NXB Thống kê.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Đình Kiệm (2008), Giáo trình tài chính doanh nghiệp - Học viện Tài chính, NXB tài chính.
3. Luật Doanh nghiệp (2006) (có hiệu lực từ 01/07/2006), NXB tổng hợp Tp.HCM.
4. Luật chứng (2006)(có hiệu lực từ ngày 01/01/2007), NXB Lao động – Xã hội.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60-90 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1
 - Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Võ Thị Thùy Vân

HỌC PHẦN
KẾ TOÁN HÀNH CHÍNH SỰ NGHIỆP**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kế toán hành chính sự nghiệp
- Mã học phần: 832111
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (40; 5; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nguyên lý kế toán (867002) và Tài chính công (832113)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán**3. Mô tả học phần:**

Là môn học trang bị cho sinh viên kiến thức về hoạt động của các đơn vị hành chính sự nghiệp nói chung và nguyên tắc kế toán, hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại các đơn vị hành chính sự nghiệp nói riêng.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức:**

- Xác định được sự khác nhau giữa mô hình kế toán doanh nghiệp và kế toán hành chính sự nghiệp, nắm được các nguyên tắc cơ bản của kế toán hành chính sự nghiệp
- Hiểu được nội dung của các phần hành kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp, phương pháp hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại đơn vị hành chính sự nghiệp và phản ánh vào các sổ kế toán.
- Nắm được các nguyên tắc cơ bản và nhiệm vụ của kế toán trong công tác báo cáo tài chính và quyết toán ngân sách tại đơn vị hành chính sự nghiệp

4.2. Về kỹ năng:

- Hiểu và vận dụng được hạch toán kế toán trong các đơn vị công lập
- Có khả năng thực hiện các công việc của người làm công tác kế toán tại đơn vị hành chính sự nghiệp

4.3. Về thái độ: Nhận thức được tầm quan trọng và vai trò của kế toán hành chính sự nghiệp trong hoạt động của các đơn vị công lập

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tổ chức kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp	3	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
1.1. Đặc điểm hoạt động, nguyên tắc tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp	1	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
1.1.1. Đặc điểm hoạt động của các đơn vị hành chính sự nghiệp		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm
1.1.2. Nhiệm vụ của kế toán		
1.2. Nội dung tổ chức công tác kế toán trong các đơn vị hành chính sự nghiệp	2	
1.2.1. Tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ kế toán		
1.2.2. Tổ chức vận dụng hệ thống tài khoản kế toán		
1.2.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ kế toán		
1.2.4. Tổ chức vận dụng hệ thống báo cáo kế toán		
1.2.5. Tổ chức các phân hành kế toán		
Chương 2. Kế toán vốn bằng tiền	5	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
2.1. Khái niệm, nguyên tắc hạch toán vốn bằng tiền		Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
2.2. Kế toán tiền mặt	2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, Tự luận
2.2.1. Tài khoản sử dụng		
2.2.2. Chứng từ sử dụng		
2.2.3. Phương pháp hạch toán		
2.3. Kế toán tiền gửi ở ngân hàng, kho bạc	2	
2.3.1. Tài khoản sử dụng		
2.3.2. Chứng từ sử dụng		
2.3.3. Phương pháp hạch toán		
2.4. Kế toán tiền đang chuyển	1	
2.4.1. Tài khoản sử dụng		
2.4.2. Chứng từ sử dụng		
2.4.3. Phương pháp hạch toán		
Chương 3. Kế toán nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ và sản phẩm, hàng hóa	5	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
3.1. Khái niệm, nguyên tắc hạch toán		Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
3.2. Kế toán nguyên vật liệu	2	Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, Tự luận

3.2.1. Phương pháp tính giá		
3.2.2. Tài khoản sử dụng		
3.2.3. Chứng từ sử dụng		
3.2.4. Phương pháp hạch toán		
3.3. Kế toán công cụ dụng cụ	1	
3.3.1. Phương pháp tính giá		
3.3.2. Tài khoản sử dụng		
3.3.3. Chứng từ sử dụng		
3.3.4. Phương pháp hạch toán		
3.4. Kế toán sản phẩm, hàng hóa	2	
3.4.1. Phương pháp tính giá		
3.4.2. Tài khoản sử dụng		
3.4.3. Chứng từ sử dụng		
3.4.4. Phương pháp hạch toán		
Chương 4. Kế toán tài sản cố định	10	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
4.1. Đặc điểm, phân loại và đánh giá tài sản cố định	2	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
4.1.1. Đặc điểm tài sản cố định trong đơn vị hành chính sự nghiệp		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, Tự luận
4.1.2. Phân loại tài sản cố định		
4.1.3. Đánh giá tài sản cố định		
4.2. Kế toán tài sản cố định	2	
4.2.1. Tài khoản sử dụng		
4.2.2. Phương pháp hạch toán		
4.3. Kế toán hao mòn tài sản cố định	2	
4.3.1. Phương pháp tính khấu hao tài sản cố định		
4.3.2. Tài khoản sử dụng		
4.3.3. Phương pháp hạch toán		
4.4. Kế toán sửa chữa tài sản cố định	2	
4.4.1. Kế toán sửa chữa thường xuyên tài sản cố định		
4.4.2. Kế toán sửa chữa lớn tài sản cố định		
4.5. Kế toán xây dựng cơ bản dở dang	2	
Chương 5. Kế toán các khoản thanh toán	8	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
5.1. Kế toán các khoản phải thu	1	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
5.1.1. Tài khoản sử dụng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, Tự luận
5.1.2. Chứng từ sử dụng		
5.1.3. Phương pháp hạch toán		
5.2. Kế toán các khoản tạm ứng	1	
5.3. Kế toán các khoản cho vay		

5.4. Kế toán các khoản phải trả	1	
5.4.1. Tài khoản sử dụng		
5.4.2. Chứng từ sử dụng		
5.4.3. Phương pháp hạch toán		
5.5. Kế toán các khoản phải nộp theo lương	1	
5.6. Kế toán các khoản phải nộp nhà nước	1	
5.7. Kế toán các khoản phải trả công chức viên chức	1	
5.8. Kế toán kinh phí đã quyết toán chuyển năm sau	1	
5.9. Kế toán kinh phí cấp cho cấp dưới	1	
5.10. Kế toán khoản thanh toán nội bộ		
Chương 6. Kế toán nguồn kinh phí	8	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
6.1. Nội dung và nguyên tắc hạch toán nguồn kinh phí		Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
6.1.1. Nội dung		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, Tự luận
6.1.2. Nguyên tắc hạch toán		
6.2. Kế toán nguồn kinh phí hoạt động	1	
6.2.1. Tài khoản sử dụng		
6.2.2. Chứng từ sử dụng		
6.2.3. Phương pháp hạch toán		
6.3. Kế toán nguồn kinh phí dự án		
6.4. Kế toán nguồn kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản	1	
6.5. Kế toán nguồn kinh phí theo đơn đặt hàng của nhà nước	1	
6.6. Kế toán nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	1	
6.7. Kế toán nguồn vốn kinh doanh	1	
6.8. Kế toán chênh lệch tỷ giá hối đoái	1	
6.9. Kế toán chênh lệch thu chi chưa xử lý	1	
6.10. Kế toán quỹ cơ quan	1	
Chương 7. Kế toán các khoản thu, chi	4	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
7.1. Kế toán các khoản thu sự nghiệp	1	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
7.1.1. Tài khoản sử dụng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, Tự luận
7.1.2. Phương pháp hạch toán		
7.2. Kế toán các khoản thu hoạt động sản xuất kinh doanh		
7.2.1. Tài khoản sử dụng		
7.2.2. Phương pháp hạch toán		
7.3. Kế toán chi các hoạt động sản xuất kinh doanh	1	

7.3.1. Tài khoản sử dụng		
7.3.2. Phương pháp hạch toán		
7.4. Kế toán các khoản chi theo đơn đặt hàng của nhà nước	1	
7.4.1. Tài khoản sử dụng		
7.4.2. Phương pháp hạch toán		
7.5. Kế toán chi phí trả trước		
7.6. Kế toán các khoản chi hoạt động	1	
7.6.1. Tài khoản sử dụng		
7.6.2. Phương pháp hạch toán		
7.7. Kế toán các khoản chi dự án		
7.7.1. Tài khoản sử dụng		
7.7.2. Phương pháp hạch toán		
Chương 8. Báo cáo tài chính	2	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
8.1. Quyết toán kinh phí	1	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
8.2. Những vấn đề chung về hệ thống báo cáo tài chính áp dụng trong đơn vị hành chính sự nghiệp	1	Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Trắc nghiệm, Tự luận
8.2.1. Mục đích của việc lập báo cáo tài chính		
8.2.2. Hệ thống báo cáo tài chính		
8.2.3. Trách nhiệm, thời hạn lập và nộp báo cáo tài chính		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

- [1] – Bộ môn Kế toán công, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TpHCM (2012), *Giáo trình Kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Phương Đông, TPHCM
- [2] – Võ Văn Nhị (2010), *Kế toán hành chính sự nghiệp*, NXB Tài chính, TPHCM.

6.2. Tài liệu khác

- [1] – Phan Thị Thúy Ngọc (2012), *Kế toán đơn vị hành chính sự nghiệp*, NXB Lao động, TPHCM.
- [2] – Bộ Tài chính, *Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp*, 2006.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì):

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Ng Chương Thanh Hương

HỌC PHẦN
KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kế toán ngân hàng thương mại
- Mã học phần: 832112
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (35; 10; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nguyên lý kế toán (867002) và Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (832061)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng cơ bản của các phần hành kế toán trong ngân hàng thương mại. Sau khi học xong môn học sinh viên có thể làm được những công việc của các phần hành kế toán: kế toán huy động vốn; kế toán nghiệp vụ tín dụng; kế toán thanh toán qua ngân hàng; kế toán thanh toán quốc tế và kinh doanh ngoại tệ; kế toán TSCĐ và công cụ dụng cụ; kế toán xác định kết quả kinh doanh của ngân hàng.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Trình bày được đặc điểm của các hình thức: huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán qua ngân hàng
- So sánh, nêu được những ưu, nhược điểm của các hình thức huy động vốn, từ đó lựa chọn hình thức huy động vốn tốt nhất.
- Trình bày được các chứng từ kế toán, tài khoản sử dụng và các nguyên tắc kế toán của các phần hành kế toán: huy động vốn, nghiệp vụ tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, TSCĐ và công cụ dụng cụ.

4.2. Về kỹ năng

- Tính đúng lãi phải thu và lãi phải trả
- Xác định đúng nguyên giá và giá trị hao mòn của TSCĐ; trị giá công cụ dụng cụ mua sử dụng cho hoạt động của ngân hàng và phân bổ vào chi phí đúng qui định

- Định khoản được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến hoạt động huy động vốn, tín dụng, thanh toán qua ngân hàng, thanh toán quốc tế, kinh doanh ngoại tệ, TSCĐ và công cụ dụng cụ
- Đánh giá được ngoại tệ tồn kho cuối tháng
- Xác định được kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng.

4.3. Về thái độ

Có ý thức chấp hành đúng các qui định của Nhà nước khi thực hiện công tác kế toán ngân hàng thương mại.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG CỦA KẾ TOÁN NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI 1.1. Khái niệm kế toán ngân hàng 1.2. Đối tượng của kế toán ngân hàng 1.2.1. Nguồn vốn 1.2.2. Sử dụng vốn 1.3. Đặc điểm, mục tiêu và vị trí của kế toán ngân hàng 1.3.1. Đặc điểm của kế toán ngân hàng 1.3.2. Mục tiêu của kế toán ngân hàng 1.3.3. Vị trí của kế toán ngân hàng 1.4. Chứng từ kế toán ngân hàng 1.4.1. Khái niệm 1.4.2. Phân loại chứng từ 1.5. Hệ thống tài khoản kế toán các tổ chức tín dụng Việt Nam	3	Phương pháp dạy - học: Đàm thoại Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
Chương 2: KẾ TOÁN HUY ĐỘNG VỐN 2.1. Ý nghĩa công tác huy động vốn 2.2. Các hình thức huy động vốn 2.3. Kế toán tiền gửi không kỳ hạn và tiền gửi có kỳ hạn 2.3.1. Kế toán tiền gửi không kỳ hạn	12	Phương pháp dạy - học: Đàm thoại và diễn giảng Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
2.3.2. Kế toán tiền gửi có kỳ hạn 2.4. Kế toán tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 2.4.1. Kế toán tiền gửi tiết kiệm không kỳ hạn 2.4.2. Kế toán tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn 2.5. Kế toán phát hành giấy tờ có giá 2.5.1. Kế toán phát hành giấy tờ có giá theo mệnh giá 2.5.2. Kế toán phát hành giấy tờ có giá có chiết khấu 2.5.3. Kế toán phát hành giấy tờ có giá có phụ trội 2.6. Kế toán các hình thức huy động vốn khác		
Chương 3: KẾ TOÁN NGHIỆP VỤ TÍN DỤNG	12	Phương pháp dạy - học:

<p>3.1. Ý nghĩa, nhiệm vụ của kế toán tín dụng</p> <p>3.1.1. Ý nghĩa</p> <p>3.1.2. Nhiệm vụ của kế toán tín dụng</p> <p>3.2. Các phương thức tín dụng</p> <p>3.3. Phân loại các nhóm nợ</p> <p>3.4. Kế toán cho vay thông thường</p> <p>3.4.1. Chứng từ sử dụng</p> <p>3.4.2. Tài khoản sử dụng</p> <p>3.4.3. Phương pháp kế toán</p> <p>3.5. Kế toán chiết khấu chứng từ có giá</p> <p>3.5.1. Chứng từ sử dụng</p> <p>3.5.2. Tài khoản sử dụng</p> <p>3.5.3. Phương pháp kế toán</p> <p>3.6. Kế toán cho vay trả góp</p> <p>3.6.1. Chứng từ sử dụng</p> <p>3.6.2. Tài khoản sử dụng</p> <p>3.6.3. Phương pháp kế toán</p> <p>3.7. Kế toán cho thuê tài chính</p> <p>3.7.1. Chứng từ sử dụng</p> <p>3.7.2. Tài khoản sử dụng</p> <p>3.7.3. Phương pháp kế toán</p> <p>3.8. Kế toán cho vay đồng tài trợ</p> <p>3.8.1. Chứng từ sử dụng</p> <p>3.8.2. Tài khoản sử dụng</p> <p>3.8.3. Phương pháp kế toán</p> <p>3.9. Kế toán các nghiệp vụ tín dụng khác</p>		<p>Đàm thoại và diễn giảng</p> <p>Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận</p>
<p>Chương 4: KẾ TOÁN THANH TOÁN QUA NGÂN HÀNG</p> <p>4.1. Những vấn đề chung về thanh toán qua ngân hàng</p> <p>4.2. Kế toán thanh toán bằng ủy nhiệm chi</p> <p>4.2.1. Quy trình thanh toán bằng ủy nhiệm chi</p> <p>4.2.2. Chứng từ sử dụng</p>	4	<p>Phương pháp dạy - học: Đàm thoại và diễn giảng</p> <p>Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận</p>
<p>4.2.3. Tài khoản sử dụng</p> <p>4.2.4. Phương pháp kế toán</p> <p>4.3. Kế toán thanh toán bằng ủy nhiệm thu</p> <p>4.3.1. Quy trình thanh toán bằng ủy nhiệm thu</p> <p>4.3.2. Chứng từ sử dụng</p> <p>4.3.3. Tài khoản sử dụng</p> <p>4.3.4. Phương pháp kế toán</p> <p>4.4. Kế toán thanh toán bằng séc</p> <p>4.4.1. Quy trình thanh toán bằng séc</p> <p>4.4.2. Chứng từ sử dụng</p> <p>4.4.3. Tài khoản sử dụng</p> <p>4.4.4. Phương pháp kế toán</p>		
<p>CHƯƠNG 5: KẾ TOÁN THANH TOÁN QUỐC TẾ VÀ KINH DOANH NGOẠI TỆ</p> <p>5.1. Kế toán thanh toán quốc tế</p>	8	<p>Phương pháp dạy - học: Diễn giảng và đàm thoại</p>

<p>5.1.1. Các hình thức thanh toán quốc tế 5.1.2. Chứng từ sử dụng 5.1.3. Tài khoản sử dụng 5.1.4. Phương pháp kế toán 5.2. Kế toán kinh doanh ngoại tệ 5.2.1. Kế toán mua, bán ngoại tệ 5.2.2. Kế toán đánh giá lại ngoại tệ tồn kho cuối kỳ</p>		<p>Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận</p>
<p>CHƯƠNG 6: KẾ TOÁN TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ CÔNG CỤ DỤNG CỤ 6.1. Kế toán tài sản cố định 6.1.1. Chứng từ sử dụng 6.1.2. Tài khoản sử dụng 6.1.3. Phương pháp kế toán 6.2. Kế toán công cụ dụng cụ 6.2.1. Chứng từ sử dụng 6.2.2. Tài khoản sử dụng 6.2.3. Phương pháp kế toán 6.3. Kế toán xây dựng cơ bản 6.3.1. Chứng từ sử dụng 6.3.2. Tài khoản sử dụng 6.3.3. Phương pháp kế toán</p>	3	<p>Phương pháp dạy - học: Đàm thoại</p> <p>Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận</p>
<p>CHƯƠNG 7: KẾ TOÁN THU NHẬP, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH 7.1. Kế toán thu nhập 7.1.1. Chứng từ sử dụng 7.1.2. Tài khoản sử dụng 7.1.3. Phương pháp kế toán 7.2. Kế toán chi phí 7.2.1. Chứng từ sử dụng 7.2.2. Tài khoản sử dụng 7.2.3. Phương pháp kế toán 7.3. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 7.3.1. Chứng từ sử dụng</p>	3	<p>Phương pháp dạy - học: Diễn giảng và đàm thoại</p> <p>Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận</p>
<p>7.3.2. Tài khoản sử dụng 7.3.3. Phương pháp kế toán</p>		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Trương Thị Hồng (2015), *Lý thuyết – Bài tập và Câu hỏi trắc nghiệm Kế toán ngân hàng*, NXB Kinh tế Tp. HCM, TP. HCM.

6.2. Tài liệu khác:

2. Nguyễn Thị Loan, Lâm Thị Hồng Hoa và các cộng sự (2010), *Kế toán ngân hàng*, NXB Thống kê, Tp. HCM.
3. Trương Thị Hồng và Nguyễn Ngọc Hân (2009), *Bài tập tình huống về Kế toán ngân hàng*, NXB Lao động, Tp. HCM.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh chỉ được sử dụng Bảng hệ thống tài khoản các TCTD), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Hà Hoàng Như

HỌC PHẦN
NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại
- Mã học phần: 832061
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính - Ngân hàng**3. Mô tả học phần**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan ngân hàng thương mại và những nghiệp vụ cơ bản của hệ thống NHTM hiện nay. Sau học xong sinh viên sẽ có kiến thức tổng quát về những nghiệp vụ của NHTM như huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ ngân hàng.

Môn học này giới thiệu trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về tổng quan ngân hàng thương mại và những nghiệp vụ cơ bản của hệ thống NHTM hiện nay như huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ ngân hàng. Tính toán được lãi huy động vốn, lãi cấp tín dụng, giá trị chiết khấu, lãi chiết khấu, bao thanh toán, lập bảng kế hoạch trả nợ và phân tích khả năng trả nợ của khách hàng vay.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổng quan ngân hàng thương mại và những nghiệp vụ cơ bản của hệ thống NHTM hiện nay như huy động vốn, cấp tín dụng, dịch vụ ngân hàng.

4.2. Về kỹ năng: Tính toán được lãi huy động vốn, lãi cấp tín dụng, giá trị chiết khấu, lãi chiết khấu, bao thanh toán, lập bảng kế hoạch trả nợ và phân tích khả năng trả nợ của khách hàng vay,....

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tuân thủ pháp luật NHNN và Luật các TCTD, Luật các công cụ chuyển nhượng.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>Chương 1. TỔNG QUAN VỀ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI</p> <p>1.1.Các vấn đề cơ bản về ngân hàng thương mại</p> <p>1.1.1.Định nghĩa</p> <p>1.1.2.Phân biệt Ngân hàng Thương mại và tổ chức tín dụng phi Ngân hàng</p> <p>1.2.Phân loại ngân hàng thương mại</p> <p>1.2.1.Theo hình thức sở hữu</p> <p>1.2.2.Theo chiến lược kinh doanh</p> <p>1.2.3.Theo quan hệ tổ chức</p> <p>1.3.Các chức năng của Ngân hàng Thương mại</p> <p>1.3.1.Chức năng trung gian tài chính và thanh toán</p> <p>1.3.2.Chức năng tạo ra tiền bút tệ theo cấp số nhân</p> <p>1.4.Cơ cấu tổ chức của một Ngân hàng Thương mại</p> <p>1.4.1. Hội đồng quản trị</p> <p>1.4.2. Ban điều hành</p> <p>1.4.3. Hội sở, chi nhánh, và các phòng ban chức năng</p> <p>1.4.4. Hệ thống Ngân hàng thương mại Việt Nam</p> <p>1.5.Các hoạt động chủ yếu của Ngân hàng thương mại</p> <p>1.5.1.Hoạt động huy động vốn</p> <p>1.5.2.Hoạt động dịch vụ ngân hàng</p> <p>1.5.3. Hoạt động cấp tín dụng</p> <p>1.5.4.Các hoạt động khác: góp vốn, đầu tư, kinh doanh vàng, bất động sản....</p>	4	Giảng viên trình bày, diễn giải và đặt câu hỏi cho sinh viên thảo luận trong lớp.
<p>Chương 2. NGHIỆP VỤ HUY ĐỘNG VỐN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI.</p> <p>2.1.Tầm quan trọng của nghiệp vụ huy động vốn</p> <p>2.1.1.Đối với Ngân hàng</p> <p>2.1.2.Đối với khách hàng</p> <p>2.2.Các hình thức huy động vốn của Ngân hàng thương mại</p> <p>2.3.Nguyên tắc quản lý tiền gửi</p> <p>2.4.Các biện pháp huy động vốn</p>	6	
<p>Chương 3. Nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng thương mại.</p> <p>3.1. Khái niệm về cấp tín dụng NHTM</p> <p>3.2. Phân loại tín dụng Ngân hàng thương mại</p> <p>3.3. Các nguyên tắc tín dụng</p> <p>3.4. Lãi suất tín dụng</p> <p>3.5. Bảo đảm tín dụng</p> <p>3.6. Rủi ro tín dụng</p> <p>3.6.1. Khái niệm</p>	8	

3.6.2. Nguyên nhân phát sinh rủi ro 3.6.3. Biện pháp hạn chế rủi ro		
Chương 4. CÁC NGHIỆP VỤ CẤP TÍN DỤNG DÀNH CHO DOANH NGHIỆP.	8	
4.1. Cho vay ngắn hạn 4.1.1. Cho vay theo món (cho vay thông thường) 4.1.2. Cho vay luân chuyển (tín dụng hạn mức) 4.2. Cho vay trung và dài hạn (tài trợ dự án) 4.3. Tài trợ xuất nhập khẩu 4.3.1. Khái niệm 4.3.2. Các hình thức tài trợ xuất nhập khẩu 4.3.3. Quy trình áp dụng 4.3.4. Trường hợp áp dụng 5.4. Chiết khấu thương phiếu và chứng từ có giá		
Chương 5. CÁC NGHIỆP VỤ CẤP TÍN DỤNG DÀNH CHO KHÁCH HÀNG CÁ NHÂN.	6	
5.1. Cho vay tiêu dùng 5.1.1. Khái niệm cho vay tiêu dùng 5.1.2. Các loại cho vay tiêu dùng 5.1.3. Quy trình áp dụng 5.1.4. Trường hợp áp dụng 5.2. Cho vay sản xuất kinh doanh 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Các đặc điểm và hình thức cho vay 5.2.3. Quy trình áp dụng 5.2.4. Trường hợp áp dụng		
Chương 6. NGHIỆP VỤ BẢO LÃNH VÀ BAO THANH TOÁN	9	
6.1. Nghiệp vụ bảo lãnh 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Các loại nghiệp vụ bảo lãnh 6.1.3. Quy trình áp dụng 6.1.4. Trường hợp áp dụng 6.2. Nghiệp vụ bao thanh toán 6.2.1. Khái niệm 6.2.2. Các loại bao thanh toán 6.2.3. Quy trình áp dụng 6.2.4. Trường hợp áp dụng		
Chương 7. HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI	4	
7.1. Dịch vụ ngân quỹ 7.2. Dịch vụ thanh toán và chuyển tiền trong nước và quốc tế. 7.3. Dịch vụ chuyển tiền 7.4. Dịch vụ khấu trừ tự động 7.5. Dịch vụ ủy thác 7.6. Dịch vụ tư vấn 7.7. Dịch vụ giữ hộ, cho thuê két sắt, két ngân buổi tối 7.8. Dịch vụ ngân hàng điện tử “e-banking”.		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

1. Trâm Thị Xuân Hương (2012), Giáo trình Nghiệp vụ ngân hàng thương mại, Trường Đại học Kinh tế TP. HCM, Nhà xuất bản Kinh tế TP. HCM.

6.2. Tài liệu khác:

2. Nguyễn Minh Kiều (2007), *Nghiệp vụ ngân hàng hiện đại* – Nhà xuất bản thống kê.
3. Hồ Diệu (2001), *Tín dụng ngân hàng* – Nhà xuất bản thống kê.
4. Bài giảng của Giảng viên.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): Kiểm tra 01 lần giữa kỳ.

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT **TRƯỞNG NGÀNH** **TRƯỞNG BỘ MÔN** **NGƯỜI BIÊN SOẠN**

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

TS. Trương Văn Khánh

HỌC PHẦN
TÀI CHÍNH CÔNG

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Tài chính công
- Mã học phần: 832113
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần:

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tài chính công, các chương trình về đầu tư của khu vực công. Từ đó sinh viên hiểu được bản chất của ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách và cân đối thu, chi ngân sách nhà nước.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức:

Hiểu được nội dung của ngân sách nhà nước, phân cấp ngân sách, chu trình ngân sách: lập, chấp hành và quyết toán ngân sách

Hiểu được bản chất và quy trình đầu tư công, tác động của đầu tư công đến kinh tế xã hội

Nắm được bản chất và tác động của nợ công, quản lý nợ công của chính phủ và các giải pháp phù hợp cho nợ công

Hiểu được đặc điểm của tín dụng nhà nước, tác dụng của chính phủ nhà nước trong đầu tư công và các giải pháp phát huy vai trò của nợ công

4.2. Về kỹ năng:

Hiểu và vận dụng được lập dự toán thu chi ngân sách nhà nước theo nội dung mục lục ngân sách nhà nước

Hiểu được phân cấp ngân sách, vận dụng trong việc phân định nguồn thu và nhiệm vụ chi giữa ngân sách các cấp

Phân loại được nội dung của nhiệm vụ chi kinh tế xã hội, các chỉ tiêu công đầu tư xây dựng cơ bản.

4.3. Về thái độ: Tích cực tìm hiểu tài liệu, làm bài tập, chuẩn bị bài trước khi đến lớp, nghiên cứu các văn bản của nhà nước liên quan đến quản lý tài chính công.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần:

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Tổng quan Tài chính công	7	Diễn giảng, ôn tập vai trò Chính phủ trong nền kinh tế (Kinh tế học vĩ mô); hàng hóa công; Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu: vai trò của Bộ Tài chính trong hệ thống NSNN Việt Nam
1.1. Tài chính công và các bộ phận hợp thành tài chính công		
1.1.1. Hiệu quả thị trường và thất bại thị trường		
1.1.2. Vai trò khu vực Công trong nền kinh tế - xã hội		
1.2. Ngân sách Nhà nước		
1.2.1. Khái niệm		
1.2.2. Bản chất		
1.2.3. Đặc điểm		
1.2.4. Vai trò		
1.3. Nguyên tắc xây dựng NSNN		
1.4. Hệ thống NSNN		
1.5. Tổ chức hệ thống NSNN Việt Nam		
1.6. Chu trình NSNN		
Chương 2: Phân cấp Ngân sách nhà nước	8	Diễn giảng, đưa tình huống Sinh viên tự nghiên cứu <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Đọc trước tài liệu chỉ định; <input type="checkbox"/> <input type="checkbox"/> Tài trợ ngân sách từ ngân sách cấp trên
2.1. Hình thức phân cấp ngân sách		
2.2. Nguyên tắc và nội dung phân cấp ngân sách		
2.3. Phân định thu chi NSNN		
2.4. Phân cấp NS một số nước trên thế giới và so sánh với phân cấp NS ở Việt Nam		
2.5. Mục lục ngân sách		
Chương 3: Hệ thống thu, chi Ngân sách nhà nước	8	Diễn giảng và giải thích cho sinh viên hiểu: hệ thống các khoản thu, chi của NSNN
3.1. Hệ thống thu Ngân sách nhà nước		
3.1.1. Khái niệm và vai trò của thu NSNN		
3.1.2. Hệ thống thuế		
3.1.3. Hệ thống thu ngoài thuế		
3.2. Hệ thống chi Ngân sách nhà nước		
3.2.1. Nội dung và vai trò của chi NSNN		
3.2.2. Tổ chức chi NSNN		
3.2.3. Chi đầu tư phát triển		
3.2.4. Chi thường xuyên		
Chương 4: Chương trình đầu tư công	8	Diễn giảng và hướng Sinh viên tự nghiên cứu: Đọc trước tài liệu chỉ định; Phân bổ chi phí đầu tư – Căn cứ, định mức chi đầu tư; Chương trình mục tiêu quốc gia – Chi tiết chi từ NSNN (website Bộ Tài Chính)
4.1. Khái niệm và phân cấp đầu tư công		
4.2. Vai trò của đầu tư công trong nền kinh tế xã hội		
4.3. Lĩnh vực đầu tư trong đầu tư công		
4.4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ chi đầu tư phát triển từ NSNN		

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 5: Cân đối NSNN và nợ công của Chính phủ	7	Diễn giảng và hướng Sinh viên tự nghiên cứu: Đọc trước tài liệu luật nợ công chính phủ
5.1. Cân đối NSNN		
5.2. Bộ chi NSNN		
5.3. Vay nợ của Chính phủ		
Chương 6: Tín dụng Nhà nước	7	Diễn giảng và hướng dẫn Sinh viên tự nghiên cứu: đọc trước tài liệu chỉ định; các gói sản phẩm 3 định chế tài chính cho vay của Nhà nước cung cấp;
6.1. Đặc điểm và nội dung tín dụng nhà nước		
6.1.1. Đặc điểm của tín dụng NN		
6.1.2. Vai trò của TDNN		
6.1.3. Một số hình thức tín dụng trong nước thông qua phát hành các giấy tờ có giá		
6.1.4. Vay nợ nước ngoài		
6.2. Các định chế tài chính cho vay của nhà nước		

6. Tài liệu học tập:

6.1. Tài liệu chính:

1. Dương Thị Bình Minh (2015), *Tài chính công*, NXB Tài chính.

6.2. Tài liệu khác:

2. Nguyễn Ngọc Hùng (2015), *Quản lý NSNN*, Nhà xuất bản Thống Kê.
3. *Luật NSNN năm 2015*.
4. Sử Đình Thành (2015), *Lý thuyết tài chính công*, NXB ĐH quốc gia Tp.Hồ Chí Minh.
5. Nguyễn Thuần (2014), *Kinh tế công cộng*, NXB Thống kê.
6. Lê Chi Mai (2006), *Phân cấp ngân sách cho chính quyền địa phương, thực trạng và giải pháp*, NXB Chính trị quốc gia.
7. Dương Thị Bình Minh(2005), *Quản lý chi tiêu công ở Việt Nam, thực trạng và giải pháp*, NXB Tài chính.
8. *Phân cấp ở Đông Á*, Ngân hàng Thế giới.
9. *Báo cáo Phát triển Việt Nam 2012, 2013, 2014, 2015* Ngân hàng Thế giới.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần kiểm tra giữa kì
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS. TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Nguyễn Ngọc Đức

**HỌC PHẦN
TIỀN LƯƠNG TIỀN CÔNG****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Tiền lương tiền công
- Mã học phần: 832114
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45, 0, 0, 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Quản trị & Kinh doanh quốc tế**3. Mô tả học phần**

Tiền lương tiền công là một nội dung quan trọng trong lĩnh vực quản trị nguồn nhân lực. Kiến thức về tiền lương, tiền công giúp nhà quản trị hiểu biết rõ pháp luật về tiền lương tiền công, từ đó xây dựng được hệ thống thang bảng lương cho doanh nghiệp cũng như cách trả lương, thưởng cho người lao động, nhằm khuyến khích tạo động lực làm việc và mang đến hiệu quả tối ưu sử dụng lao động của doanh nghiệp.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

- Hiểu biết sâu sắc và khoa học những kiến thức cơ bản về tiền lương, tiền công nhằm giúp chuyên viên tiền lương tiền công thiết lập hệ thống thang bảng lương cho doanh nghiệp.

- Phân biệt được các loại phụ cấp và biết cách tính trả cho từng loại phụ cấp.

- Phân biệt được các hình thức trả lương cho người lao động cũng như biết cách tính lương, trả lương cho từng đối tượng.

- Am hiểu các hình thức khuyến khích vật chất cho nhân viên và biết cách vận dụng vào từng trường hợp cụ thể.

4.2. Về kỹ năng

- Người học có khả năng phát hiện, đánh giá khả năng quản trị tiền lương của các doanh nghiệp trong hoạt động, tìm kiếm các phương án trả lương phù hợp thông qua việc thảo luận và thuyết trình, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo.

Hoàn thiện các kỹ năng mềm trong quản trị nhân sự thông qua hoạt động nhóm, bài tập tình huống.

4.3. Về thái độ

Người học có nhận thức rõ hơn trong tiếp cận vào hệ thống quản trị của một tổ chức, ý thức được trách nhiệm, vai trò về quản lý tiền lương, tiền công trong doanh nghiệp.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: Khái quát về tiền lương, tiền công	6	Thuyết giảng, thảo luận
1.1. Khái niệm và yêu cầu tiền lương, tiền công		
1.1.1. Khái niệm và bản chất tiền lương, tiền công		
1.1.2. Phân biệt tiền lương và tiền công		
1.1.3. Yêu cầu của tiền lương, tiền công		
1.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến thù lao của người lao động		
1.2. Các chức năng của tiền lương		
1.3. Tiền lương tối thiểu		
1.3.1. Khái niệm, bản chất và phân loại tiền lương tối thiểu		
1.3.2. Điều chỉnh mức lương tối thiểu		
1.4. Mục tiêu và các nguyên tắc xây dựng hệ thống tiền lương		
1.4.1. Các mục tiêu của hệ thống tiền lương		
1.4.2. Các nguyên tắc xây dựng hệ thống tiền lương		
1.5. Cơ chế, chính sách tiền lương của doanh nghiệp		
Chương 2: Xây dựng hệ thống tiền lương cho doanh nghiệp	6	
2.1. Các chế độ tiền lương		
2.1.1. Chế độ trả lương tối thiểu		
2.1.2. Chế độ tiền lương cấp bậc		
2.1.3. Chế độ tiền lương chức vụ		
2.2. Trình tự xây dựng hệ thống thang bảng lương		
2.3. Xác định hệ số tiền lương		
2.4. Xác định ngạch lương và các mức lương		
Chương 3: Phụ cấp lương	6	Thuyết trình, thảo luận, bài tập vận dụng
3.1. Bản chất và vai trò của phụ cấp lương		
3.2. Phân biệt lương cơ bản và phụ cấp lương		
3.3. Các chế độ phụ cấp lương		
3.4. Xây dựng chế độ phụ cấp lương		
Chương 4: Các hình thức trả lương	12	Thuyết trình, thảo luận, bài tập vận dụng
4.1. Trả lương theo sản phẩm		
4.1.1. Khái niệm, đối tượng và điều kiện áp dụng		

4.1.2. Các hình thức trả lương theo sản phẩm		
4.2. Trả lương theo thời gian		
4.2.1. Khái niệm, đối tượng và điều kiện áp dụng		
4.2.2. Các hình thức trả lương theo thời gian		
4.3. Trả lương theo kết quả công việc		
4.4. Trả lương theo năng lực		
4.5. Hệ thống 3P		
4.6. Quy định của Bộ luật Lao động khi áp dụng các hình thức trả lương (Ngày nghỉ, ngừng việc, thêm giờ)		
Chương 5: Các hình thức khuyến khích vật chất cho nhân viên	9	Thuyết trình, thảo luận, bài tập vận dụng
5.1. Mục tiêu của khuyến khích		
5.2. Các hình thức khuyến khích		
5.2.1. Khuyến khích cá nhân		
5.2.2. Khuyến khích nhóm tập thể		
5.3. Các hình thức tiền thưởng		
5.4. Các nội dung của một chế độ tiền thưởng		
5.5. Các hình thức phúc lợi		
Chương 6: Quy chế trả lương của doanh nghiệp	3	Thuyết trình, thảo luận
6.1. Khái niệm và nội dung của quy chế trả lương		
6.2. Xây dựng quy chế trả lương		
6.2.1. Căn cứ và nguyên tắc xây dựng quy chế trả lương		
6.2.2. Quy trình xây dựng quy chế trả lương		
6.2.3. Nội dung của quy chế trả lương		
6.3. Nguồn hình thành và phân bổ quỹ lương		
Chương 7: Quản lý tiền lương	3	Thuyết trình, thảo luận
7.1. Quản lý Nhà Nước về tiền lương		
7.2. Quản lý tiền lương tại doanh nghiệp		
7.3. Đổi mới quản lý tiền lương trong môi trường hội nhập quốc tế		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1] – Nguyễn Thị Thanh Bình (2016), *Tài liệu giảng dạy học phần Tiền lương tiền công*, Khoa Quản trị kinh doanh, ĐH Sài Gòn.

6.2. Tài liệu khác

[1] – Nguyễn Tiệp, Lê Thanh Hà (2010), *Giáo trình tiền lương, tiền công*, NXB Lao Động - Xã hội.

[2] – Trần Kim Dung (2012), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB Thống kê.

[3] – Nguyễn Văn Điềm và PGS.TS Nguyễn Ngọc Quân (2004), *Giáo trình quản trị nhân lực*, NXB Lao động - Xã hội.

[4] – Nguyễn Hữu Thân (2000), *Quản trị Nhân sự*, NXB Thống kê.

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
- 7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01 bài
- 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
- 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm quá trình: hệ số 0.3;
 - Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

ThS. Lê Mai Hải

TS. Nguyễn Thị Thanh Bình

HỌC PHẦN
HỆ THỐNG PHÁP LUẬT KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hệ thống pháp luật kế toán – kiểm toán
- Mã học phần: 832304
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nguyên lý kế toán (867002)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn kế toán

3. Mô tả học phần

Môn học Hệ thống pháp luật kế toán – kiểm toán cung cấp những nội dung cơ bản của hệ thống pháp luật của Việt Nam như Luật kế toán, luật kiểm toán, chuẩn mực kế toán, chuẩn mực kiểm toán...

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Người học nắm được những nội dung cốt lõi của hệ thống pháp luật về kế toán và kiểm toán của Việt Nam.

4.2. Về kỹ năng: Người học có thể vận dụng những qui định hiện hành của luật kế toán, kiểm toán vào trong thực tế công tác kế toán, kiểm toán.

4.3. Về thái độ: Tạo thói quen đọc, nghiên cứu và tuân thủ các qui định của luật kế toán, kiểm toán.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tổng quan hệ thống pháp luật kế toán – kiểm toán	3	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
1.1 Khái niệm		
1.2 Hệ thống pháp luật kế toán Việt Nam		
1.2.1 Đặc điểm ra đời		
1.2.2 Qui trình xây dựng và ban hành		

1.2.3 Các tổ chức tham gia soạn thảo và ban hành		
1.3 Hệ thống pháp luật kiểm toán Việt Nam		
1.3.1 Đặc điểm ra đời		
1.3.2 Quy trình xây dựng và ban hành		
1.3.3 Các tổ chức tham gia soạn thảo và ban hành		
Chương 2: Những nội dung cơ bản của Luật Kế toán	18	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
2.1. Những qui định chung		
2.2. Nội dung công tác kế toán		
2.2.1. Chứng từ kế toán		
2.2.2. Tài khoản kế toán và sổ sách kế toán		
2.2.3. Báo cáo tài chính		
2.2.4. Kiểm tra kê toán		
2.2.5. Kiểm kê tài sản, bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán		
2.3. Tổ chức bộ máy kế toán và người làm kế toán		
2.3.1. Tổ chức bộ máy kế toán		
2.3.2. Kế toán trưởng		
2.4. Hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán		
2.4.1. Chứng chỉ kế toán viên		
2.4.2. Đăng ký hành nghề dịch vụ kế toán		
2.4.3. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán		
2.5. Quản lý Nhà nước về kế toán		
Chương 3: Các nội dung cơ bản của luật kiểm toán độc lập	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra
3.1. Những qui định chung		
3.2. Kiểm toán viên và kiểm toán viên hành nghề		
3.2.1. Tiêu chuẩn kiểm toán viên		
3.2.2. Đăng ký hành nghề kiểm toán		
3.3. Doanh nghiệp kiểm toán		
3.3.1. Doanh nghiệp kiểm toán		
3.3.2. Điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán		
3.4. Đơn vị được kiểm toán		
3.4.1. Đơn vị được kiểm toán		
3.4.2. Quyền và nghĩa vụ của đơn vị được kiểm toán		
3.5. Hoạt động kiểm toán độc lập		
3.5.1. Hoạt động của doanh nghiệp kiểm toán		
3.5.2. Báo cáo kiểm toán		
3.5.3. Hồ sơ kiểm toán		
3.5.4. Kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] Quốc Hội (2015), *Luật kế toán*, NXB Chính trị quốc gia

[2] Quốc Hội (2011), *Luật kiểm toán độc lập*, NXB Chính trị quốc gia

6.2. Tài liệu khác:

[3] Bộ Tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính

[4] Bộ Tài chính (2010), *Hệ thống chuẩn mực kế toán*, NXB Tài chính

[5] Bộ Tài chính (2014), *Hệ thống chuẩn mực kiểm toán*, NXB Tài chính

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: một lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: 50% tự luận, 50% trắc nghiệm; đề đóng; thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Nguyễn Anh Hiền

HỌC PHẦN
NGHIÊN CỨU ĐỊNH LƯỢNG TRONG KẾ TOÁN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Nghiên cứu định lượng trong kế toán
- Mã học phần: 832305
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (30; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nghiên cứu trong lĩnh vực kế toán và tài chính giúp người học có thể sử dụng các kỹ thuật phân tích định lượng trong các nghiên cứu thực tiễn (Empirical).

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

Sau khi học xong, người học có thể hiểu được những vấn đề cơ bản của nghiên cứu thực tiễn trong lĩnh vực kế toán, tài chính, bao gồm nội dung sau:

- Lý thuyết kế toán và nghiên cứu trong kế toán;
- Quy trình nghiên cứu định lượng trong kế toán, tài chính;
- Kế hoạch nghiên cứu và đề cương nghiên cứu;
- Đọc, hiểu, phê phán hay phản biện và hệ thống hóa vấn đề nghiên cứu;
- Thu thập dữ liệu, phân loại dữ liệu, phân tích dữ liệu và giải thích dữ liệu;
- Viết báo cáo kết quả nghiên cứu.

4.2. Về kỹ năng

- Chọn được đề tài nghiên cứu tốt;
- Viết được một đề xuất nghiên cứu;
- Vận dụng những kiến thức đã học để thực hiện một đề tài nghiên cứu.

4.3. Về thái độ

- Có tư duy phản biện, phát hiện vấn đề và tìm cách giải quyết vấn đề;

- Đam mê nghiên cứu khoa học;
- Trung thực trong nghiên cứu khoa học.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá	
Chương 1: Lý thuyết kế toán và nghiên cứu kê toán	3t	Diễn giảng Thảo luận	
1.1. Lý thuyết kế toán			
1.1.1. Khái niệm			
1.1.2. Các cấp độ lý thuyết kế toán			
1.2. Nghiên cứu kê toán			
1.2.1. Khái niệm			
1.2.2. Các lĩnh vực nghiên cứu kê toán			
1.3. Phương pháp nghiên cứu kê toán			
1.4. Các hình thức nghiên cứu kê toán			
Chương 2: Quy trình nghiên cứu kê toán	3t		Diễn giảng Thảo luận Kiểm tra: tự luận
2.1. Khái niệm			
2.2. Quy trình nghiên cứu			
2.1.1. Xác định vấn đề nghiên cứu			
2.1.2. Tổng quan tài liệu			
2.1.3. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu			
2.1.4. Thiết kế nghiên cứu			
2.1.5. Thực hiện nghiên cứu			
2.1.6. Phân tích kết quả			
Chương 3: Kế hoạch và đề cương nghiên cứu	3t	Diễn giảng Thảo luận Kiểm tra: tự luận	
3.1. Kế hoạch nghiên cứu			
3.2. Đề cương nghiên cứu			
3.2.1. Giới thiệu			
3.2.2. Tổng quan tài liệu			
3.2.3. Phương pháp luận nghiên cứu			
3.2.4. Trình bày, phân tích và giải thích kết quả			
3.2.5. Tóm tắt, kết luận và khuyến nghị			
Chương 4: Tổng quan tài liệu và khung lý thuyết	5t		Diễn giảng Thảo luận Kiểm tra: tự luận
4.1. Tổng quan tài liệu			
4.1.1. Chức năng tổng quan tài liệu			
4.1.2. Thủ tục xem xét các tài liệu			
4.1.3. Các loại tổng quan tài liệu			
4.1.4. Xem xét phê phán			
4.1.5. Cấu trúc xem xét phê phán			
4.2. Khung lý thuyết			
4.2.1. Khái niệm			

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
4.2.2. Sự phù hợp giữa lý thuyết với quá trình nghiên cứu		
4.3. Biến và đo lường các biến		
4.3.1. Biến		
4.3.2. Đo lường các biến		
Chương 5: Thu thập và xử lý dữ liệu	16t	
5.1. Thu thập dữ liệu		
4.1.1. Chọn mẫu		
4.1.2. Các loại dữ liệu		
5.2. Phân loại dữ liệu		
5.2.1. Chỉnh sửa dữ liệu		
5.2.2. Mã hóa dữ liệu		
5.2.3. Lập bảng dữ liệu		
5.3. Phân tích dữ liệu		
5.3.1. Thống kê mô tả		
5.3.2. Suy diễn thống kê		
5.3.3. Tóm tắt kết quả nghiên cứu		
5.3.4. Kết luận và khuyến nghị		
Chương 6: Các vấn đề khác		
6.1. Tài liệu tham khảo		Diễn giảng
6.2. Đạo đức nghiên cứu		Kiểm tra: tự luận

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1] – Đinh Phi Hồ (2014), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế & viết luận văn thạc sĩ*, NXB Phương Đông.

6.2 Tài liệu khác

[2] – Trần Tiến Khai (2012), *Phương pháp nghiên cứu kinh tế*, NXB Lao động xã hội.

[3] – Teresa P. Gordon, Jason C. Porter, (2009), *Reading and Understanding academic research in Accounting: A guide for Students*, Global Perspectives on Accounting Education – Volume 6, 2009, 25-45.

[4] – Taiwo Olalere (2012), *Methodology in accounting research: A critique of taxonomy*, <http://ssrn.com/abstract=1921192>

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 2 lần

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 90 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm thực hành/bài tập: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.2;
- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Trần Đình Phụng

HỌC PHẦN
THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Thị trường tài chính
- Mã học phần: 832033
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Lý thuyết tài chính tiền tệ (832107)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng

3. Mô tả học phần

Mục tiêu chung của môn học Thị Trường Tài Chính là cung cấp kiến thức tổng quan về cơ chế hoạt động, các bộ phận cấu thành về thị trường tài chính. Đặc biệt chú trọng đến loại thị trường tài chính cao cấp cung ứng vốn dài hạn cho nền kinh tế thông qua phương thức tài chính trực tiếp với những tính chất ưu việt và phù hợp trong nền kinh tế thị trường hiện đại, đó là Thị trường chứng khoán.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên kiến thức căn bản về thị trường tài chính, các công cụ lưu thông trên thị trường tài chính. Tìm hiểu về các định chế ngân hàng và phi ngân hàng trên thị trường tài chính. Cơ chế hoạt động của thị trường chứng khoán, hàng hóa chứng khoán, thông tin của thị trường chứng khoán...để sinh viên có thể hiểu được bản chất, chức năng của thị trường tài chính, trong đó chú trọng đến hoạt động của thị trường chứng khoán trong mối quan hệ với các thị trường khác.

4.2. Về kỹ năng

Bên cạnh việc hiểu ý nghĩa lý luận, môn học còn chú ý đến những vấn đề định lượng về kỹ thuật phân tích, phối hợp các phương pháp phân tích liên quan đến lĩnh vực tài chính và những bài học rút ra từ việc thực hành phân tích.

4.3. Về thái độ

Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, phải có ý thức tự đọc trước các kiến thức của môn học và các môn có liên quan trước khi tham gia buổi học.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THỊ TRƯỜNG TÀI CHÍNH	4	Đọc tài liệu trước Nghe giải thích các khái niệm Kiểm tra nhanh 10 phút
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của thị trường tài chính trên thế giới		
1.2. Bản chất và chức năng của thị trường tài chính		
1.2.1. Bản chất của thị trường tài chính		
1.2.2. Chức năng của thị trường tài chính		
1.3. Cấu trúc của thị trường tài chính		
1.3.1. Căn cứ vào thời hạn luân chuyển vốn		
1.3.2. Căn cứ vào tính chất chuyên môn hóa của thị trường		
1.3.3. Căn cứ vào cơ cấu thị trường		
CHƯƠNG 2. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ	6	
2.1. Khái niệm		
2.2. Đặc điểm		
2.3. Phân loại		
2.3.1. Phân loại theo cách thức tổ chức		
2.3.2. Phân loại theo công cụ nợ		
2.4. Các chủ thể tham gia trên thị trường tiền tệ		
2.4.1. Chủ thể phát hành		
2.4.2. Chủ thể đầu tư		
2.5. Các công cụ trên thị trường tiền tệ		
2.5.1. Tín phiếu kho bạc		
2.5.2. Thương phiếu		
2.5.3. Các khoản vay liên ngân hàng		
2.5.4. Giấy chấp nhận thanh toán của ngân hàng		
2.5.5. Kỳ phiếu ngân hàng, tín phiếu công ty tài chính, chứng chỉ tiền gửi tiết kiệm		
2.6. Nghiệp vụ trên thị trường tiền tệ		
CHƯƠNG 3. THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN	9	
3.1. Tổng quan về thị trường chứng khoán		
3.2. Cơ cấu thị trường chứng khoán		
3.2.1. Căn cứ vào quy trình lưu thông		
3.2.2. Căn cứ vào phương thức giao dịch		
3.2.3. Căn cứ vào kỳ hạn giao dịch		
3.2.4. Căn cứ vào hàng hóa giao dịch		
3.3. Các chủ thể tham gia thị trường chứng khoán tập trung		
3.4. Nguyên tắc hoạt động, chức năng và vai trò của thị trường chứng khoán		
3.4.1. Nguyên tắc hoạt động		
3.4.2. Chức năng của thị trường chứng khoán		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
4.4.3. Vai trò		
3.5. Những hạn chế của thị trường chứng khoán		
3.6. Thị trường cổ phiếu	4	
3.6.1. Khái niệm		
3.6.2. Cổ phiếu thường		
3.6.3. Cổ phiếu ưu đãi		
3.7 Thị trường trái phiếu	4	
3.7.1. Khái niệm		
3.7.2. Đặt trung của trái phiếu		
3.7.3. Các loại trái phiếu		
CHƯƠNG 4. THỊ TRƯỜNG HỐI ĐOÁI		
4.1. Tỷ giá hối đoái		
4.1.1. Phương pháp biểu thị tỷ giá		
4.1.2. Phương pháp tính toán tỷ giá		
4.2. Cơ sở xác định tỷ giá hối đoái		
4.2.1. Trong chế độ bản vị tiền vàng		
4.2.2. Hệ thống tỷ giá Bretton Woods		
4.2.3. Trong chế độ tiền tệ ngày nay		
4.3 Những nhân tố ảnh hưởng đến sự biến động của giá hối đoái		
4.4. Phương pháp điều chỉnh		
4.4.1. Sử dụng quỹ dự trữ bình ổn hối đoái		
4.4.2. Sử dụng chính sách chiết khấu		
4.4.3. Phá giá hối đoái		
4.4.4. Nâng giá hối đoái		
4.5. Các loại tỷ giá hối đoái		
4.5.1. Tỷ giá chính thức		
4.5.2. Tỷ giá kinh doanh của ngân hàng thương mại		
4.6. Thị trường hối đoái		
4.7. Các nghiệp vụ hối đoái		
4.7.1. Nghiệp vụ giao ngay		
4.7.2. Nghiệp vụ Ácbit		
4.7.3. Nghiệp vụ mua bán ngoại tệ có kỳ hạn		
4.7.4. Nghiệp vụ quyền lựa chọn hối đoái		
4.7.5. Nghiệp vụ SWAP		
4.8. Thị trường giao sau		
3.7.4. Lợi tức và rủi ro của trái phiếu		
3.7.5. Các nhân tố ảnh hưởng giá trái phiếu		
3.8. Thị trường chứng khoán phái sinh	6	
3.8.1. Khái niệm		
3.8.2. Các hợp đồng quyền lựa chọn hay các quyền chọn		
3.8.3. Các hợp đồng tương lai		
3.8.1. Hợp đồng kỳ hạn		

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
3.8.2. Nghiệp vụ hoán đổi		
3.8.3. Chứng quyền		
3.8.4. Quyền mua cổ phần		
3.8.5. Chứng khoán hóa		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Hoàng Văn Quỳnh, Nguyễn Thị Hoài Lê (2015), *Giáo trình thị trường tài chính*, NXB Tài Chính.

6.2. Tài liệu khác

2. Nguyễn Đăng Dờn, Lý Hoàng Ánh (2012), *Thị trường tài chính*, NXB Phương Đông.

3. Frederic S. Mishkin (2009) *Lý thuyết chung về thị trường tài chính, ngân hàng và chính sách tiền tệ*, dịch bởi Nguyễn Văn Ngọc, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

4. Bài giảng của giáo viên

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0,3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0,6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Nguyễn Thị Ngọc Tú

HỌC PHẦN
THANH TOÁN QUỐC TẾ**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thanh toán quốc tế
- Mã học phần: 832065
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Nghiệp vụ ngân hàng thương mại (832061)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Tài chính – Ngân hàng**3. Mô tả học phần**

Trang bị kiến thức cơ bản về hoạt động thanh toán quốc tế và kỹ năng cần thiết để xử lý các tình huống trong thanh toán quốc tế. Sau khi học xong học phần này, sinh viên có thể vận dụng được các điều kiện thương mại quốc tế trong thực tiễn, kiểm tra được bộ chứng từ và xử lý những tình huống cơ bản trong thanh toán quốc tế.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức:**

Cung cấp cho sinh viên kiến thức tổng quan về hoạt động thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương; các điều kiện thương mại quốc tế, các phương tiện và phương thức cơ bản trong thanh toán quốc tế và các văn bản pháp lý điều chỉnh hoạt động thanh toán quốc tế.

4.2. Về kỹ năng:

Cung cấp cho sinh viên kỹ năng lập và kiểm tra bộ chứng từ trong thanh toán quốc tế, vận dụng tốt các văn bản pháp lý để giải quyết các tình huống phát sinh trong hoạt động thanh toán quốc tế.

4.3. Về thái độ:

Nghiêm túc trong học tập, nghiên cứu, đòi hỏi ý thức thận trọng, chính xác và linh hoạt trong việc vận dụng văn bản pháp lý để xử lý các tình huống thanh toán quốc tế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: TỔNG QUAN VỀ THANH TOÁN QUỐC TẾ	3	
1.1. Tổng quan thanh toán quốc tế		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Minh họa bằng các tình huống thực tiễn trong thanh toán quốc tế.
1.1.1. Sự hình thành thanh toán quốc tế		
1.1.2. Khái niệm thanh toán quốc tế		
1.1.3. Đặc điểm thanh toán quốc tế		
1.1.4. Vai trò của thanh toán quốc tế		
1.2. NHTM trong TTQT		
1.2.1. Vai trò của NHTM trong TTQT		
1.2.2. Các nhân tố ảnh hưởng đến TTQT của NHTM		
1.3. Hệ thống các văn bản pháp lý để điều chỉnh hoạt động TTQT		
Chương 2: HỢP ĐỒNG NGOẠI THƯƠNG	6	
2.1. Khái niệm hợp đồng ngoại thương		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Minh họa bằng các tình huống thực tiễn trong thanh toán quốc tế.
2.2. Đặc điểm hợp đồng ngoại thương		
2.3. Kết cấu hợp đồng ngoại thương		
2.3.1. Phần mở đầu		
2.3.2. Phần nội dung các điều khoản hợp đồng		
2.3.3. Phần kết thúc		
2.4. Các điều kiện, điều khoản trong hợp đồng ngoại thương		
Chương 3: CHỨNG TỪ THƯƠNG MẠI TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ	6	
3.1. Chứng từ vận tải:		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Đưa ra các tình huống thực tiễn trong thanh toán quốc tế và hướng dẫn cách thức giải quyết vấn đề.
3.1.1. Vận đơn đường biển		
3.1.2. Biên lai gửi hàng đường biển		
3.1.3. Vận đơn hàng không		
3.1.4. Chứng từ vận tải đường bộ, đường sắt, đường sông		
3.1.5. Chứng từ vận tải đa phương thức		
3.2. Chứng từ bảo hiểm		
3.2.1. Khái niệm		
3.2.2. Các thuật ngữ		
3.2.3. Các loại chứng từ bảo hiểm		
3.2.4. Lưu ý khi sử dụng		
3.3. Các chứng từ về hàng hóa		
3.3.1. Hóa đơn thương mại		
3.3.2. Giấy chứng nhận xuất xứ		
3.3.3. Phiếu đóng gói		
3.3.4. Các chứng từ hàng hóa khác		
Chương 4: CHỨNG TỪ TÀI CHÍNH TRONG THANH TOÁN QUỐC TẾ	6	
4.1. Hối phiếu		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Sinh viên nghiên
4.1.1. Khái niệm và các bên tham gia		
4.1.2. Đặc điểm của hối phiếu		

4.1.3. Nội dung của hối phiếu		cứu thêm cách viết chứng từ theo tài liệu đã được cung cấp.
4.1.4. Các nghiệp vụ liên quan đến hối phiếu		
4.1.5. Phân loại hối phiếu		
4.2. Lệnh phiếu		
4.2.1. Khái niệm		
4.2.2. Nội dung bắt buộc của lệnh phiếu		
4.3. Séc		
4.3.1. Khái niệm		
4.3.2. Nội dung		
4.3.3. Phân loại		
4.4. Thẻ ngân hàng		
Chương 5: CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ	18	
5.1. Phương thức ứng trước		<ul style="list-style-type: none"> - Giảng dạy lý thuyết - Đưa ra các tình huống thực tiễn trong thanh toán quốc tế và hướng dẫn cách thức giải quyết vấn đề.
5.1.1. Khái niệm		
5.1.2. Mục đích		
5.1.3. Ưu điểm và rủi ro đối với các bên		
5.2. Phương thức thanh toán ghi sổ		
5.2.1. Khái niệm		
5.2.2. Đặc điểm		
5.2.3. Ưu điểm và rủi ro đối với các bên		
5.2.4. Trường hợp áp dụng		
5.2.5. Quy trình thanh toán		
5.3. Phương thức chuyển tiền		
5.3.1. Khái niệm		
5.3.2. Đối tượng tham gia		
5.3.3. Quy trình thanh toán		
5.3.4. Trường hợp áp dụng		
5.3.5. Quy tắc thu phí		
5.4. Giao chứng từ nhận tiền		
5.4.1. Khái niệm		
5.4.2. Quy trình thanh toán		
5.4.3. Trường hợp áp dụng		
5.5. Phương thức thanh toán nhờ thu		
5.5.1. Khái niệm và văn bản pháp lý nhờ thu		
5.5.2. Các bên tham gia		
5.5.3. Các loại nhờ thu và quy trình nhờ thu		
5.5.4. Trường hợp áp dụng		
5.6. Phương thức thanh toán tín dụng chứng từ		
5.6.1. Khái niệm		
5.6.2. Đặc điểm của giao dịch L/C		
5.6.3. Văn bản pháp lý điều chỉnh giao dịch L/C		
5.6.4. Các bên tham gia		
5.6.5. Quy trình nghiệp vụ L/C		
5.6.6. Hồ sơ mở L/C		
5.6.7. Thư tín dụng		

5.6.8. Các loại thư tín dụng		
5.6.9. Trường hợp áp dụng		
Chương 6: ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ	6	
6.1. Những vấn đề cơ bản về Incoterms		- Giảng dạy lý thuyết - Minh họa bằng tình huống thực tế
6.1.1. Lịch sử hình thành		
6.1.2. Mục đích		
6.1.3. Phạm vi điều chỉnh của Incoterms		
6.1.4. Sự khác nhau của Incoterms qua các năm		
6.2. Các điều kiện thương mại của Incoterms		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Tiên (2014), *Giáo trình Thanh toán quốc tế và tài trợ ngoại thương*, Học viện ngân hàng, NXB Thống kê.

6.2. Tài liệu khác

2. Trần Hoàng Ngân (2012), *Giáo trình Thanh toán quốc tế*, Trường Đại học kinh tế TP.HCM, NXB Đại học kinh tế - TP.HCM.
3. Võ Thị Thúy Anh – Hồ Hữu Tiên (2011), *Thanh toán quốc tế*, NXB Tài chính.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận và trắc nghiệm, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6.

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Văn Nông

ThS. Trâm Bích Lộc

HỌC PHẦN
HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Hệ thống kiểm soát nội bộ
- Mã học phần: 832306
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần cung cấp kiến thức chuyên sâu về kiểm soát nội bộ trong từng chu trình nghiệp vụ của doanh nghiệp, phục vụ cho việc đánh giá và tư vấn về kiểm soát nội bộ trong doanh nghiệp.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Hiểu được quá trình hình thành, phát triển và các quan điểm của các lý thuyết và thực tiễn kiểm soát nội bộ.

- Trình bày các nhân tố ảnh hưởng đến gian lận, các hình thức gian lận và cách thức phòng ngừa gian lận.

- Giải thích nội dung của các yếu tố cấu thành hệ thống KSNB trong tổ chức theo Báo cáo COSO 1992

4.2. Về kỹ năng

- Thiết lập những nội dung cơ bản của kiểm soát nội bộ đối với chu trình mua hàng.

- Thiết lập những nội dung cơ bản của kiểm soát nội bộ đối với chu trình bán hàng.

- Thiết lập những nội dung cơ bản của kiểm soát nội bộ đối với chu trình tiền lương.

4.3. Về thái độ

Độc lập – Can trọng – Xét đoán nghề nghiệp.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tổng quan về HTKSNB	6	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
1.1 Bản chất của HTKSNB		
1.1.1 Định nghĩa		
1.1.2 Sự ra đời và phát triển của lý thuyết về HTKSNB.		
1.2 Giới thiệu Báo cáo COSO 1992		
1.2.1 Quá trình soạn thảo		
1.2.2 Các bộ phận cấu thành HTKSNB		
1.2.3 Quan hệ giữa HTKSNB và quá trình quản lý		
1.3 Trách nhiệm đối với HTKSNB		
1.3.1 Hội đồng quản trị		
1.3.2 Các nhà quản lý		
1.3.3 Kiểm toán viên nội bộ		
1.3.4 Nhân viên		
1.3.5 Các đối tượng bên ngoài tổ chức.		
Chương 2: Gian lận và biện pháp đối phó gian lận	6	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
2.1 Các định nghĩa về gian lận		
2.2 Các nhân tố tác động và dấu hiệu gian lận		
2.2.1 Các nhân tố tác động đến hành vi gian lận		
2.2.2 Các dấu hiệu gian lận		
2.3 Các giải pháp phòng ngừa và phát hiện gian lận		
2.3.1 Các biện pháp thường được sử dụng		
2.3.2 Tính hữu hiệu của các biện pháp		
2.4 Các gian lận liên quan đến báo cáo tài chính		
2.4.1 Gian lận tài sản		
2.4.2 Gian lận trên báo cáo tài chính		
Chương 3: Các yếu tố cấu thành của HTKSNB	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
3.1 Môi trường kiểm soát		
3.1.1 Khái niệm và vai trò của môi trường kiểm soát		
3.1.2 Các nhân tố thuộc môi trường kiểm soát		
Tính trung thực và các giá trị đạo đức		
Cam kết về năng lực		
Hội đồng quản trị và Ủy ban Kiểm toán		
Triết lý quản lý và phong cách điều hành		
Cơ cấu tổ chức		
Phân định quyền hạn và trách nhiệm		
Chính sách nhân sự		
3.1.3 Áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ		
3.2 Đánh giá rủi ro		
3.2.1 Xác định mục tiêu		
3.2.2 Rủi ro		
3.2.3 Quản trị sự thay đổi		
3.2.4 Áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ		

3.3 Các hoạt động kiểm soát		
3.3.1 Khái niệm		
3.3.2 Mối quan hệ giữa các hoạt động kiểm soát với đánh giá rủi ro		
3.3.3 Các loại hoạt động kiểm soát		
3.3.4 Áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ		
3.4 Thông tin và truyền thông		
3.4.1 Thông tin		
3.4.2 Truyền thông		
3.4.3 Áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ		
3.5 Giám sát		
3.5.1 Giám sát thường xuyên		
3.5.2 Giám sát định kỳ		
3.5.3 Báo cáo về khiếm khuyết của kiểm soát nội bộ		
3.5.4 Áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ		
Chương 4: Kiểm soát nội bộ chu trình mua hàng	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
4.1 Đặc điểm, gian lận sai sót và mục tiêu kiểm soát		
4.1.1 Đặc điểm của chu trình mua hàng		
4.1.2 Các gian lận và sai sót thường gặp		
4.1.3 Mục tiêu kiểm soát		
4.2 Các hoạt động kiểm soát chủ yếu		
4.2.1 Các hoạt động kiểm soát chung		
4.2.2 Kiểm soát quá trình đặt hàng		
4.2.3 Kiểm soát quá trình nhận hàng		
4.2.4 Kiểm soát quá trình tồn trữ		
4.2.5 Kiểm soát quá trình theo dõi nợ phải trả.		
4.2.6 Kiểm soát quá trình thanh toán		
4.3 Một số gian lận cụ thể và cách thức đối phó		
Chương 5: Kiểm soát nội bộ chu trình bán hàng	9	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập
5.1 Đặc điểm, gian lận sai sót và mục tiêu kiểm soát		
5.1.1 Đặc điểm của chu trình bán hàng		
5.1.2 Các gian lận và sai sót thường gặp		
5.1.2 Mục tiêu kiểm soát		
5.2 Các hoạt động kiểm soát chủ yếu		
5.2.1 Các hoạt động kiểm soát chung		
5.2.2 Kiểm soát quá trình tiếp nhận đơn hàng		
5.2.3 Kiểm soát quá trình xét duyệt bán chịu		
5.2.4 Kiểm soát quá trình theo dõi nợ phải thu		
5.2.5 Kiểm soát quá trình thu tiền		
5.3 Một số gian lận cụ thể và cách thức đối phó		
Chương 6: Kiểm soát nội bộ chu trình tiền lương	6	Giảng viên trình bày, sinh viên thảo luận, trắc nghiệm kiểm tra, bài tập

6.1 Đặc điểm, gian lận sai sót và mục tiêu kiểm soát		
6.1.1 Đặc điểm của chu trình tiền lương		
6.1.2 Các gian lận và sai sót thường gặp		
6.1.3 Mục tiêu kiểm soát		
6.2 Các hoạt động kiểm soát chủ yếu		
6.2.1 Các hoạt động kiểm soát chung		
6.2.2 Xây dựng chính sách tiền lương		
6.2.3 Kiểm soát quá trình xác định căn cứ trả lương		
6.2.4 Kiểm soát quá trình tính lương		
6.2.5 Kiểm soát quá trình trả lương		
6.2.6 Kiểm soát quá trình thực hiện các khoản trích nộp theo quy định.		
6.3 Một số gian lận cụ thể và cách thức đối phó		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

- [1] – Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán Kiểm toán Trường ĐH Kinh tế TP.HCM (2012), *Kiểm soát nội bộ*, NXB Kinh tế TPHCM.

6.2. Tài liệu khác

- [1] – Chuẩn mực kiểm toán Việt nam.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;
- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Nguyễn Trọng Nguyên

**HỌC PHẦN
 THỰC TẬP TỐT NGHIỆP**

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: THỰC TẬP TỐT NGHIỆP
- Mã học phần: 832098
- Số tín chỉ: 5
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 75 (75; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán quản trị (832054) , Kiểm toán báo cáo tài chính (832056), Hệ thống thông tin kế toán 3 (832009).
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với công việc thực tế, đối chiếu, so sánh giữa lý thuyết đã học và thực tiễn công tác kế toán tại một tổ chức; trang bị những kỹ năng cơ bản của một người kế toán viên, kiểm toán viên.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Người học nắm được những nội dung tổ chức công tác kế toán trên thực tế.

4.2. Về kỹ năng: Người học có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế công tác kế toán tại một đơn vị kinh doanh, sự nghiệp hoặc một tổ chức tín dụng.

4.3. Về thái độ: Tiếp xúc với những kỹ năng cần có của một người kế toán viên, kiểm toán viên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tìm hiểu đơn vị thực tập	5	Giảng viên hướng dẫn, sinh viên tự tìm hiểu theo hướng dẫn
1.1. Lịch sử hình thành, hình thức sở hữu.		
1.2. Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, chức năng nhiệm vụ		

vụ. 1.3. Tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý. 1.4. Quy trình công nghệ (đối với doanh nghiệp sản xuất). 1.5. Quy mô: giá trị sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tổng số vốn hoạt động bình quân (trong đó vốn chủ sở hữu), số lượng lao động (trực tiếp, gián tiếp), các xí nghiệp, phân xưởng, trạm, trại, cửa hàng trực thuộc. 1.6. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.		
Chương 2: Tìm hiểu bộ máy kế toán	10	Giảng viên hướng dẫn, sinh viên tự tìm hiểu
2.1. Bộ máy kế toán: 2.1.1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. 2.1.2. Tổ chức bộ máy kế toán. 2.1.3. Hình thức kế toán doanh nghiệp áp dụng. 2.2. Đặc điểm về áp dụng máy tính trong công tác kế toán tại doanh nghiệp. 2.3. Các phân hành kế toán của đơn vị.		
Chương 3: Chuyên đề tốt nghiệp	60	Giảng viên hướng dẫn, sinh viên viết chuyên đề tốt nghiệp theo yêu cầu của giảng viên
3.1. Giới thiệu đơn vị thực tập		
3.2. Thực trạng công tác kế toán của đề tài nghiên cứu		
3.3. Nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu.		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] Bộ môn kế toán Đại học Sài Gòn (2016), *Bộ quy chuẩn viết chuyên đề tốt nghiệp ngành kế toán*.

[2] Bộ Tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính

[3] Bộ Tài chính (2010), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính

6.2. Tài liệu khác:

[4] Tài liệu thực tế tại đơn vị thực tập.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: không

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết báo cáo thực tập

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,3;

- Điểm viết báo cáo: hệ số 0,7;

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Nguyễn Anh Hiền

HỌC PHẦN
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Khóa luận tốt nghiệp
- Mã học phần: 832399
- Số tín chỉ: 8
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 120 (120; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Thực tập tốt nghiệp (832098)
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần giúp sinh viên tiếp cận với công việc thực tế, đối chiếu, so sánh giữa lý thuyết đã học và thực tiễn công tác kế toán tại một tổ chức; trang bị những kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu một vấn đề trong lãnh vực kế toán, kiểm toán.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Người học nắm được những nội dung tổ chức công tác kế toán trên thực tế.

4.2. Về kỹ năng: Người học có thể vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế công tác kế toán tại một đơn vị kinh doanh, sự nghiệp hoặc một tổ chức tín dụng; cung cấp kỹ năng nghiên cứu chuyên sâu một vấn đề trong lãnh vực kế toán, kiểm toán.

4.3. Về thái độ: Tiếp xúc với những kỹ năng cần có của một người kế toán viên, kiểm toán viên.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Tìm hiểu đơn vị thực tập	15	Giảng viên hướng dẫn, sinh viên tự tìm hiểu theo hướng dẫn
1.7. Lịch sử hình thành, hình thức sở hữu. 1.8. Ngành nghề, lĩnh vực hoạt động, chức năng		

nhiệm vụ. 1.9. Tổ chức sản xuất kinh doanh, tổ chức quản lý. 1.10. Quy trình công nghệ (đối với doanh nghiệp sản xuất). 1.11. Quy mô: giá trị sản lượng, doanh thu, lợi nhuận, tổng số vốn hoạt động bình quân (trong đó vốn chủ sở hữu), số lượng lao động (trực tiếp, gián tiếp), các xí nghiệp, phân xưởng, trạm, trại, cửa hàng trực thuộc. 1.12. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.		
Chương 2: Tìm hiểu bộ máy kế toán	30	Giảng viên hướng dẫn, sinh viên tự tìm hiểu
2.1. Bộ máy kế toán: 2.3.1. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn. 2.3.2. Tổ chức bộ máy kế toán. 2.3.3. Hình thức kế toán doanh nghiệp áp dụng. 2.4. Đặc điểm về áp dụng máy tính trong công tác kế toán tại doanh nghiệp. 2.5. Các phân hành kế toán của đơn vị.		
Chương 3: Khóa luận tốt nghiệp	75	Giảng viên hướng dẫn, sinh viên viết chuyên đề tốt nghiệp theo yêu cầu của giảng viên
3.1. Cơ sở lý luận		
3.2. Thực trạng công tác kế toán của đề tài nghiên cứu		
3.3. Nhận xét, kiến nghị nhằm hoàn thiện vấn đề nghiên cứu.		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

[1] Đại học Sài Gòn (2012), *Quy định về việc viết khóa luận tốt nghiệp*.

[2] Bộ Tài chính (2014), *Chế độ kế toán doanh nghiệp*, NXB Tài chính

[3] Bộ Tài chính (2010), *Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam*, NXB Tài chính

6.2. Tài liệu khác:

[4] Tài liệu thực tế tại đơn vị thực tập.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên.

7.2. Số bài kiểm tra quá trình: không

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Viết khóa luận tốt nghiệp và bảo vệ trước hội đồng

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần:

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình:
 - Điểm viết khóa luận và bảo vệ trước hội đồng: thang điểm 10.
- 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình của hội đồng đánh giá khóa luận tốt nghiệp.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

TS. Nguyễn Anh Hiền

**HỌC PHẦN
 KẾ TOÁN MỸ**

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Kế toán Mỹ
- Mã học phần: 832057
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thực hành): 45 (45;0; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học/cao đẳng
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Kế toán tài chính 2 (832051)
- + Đòi hỏi học phần học song hành: không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn kế toán

3. Mô tả học phần

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về thông lệ kế toán trên thế giới, hệ thống kế toán ở các quốc gia phát triển và nắm được một số thuật ngữ tiếng Anh chuyên ngành kế toán.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức

- Hiểu và giải thích được hệ thống kế toán tại các quốc gia phát triển như Mỹ, Anh, Úc
- Phân biệt được một số khác biệt giữa hệ thống Kế toán Việt Nam và các quốc gia như Mỹ, Anh, Úc

4.2. Về kỹ năng

- Áp dụng các kiến thức đã học để làm việc tại các Doanh Nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- Thực hiện được các loại hình sổ sách, báo cáo tài chính theo chuẩn mực quốc tế bằng Tiếng Anh.

4.3. Về thái độ

- Có ý thức tuân thủ đúng các qui định, chuẩn mực Kế toán Quốc Tế
- Hình thành thói quen, tính cẩn thận, chính xác và khoa học trong việc xử lý các số liệu, dữ liệu và các chứng từ kế toán bằng Tiếng Anh
- Hình thành thói quen nghiên cứu, đọc tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>Chương 1. Môi trường kế toán</p> <p>1.1 Khái niệm kế toán và môi trường kế toán</p> <p>1.1.1 Khái niệm kế toán</p> <p>1.1.2 Khái niệm môi trường kế toán</p> <p>1.2 Các đối tượng sử dụng thông tin kế toán</p> <p>1.3 Ảnh hưởng của các tổ chức nghề nghiệp</p> <p>1.4 Các nguyên tắc kế toán được thừa nhận rộng rãi (GAAP)</p> <p>1.5 Vấn đề đạo đức nghề nghiệp.</p>	3	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận.</p> <p>Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 2: Báo cáo tài chính</p> <p>2.1. Các loại hình Doanh nghiệp tại Mỹ</p> <p>2.2. Các báo cáo tài chính</p> <p>2.2.1. Bảng cân đối Kế toán</p> <p>2.2.2. Báo cáo Kết quả kinh doanh</p> <p>2.2.3. Báo cáo thay đổi vốn chủ</p> <p>2.2.4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</p>	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận</p> <p>Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 3: Kế toán ghi nhận các nghiệp vụ kinh tế phát sinh</p> <p>3.1. Khái niệm các nghiệp vụ kinh tế phát sinh, các giao dịch tại Doanh nghiệp</p> <p>3.2. Khái niệm về các loại chứng từ sử dụng trong kế toán</p> <p>3.3. Chu trình kế toán đơn giản</p> <p>3.4. Hệ thống tài khoản sử dụng</p> <p>3.5. Bút toán kép</p> <p>3.6. Phương trình cân bằng kế toán</p> <p>3.7. Nhật ký chung</p> <p>3.8. Bảng cân đối nhập (trial balance)</p> <p>3.9. Nguyên tắc ghi các bút toán sửa sai.</p>	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận</p> <p>Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 4: Bút toán điều chỉnh và Chuẩn bị Báo cáo tài chính</p> <p>4.1. Khái niệm lợi nhuận và nguyên tắc xác định lợi nhuận (Cash Basic- Accrual Basic)</p> <p>4.2. Chu trình kế toán mở rộng</p> <p>4.3. Sự cần thiết thực hiện các bút toán điều chỉnh</p> <p>4.4. Các bút toán điều chỉnh:</p> <p>4.4.1. Điều chỉnh chi phí trả trước</p> <p>4.4.2. Điều chỉnh doanh thu trước</p> <p>4.4.3. Điều chỉnh trích trước chi phí</p> <p>4.4.4. Điều chỉnh trích trước doanh thu</p> <p>4.5. Chuẩn bị Worksheet</p> <p>4.6. Chuẩn bị báo cáo tài chính từ Worksheet</p>	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận</p> <p>Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>

<p>Chương 5: Hoàn tất chu trình kế toán</p> <p>5.1. Chu trình kế toán mở rộng – Hoàn tất chu trình</p> <p>5.2. Khoá sổ các tài khoản tạm (Temporary accounts)</p> <p>5.3. Bút toán khoá sổ</p> <p> 5.3.1. Kết chuyển doanh thu</p> <p> 5.3.2. Kết chuyển chi phí</p> <p> 5.3.3. Kết chuyển lãi lỗ</p> <p>5.4. Bút toán điều chỉnh cho kỳ kế toán tiếp theo</p> <p>5.5 Bút toán đảo</p> <p>5.6. Qui trình kế toán áp dụng cho công ty tư nhân và công ty hợp danh</p>	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận</p> <p>Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 6: Kế toán công ty thương mại</p> <p>6.1. Kế toán doanh thu bán hàng</p> <p> 6.1.1. Kế toán doanh thu gộp</p> <p> 6.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu</p> <p>6.2. Kế toán giá vốn hàng bán</p> <p> 6.2.1. Kế toán mua hàng</p> <p> 6.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán</p> <p>6.3. Kế toán chi phí hoạt động</p> <p>6.4. Các bút toán khoá sổ</p> <p>6.5. Bảng nhập và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</p> <p> 6.5.1. Bảng nhập</p> <p> 6.5.2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</p>	9	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận</p> <p>Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 7: Kế toán tiền mặt và hoạt động kiểm soát tiền mặt tại DN</p> <p>7.1. Định nghĩa tiền mặt</p> <p>7.2. Hoạt động kiểm soát tiền mặt</p> <p>7.3. Petty Cash Fund – Quỹ tiêu vặt</p> <p>7.4. Kế toán tiền gửi ngân hàng – Bank Reconciliation</p> <p>7.5. Kế toán các khoản phải thu</p> <p>7.6. Kế toán các khoản phải trả</p>	9	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận</p> <p>đánh giá: Bài tập thực hành</p> <p>Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

- [1] – Hoggett, Edwards, Medlin, Tilling, *Accounting*, Wiley
- [2] – Carl. S. Warren, Jame. M. Reeve, Jonathan E. Duchac, *Corporate Accountant 12e*, South –Western.
- [3] – W. Steve Albrecht, Eart. K. Stice, Jame. D. Stice, *Financial Accounting 10e*, Thomson South - Western

[4] – Trần Văn Thảo (Chủ biên) (2011), *Financial Accounting*, NXB Tài chính.

6.2. Tài liệu khác

- [1] – Ngô Thế Chi (2011), *Chuẩn mực kế toán quốc tế*, NXB Tài chính, Hà Nội.

[2] – Phan Đức Dũng (2007), *Kế toán Mỹ đối chiếu kế toán Việt Nam*, NXB Thống kê, TP.HCM.

[3] – Belverd E.Neddles Jr, Henry R.Anderson, James C.Caldwell (2007), *Principles of accounting*, song ngữ Anh - Việt, người dịch Mai Thanh Tòng, Văn Khương, NXB Thống kê, TP.HCM.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phân nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: trắc nghiệm, tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Giang Quốc Tuấn

**HỌC PHẦN
KIỂM TOÁN HOẠT ĐỘNG****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Kiểm toán hoạt động
- Mã học phần: 832117
- Số tín chỉ: 3
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (30; 5; 10; 0)
- Trình độ đào tạo: đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Kiểm toán căn bản (832055)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Kế toán**3. Mô tả học phần:**

Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về lĩnh vực kiểm toán hoạt động. Đó là một lĩnh vực quan trọng trong hoạt động kiểm toán, giúp người quản lý đánh giá các hoạt động hay các bộ phận của đơn vị và đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao tính kinh tế, hiệu quả và hữu hiệu của chúng. Những kiến thức ở môn học này sẽ bổ sung cho những kiến thức mà sinh viên đã được học ở môn Kiểm toán căn bản, đồng thời giúp sinh viên nâng cao năng lực hành nghề cũng như mở rộng cơ hội nghề nghiệp của sinh viên sau khi ra trường.

4. Mục tiêu học phần:**4.1. Về kiến thức:**

- Nắm được khái niệm kiểm toán hoạt động, những chuẩn mực của kiểm toán hoạt động, ý nghĩa của kiểm toán hoạt động đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp
- Nắm được các bước của quy trình kiểm toán hoạt động, các kỹ thuật thực hiện kiểm toán hoạt động

4.2. Về kỹ năng:

- Hoàn thiện và bổ sung các kỹ năng cần có đối với kiểm toán viên

4.3. Về thái độ

- Nhận thức về tầm quan trọng của hoạt động kiểm toán nội bộ đối với hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Khái quát về kiểm toán hoạt động	5	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
1.1. Khái niệm kiểm toán hoạt động	1	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng, kiểm tra, đánh giá
1.1.1. Định nghĩa		
1.1.2. Những đặc điểm của kiểm toán hoạt động		
1.1.3. Phạm vi của kiểm toán hoạt động		
1.1.4. Sự cần thiết của kiểm toán hoạt động		
1.2. Chuẩn mực kiểm toán hoạt động	2	
1.2.1. Nguyên tắc chung trong việc cụ thể hóa và áp dụng chuẩn mực chung		
1.2.2. Chuẩn mực chung về kiểm toán viên trong kiểm toán hoạt động		
1.2.2.1. Tính độc lập		
1.2.2.2. Trình độ nghề nghiệp		
1.2.2.3. Chuẩn mực thực hành		
1.2.2.4. Chuẩn mực báo cáo		
1.3. Quy trình kiểm toán hoạt động	2	
1.3.1. Nội dung quy trình kiểm toán hoạt động		
1.3.2. Lựa chọn đối tượng kiểm toán		
1.3.3. Theo dõi sau kiểm toán		
Chương 2. Lập kế hoạch kiểm toán	10	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
2.1. Mục tiêu và nguyên tắc trong giai đoạn lập kế hoạch	1	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
2.2. Thu thập thông tin	3	
2.2.1. Thu thập tài liệu		
2.2.2. Phỏng vấn		
2.2.3. Quan sát		
2.3. Nhận dạng rủi ro	4	Phương pháp: thảo luận nhóm
2.3.1. Nhận dạng các hoạt động then chốt		
2.3.2. Nghiên cứu báo cáo quản trị		
2.3.3. Tham quan thực tế		
2.3.4. Thảo luận với nhà quản lý đơn vị		
2.3.5. Xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ		
2.3.6. Phân tích báo cáo tài chính		
2.4. Thiết kế và quản lý chương trình kiểm toán	2	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
2.4.1. Mục đích và ý nghĩa		
2.4.2. Các bước thiết kế chương trình kiểm toán		
2.4.3. Phân công		
2.4.4. Quản lý chương trình kiểm toán		
Chương 3. Thực hiện kiểm toán	15	Hình thức tổ chức: trên lớp,

		dạy học theo nhóm
3.1. Mục tiêu và nguyên tắc trong giai đoạn thực hiện kiểm toán	2	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
3.1.1. Mục tiêu trong giai đoạn thực hiện kiểm toán		
3.1.2. Nguyên tắc trong giai đoạn thực hiện kiểm toán		
3.2. Các kỹ thuật thực hiện kiểm toán	10	
3.2.1. Phỏng vấn		
3.2.2. Lập và phân tích lưu đồ		
3.2.2.1. Lập lưu đồ		
3.2.2.2. Phân tích lưu đồ		
3.2.3. Phân tích số liệu		
3.2.3.1. Phân tích tỷ số và xu hướng		
3.2.3.2. Phân tích dữ liệu		
3.2.3.3. Phân tích biến động		
3.2.3.4. Phân tích tương quan		
3.2.3.5. Phân tích lợi ích – chi phí		
3.2.4. Thực hiện các thử nghiệm		
3.2.4.1. Quy trình thực hiện các thử nghiệm		
3.2.4.2. Các kỹ thuật được sử dụng trong các thử nghiệm		
3.2.5. So sánh kết quả và kế hoạch		
3.3. Hồ sơ kiểm toán	3	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng
3.3.1. Mục đích		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
3.3.2. Ghi chép hồ sơ kiểm toán		
3.3.3. Tổ chức hồ sơ kiểm toán		
Chương 4. Xử lý các phát hiện kiểm toán	10	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
4.1. Nội dung xử lý các phát hiện kiểm toán	7	Phương pháp: thuyết trình, diễn giảng, thảo luận nhóm
4.1.1. Thực trạng		Phương pháp kiểm tra, đánh giá: Tự luận
4.1.2. Tiêu chuẩn		
4.1.3. Nguyên nhân		
4.1.4. Hậu quả/Tác động		
4.1.5. Kiến nghị		
4.2. Quy trình xử lý phát hiện kiểm toán	3	
Chương 5. Báo cáo kiểm toán	5	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
5.1. Tác dụng của báo cáo kiểm toán	1	Phương pháp: thuyết trình diễn giảng, kiểm tra, đánh giá
5.2. Các loại hình báo cáo kiểm toán	1	
5.2.1. Báo cáo giữa kỳ và báo cáo kết thúc		
5.2.2. Báo cáo bằng lời và báo cáo bằng văn bản		
5.3. Yêu cầu của báo cáo kiểm toán	2	
5.3.1. Xử lý trên quan điểm trọng yếu		

5.3.2. Thông tin chính xác và có cơ sở vững chắc		
5.3.3. Khách quan và có tính xây dựng		
5.3.4. Súc tích, mạch lạc và dễ hiểu		
5.4. Cấu trúc của báo cáo kiểm toán	1	
5.4.1. Dạng báo cáo ngắn		
5.4.2. Dạng báo cáo thông thường		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1] – Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TpHCM (2010), *Kiểm toán hoạt động*, NXB Phương Đông, TPHCM

[2] – Bộ môn Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân (2009), *Kiểm toán hoạt động*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội

6.2. Tài liệu khác

[1] – Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kế toán – Kiểm toán, Trường Đại học Kinh tế TpHCM (2007), *Kiểm toán*, NXB Lao động xã hội, TPHCM

[2] – Australian International Audit Office (2003), *General Guidance on the Conduct of Performance Audits*

[3] – Bộ Tài chính, *Hệ thống chuẩn mực kiểm toán Việt Nam*

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 1

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 75 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0,1

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 4 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Ng Chương Thanh Hương

**HỌC PHẦN
THỰC HÀNH KHAI BÁO THUẾ****1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Thực hành khai báo thuế
- Mã học phần: 832307
- Số tín chỉ: 03
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 45 (45; 0; 0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Thuế (832026)
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần: Cung cấp cho sinh viên những nghiệp vụ khai báo các sắc thuế cơ bản áp dụng trong doanh nghiệp như thuế Môn bài, thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TNCN, Luật Quản lý thuế và công tác Thanh tra kiểm tra thuế.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về chính sách thuế, các phương pháp tính thuế cũng như cách thức thu nộp.

4.2. Về kỹ năng: Tính được số thuế phải nộp: Thuế Môn bài, Thuế TNCN, thuế GTGT, thuế XNK, thuế TNDN.

4.3. Về thái độ: Sinh viên có thái độ tuân thủ pháp luật về thuế.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1. Giới thiệu hoá đơn chứng từ thuế và phần mềm khai báo	6	Hình thức tổ chức: trên lớp, dạy học theo nhóm
1.1 Hoá đơn chứng từ khai thuế 1.2 Các mẫu biểu khai báo thuế 1.3 Phần mềm khai báo thuế		Sinh viên thực hành trên chứng từ thực tế của một doanh nghiệp để khai báo thuế GTGT và TNDN bằng phần mềm của Tổng cục thuế hiện đang áp dụng cho các doanh nghiệp.
Chương 2. Thuế Môn bài	3	Kiểm tra giữa kỳ: bài tập thực hành
2.1. Thuế Môn bài đối với tổ chức kinh tế 2.2. Thuế Môn bài đối với hộ kinh doanh cá thể 2.3. Kế khai thuế Môn bài		
Chương 3. Thực hành khai báo thuế GTGT	12	
3.1 Khai thuế GTGT đầu vào 3.2 Khai thuế GTGT đầu ra		

3.3 Tờ khai thuế tổng hợp đầu vào, đầu ra 3.3 Điều chỉnh thuế khi xảy ra sai sót		
Chương 4. Thực hành khai báo thuế TNDN	12	
4.1 Lập báo cáo kết quả kinh doanh 4.2 Lập tờ khai thuế TNDN		
Chương 5. Thực hành khai thuế TNCN	6	
5.1 Lập tờ khai thuế TNCN đối với tổ chức trả lương cho người lao động. 5.2 Lập tờ khai thuế quyết toán thuế đối với cá nhân người lao động.		
Chương 6. Luật quản lý thuế và Thanh tra kiểm tra thuế	6	
6.1. Luật quản lý thuế 6.2. Thanh tra thuế 6.3. Kiểm tra thuế 6.4. Xử phạt hành chính trong lĩnh vực thuế		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính:

- [1] – Nguyễn Thị Mỹ Linh (2009), *Thuế thực hành*, NXB Thống kê.
 [2] – Đỗ Đức Minh (2005), *Giáo trình Lý thuyết thuế*, NXB Tài chính.
 [3] – Bài giảng của Giảng viên.

6.2. Tài liệu khác:

7. Phương pháp đánh giá học phần

- 7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên
 7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01 lần
 7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.
 7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng
 - Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;
 - Điểm trung bình kiểm tra giữa kỳ: hệ số 0.3;
 - Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6
 7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

HỌC PHẦN
EXCEL TRONG PHÂN TÍCH KINH DOANH**1. Thông tin về học phần**

- Tên học phần: Excel trong phân tích kinh doanh
- Mã học phần: 832308
- Số tín chỉ: 2
- Số tiết (lý thuyết, bài tập, thực hành): 30 (30;0; 0)
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Điều kiện để học học phần:
 - + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
 - + Đòi hỏi học phần học song hành: không có
 - + Sĩ số sinh viên tối đa: 60 SV

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn kế toán**3. Mô tả học phần**

Môn học này cung cấp cho sinh viên những kiến thức căn bản về việc phân tích các chỉ số tài chính, các mô hình tài chính dựa trên công cụ Microsoft Excel 2010 giúp người học biết cách phân tích, dự báo tình hình tài chính, kinh doanh hỗ trợ cho việc quản trị doanh nghiệp, hỗ trợ các cấp quản trị đưa ra các quyết định kịp thời, chính xác.

4. Mục tiêu học phần**4.1. Về kiến thức**

- Biết sử dụng công cụ phần mềm excel phân tích các chỉ số tài chính, báo cáo tài chính, các chỉ số trong hoạt động kinh doanh
- Biết áp dụng một số mô hình tài chính bằng công cụ excel

4.2. Về kỹ năng

- Vận dụng excel 2010 tính toán, xác định các chỉ số tài chính, các chỉ tiêu kinh doanh trong doanh nghiệp
- Lập và xác định các mô hình tài chính để làm cơ sở dự báo, phân tích các chỉ tiêu, độ rủi ro trong tài chính
- Kỹ năng việc nhóm để cùng giải quyết vấn đề phát sinh trong Doanh nghiệp trong việc xác định, tính toán và phân tích tình hình kinh doanh của DN

4.3. Về thái độ

- Hình thành thói quen, tính cẩn thận, chính xác và khoa học trong việc xử lý các số liệu, dữ liệu.

- Có thái độ yêu thích công việc trong chuyên ngành kế toán và lĩnh vực tài chính
- Hình thành thói quen nghiên cứu, đọc tài liệu chuyên ngành bằng Tiếng Anh.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết HP/MH	Số tiết	Hình thức tổ chức/ Phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
<p>Chương 1. Ứng dụng Excel lập báo cáo tài chính</p> <p>1.1 Báo cáo kết quả kinh doanh 1.2 Bảng cân đối kế toán 1.3 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 1.4 Sử dụng chức năng Excel's Outliner trong BCTC 1.5 Bài tập tình huống</p> <p>Bài tập 1.1 Bài tập 1.2 (Internet Excercise)</p>	3	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận. Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 2: Phân tích Báo cáo tài chính bằng Excel</p> <p>2.1. Tính các chỉ số tài chính 2.2. Sử dụng mô hình Z-Score dự báo tình hình tài chính của công ty 2.3. Sử dụng các chỉ số tài chính của công ty</p> <p>Bài tập 2.1 Bài tập 2.2 (Internet Excercise)</p>	3	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 3: Ứng dụng excel để dự báo tài chính</p> <p>3.1. Phương pháp phân trăm doanh thu bán hàng 3.1.1 Dự báo Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh 3.1.2 Dự báo chỉ tiêu Tài sản trong Bảng CĐKT 3.1.3 Dự báo chỉ tiêu Nợ trong Bảng CĐKT 3.2.3 Khái niệm DFN (Discretionary Financial Needed)</p> <p>3.2. Loại trừ DFN trong báo cáo tài chính 3.3. Một số phương pháp dự báo khác</p> <p>Bài tập 3.1 Bài tập 3.2 (Internet Excercise)</p>	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 4: Điểm hoà vốn và phân tích đòn bẩy</p> <p>4.1. Tính điểm hoà vốn bằng excel 4.2. Sử dụng chức năng Goal Seek để xác định điểm hoà vốn 4.3. Phân tích đòn bẩy 4.3.1 Đòn bẩy trong hoạt động doanh nghiệp 4.3.2 Đòn bẩy tài chính</p> <p>Bài tập 4.1 Bài tập 4.2 (Internet Excercise)</p>	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 5: XÁC ĐỊNH RỦI RO VÀ HOẠCH ĐỊNH</p>	6	<p>Phương pháp dạy –</p>

<p>NGÂN SÁCH VỐN</p> <p>5.1. Ứng dụng Excel xác định các rủi ro 5.2. Phân tích độ nhạy (sensitivity Analysis) 5.3. Phân tích độ nhạy nhiều tham số (scenario Analysis) 5.4 Tính toán chỉ số NPV mong đợi</p> <p>Bài tập 5.1 Bài tập 5.2 (Internet Excercise)</p>		<p>học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>
<p>Chương 6: PHÂN TÍCH CƠ SỞ DỮ LIỆU VỚI BẢNG BIỂU VÀ CÔNG CỤ PIVOT TABLES</p> <p>6.1. Sử dụng bảng biểu trong excel 6.2. Sử dụng công cụ Pivot tables 6.2.1. Tạo Pivot Tables 6.2.2. Định dạng Pivot Table 6.2.3. Sắp xếp và trình bày dữ liệu trong Pivot table 6.2.4. Tính toán trong Pivot Table 6.3. Sử Dụng Pivot Table trong việc lập các BCTC 6.3.1. Nhóm dữ liệu 6.3.2. Trình bày Multiple Subtotals 6.3.3. Tính các chỉ số tài chính 6.3.4. Lọc dữ liệu với công cụ Slices 6.3.5. Trích xuất dữ liệu từ Pivot Table</p> <p>Bài tập 6.1 Bài tập 6.2 (Internet Excercise)</p>	6	<p>Phương pháp dạy – học: Diễn giảng, thuyết trình, thảo luận Phương pháp kiểm tra: Bài tập</p>

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

1. Timothy R. Mayets, Todd M. Shank, *Financial Analysis with Microsoft Excel 6 edition*, South - Western

2. Francis J. Clauss Carl. *Financial Analysis with Microsoft Excel*, Mc.Graw. Hill.

6.2. Tài liệu khác

3. Giáo trình Microsoft Excel, Ứng dụng trong kinh tế, Chương trình giảng dạy Fulbright, Trần Thanh Phong.

4. Website: www.giaiphapexcel.com

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: bài tiểu luận

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần: hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2016

DUYỆT

TRƯỞNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Giang Quốc Tuấn

HỌC PHẦN
EXCEL TRONG KIỂM TOÁN

1. Thông tin về học phần

- Tên học phần: Excel trong Kiểm toán
- Mã học phần : 832310
- Số tín chỉ : 02
- Số tiết (lí thuyết, bài tập, thảo luận, thực hành/thí nghiệm/thực địa): 30 (25; 5; 0; 0)
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Điều kiện để học học phần:
- + Đòi hỏi học phần học trước: Không có
- + Đòi hỏi học phần học song hành: Không có
- + Sĩ số sinh viên tối đa:

2. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Kế toán

3. Mô tả học phần

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về các đặc tính của dữ liệu kế toán và phân loại tài khoản kế toán phục vụ công tác kiểm tra của kiểm toán viên. Bên cạnh đó học phần cũng cung cấp cho sinh viên các chiến lược, phương pháp và kỹ thuật sử dụng trong các cuộc kiểm toán báo cáo tài chính thông qua việc ứng dụng các hàm số, chức năng được tích hợp trong phần mềm Microsoft Excel.

4. Mục tiêu học phần

4.1. Về kiến thức: Sinh viên tham dự lớp đầy đủ sẽ có kiến thức về:

- 06 đặc tính cơ bản của dữ liệu kế toán.
- Cách phân loại tài khoản phục vụ cho việc kiểm tra của kiểm toán viên.
- Phân tích dữ liệu kế toán phục vụ cho công việc kiểm toán bằng công cụ Excel.

4.2. Về kỹ năng:

- Kỹ năng và phương pháp làm việc của kiểm toán viên trong môi trường công nghệ thông tin.
- Ứng dụng hiệu quả các hàm số, chức năng của Excel vào công việc kiểm toán.

4.3. Về thái độ:

- Giúp sinh viên nhận thức được sự hữu ích của việc ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ cho công việc kiểm toán.
- Hình thành thói quen, tư duy xử lý thông tin một cách khoa học.

5. Nội dung và kế hoạch dạy học học phần

Nội dung chi tiết của học phần	Số tiết	Hình thức tổ chức, phương pháp dạy - học và kiểm tra, đánh giá
Chương 1: CÁC ĐẶC TÍNH CỦA DỮ LIỆU KẾ TOÁN	2	Giới thiệu – Diễn giải – Thảo luận – Áp dụng
1.1. Số dương		
1.2. Đơn nhất		
1.3. Liên tục		
1.4. Trình tự		
1.5. Cân đối		
1.6. Đối ứng		
Chương 2: PHÂN LOẠI TÀI KHOẢN	2	Giới thiệu – Diễn giải – Thảo luận – Áp dụng
2.1. Tài khoản trung gian		
2.2. Tài khoản có đối tượng		
2.3. Tài khoản điều chỉnh		
2.4. Tài khoản tổng hợp và chi tiết		
2.5. Tài khoản khác		
Chương 3: MỨC ĐỘ DỮ LIỆU	1	Giới thiệu – Diễn giải – Thảo luận – Áp dụng
3.1. Mức độ ghi nhận		
3.2. Mức độ xác nhận		
3.3. Phương pháp kiểm tra		
Chương 4: MỤC TIÊU KIỂM TOÁN VÀ CÁC KỸ THUẬT KHAI THÁC BẰNG CHỨNG	4	Giới thiệu – Diễn giải – Thảo luận – Áp dụng
4.1. Mục tiêu kiểm toán		
4.2. Các kỹ thuật khai thác bằng chứng		
Chương 5: ỨNG DỤNG EXCEL TRONG PHÂN TÍCH DỮ LIỆU KẾ TOÁN	21	Giới thiệu – Diễn giải – Thảo luận – Áp dụng
5.1. Các công thức và chức năng Excel thường dùng trong kiểm toán		
5.2. Kỹ thuật phân tích dữ liệu kế toán		
5.2.1. Kiểm tra tổng quát		
5.2.2. Phân tích xu thế, cấu trúc		
5.2.3. Kiểm tra cân đối		
5.2.4. Kiểm tra đối ứng		

6. Tài liệu học tập

6.1. Tài liệu chính

[1] – Bill Jelen and Dwayne K. Dowell (2007), *Excel for Auditors*, Tickling Keys.

[2] – Richard B. Lanza (2006), *Using Excel as an Audit Software*, Auditsoftware.net.

[3] – Charlie Walker (2010), *The Ultimate Guide to Auditing with Excel*, Reinvent Data Limited.

6.2. Tài liệu khác

[1] – John Walkenbach (2010), *Excel 2010 Formulas*, Wiley Publishing Inc.

7. Phương pháp đánh giá học phần

7.1. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến phần nguyên

7.2. Số bài kiểm tra quá trình (nhiều lần hoặc một lần kiểm tra giữa kì): 01

7.3. Hình thức thi kết thúc học phần: Trắc nghiệm và tự luận, đề đóng (thí sinh không được mang tài liệu vào phòng thi), thời gian làm bài: 60 phút.

7.4. Các điểm quá trình và trọng số/hệ số tương ứng

- Điểm chuyên cần: hệ số 0.1;

- Điểm trung bình của các bài kiểm tra quá trình: hệ số 0.3;

- Điểm thi kết thúc học phần (hệ số phải lớn hơn hoặc bằng 0.5): hệ số 0.6

7.5. Điểm học phần: là điểm trung bình chung của các điểm nêu ở mục 7.4

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 05 năm 2016

DUYỆT

TRƯỜNG NGÀNH

TRƯỞNG BỘ MÔN

NGƯỜI BIÊN SOẠN

PGS.TS Phạm Hoàng Quân

TS. Trần Đình Phụng

TS. Nguyễn Anh Hiền

ThS. Nguyễn Ngọc Huyền Trân